Tìm Hiểu Về Hồi Giáo

Như Phong tổng hợp

Nội Dung

Hồi Giáo – Bách Khoa Toàn Thư Mở	1
Tìm Hiểu Kinh Koran – Charlie Nguyễn	13
Năm Nghĩa Vụ Thiêng Liêng Của Tín Đồ Hồi Giáo	20
Thân Thế, Sự Nghiệp và Lập Đạo Của Muhammad	23
Sáu Trụ Cột Của Đức Tin Hồi Giáo	49
Các Mô Hình Sinh Hoạt Trong Thế Giới Hồi Giáo	59
Sự Bành Trướng Đạo Hồi	66
Cái Nôi Của Đạo Hồi: Bán Đảo Á Rập	74

Hồi giáo

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Biểu tượng của Hồi giáo được thế giới biết đến

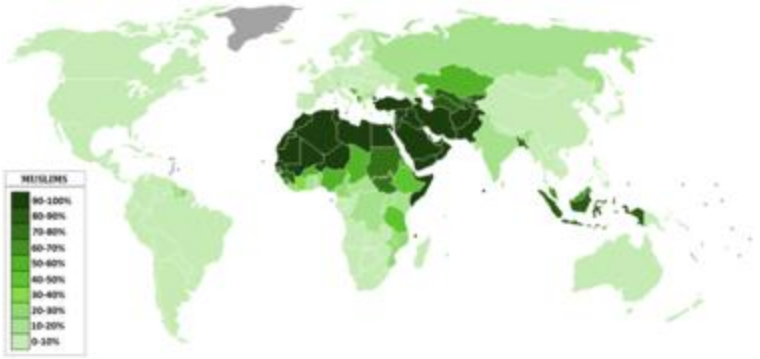

Tỷ lệ dân mỗi nước theo đạo Hồi

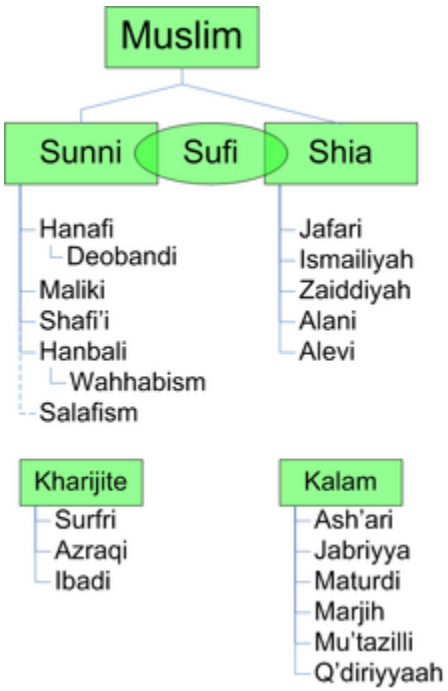

Các nhánh của Hồi giáo

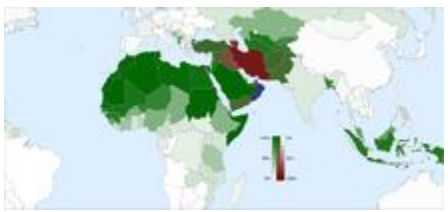

Các quốc gia Hồi giáo: hệ phái Shia màu đỏ; hệ phái Sunni màu lục

Tín đồ Islam lễ bái

Một phần của loạt bài về

Hồi giáo

Tín điều

Allah · Sự Duy Nhất của Thượng Đế
Muhammad · Các sứ giả của Islam

Hành đạo

Tuyên xưng Đức Tin · Lễ cầu nguyện
Nhin chay · Bố thí · Hành hương

Lịch sử & Các lãnh tụ tôn giáo

Niên biểu lịch sử Islam
Ahl al-Bayt · Sahaba
Các khalip Rashidun · Các Imam hệ phái Shia

Kinh điển & Giáo luật

Qur'an · Sunnah · Hadith
Fiqh · Sharia
Chủ thuyết Kalam · Tasawwuf (chủ thuyết Sufi)

Các chi nhánh lớn

Sunni · Shi'a · Sufi · Khariji · Kalam

Văn hóa & Xã hội

Học thuật · Nghệ thuật
Lịch · Dân số
Lễ hội · Các thánh đường Islam · Triết học
Chính tri · Phu nữ

Islam và các tôn giáo khác

Ấn giáo · Cao Đài
Cơ Đốc giáo · Do Thái giáo

Đạo giáo · Nho giáo · Phật giáo
Xem thêm
Từ ngữ về Islam trong tiếng Ả Rập
Cổng tri thức Islam x · t · s

Hồi giáo (tiếng Ả Rập: الإسلام *al-'islām*), còn gọi **đạo Islam**, là một tôn giáo độc thần thuộc nhóm các tôn giáo Abraham. Đây là tôn giáo lớn thứ hai trên thế giới, sau Kitô giáo, và là tôn giáo đang phát triển nhanh nhất, với số tín đồ hiện nay là 1,3 tỷ.[*cần dẫn nguồn*]

Mục lục

- 1 Nguồn gốc
- 2 Các tên gọi và cụm từ liên quan
- 3 Giáo lý
- 4 Năm cột trụ của Hồi giáo
- 5 Sự phân chia Hồi giáo
- 6 Thánh địa Mecca
- 7 Chú thích
- 8 Tham khảo
- 9 Đọc thêm
  - 9.1 Sách và bài báo
    - 9.1.1 Các bách khoa toàn thư
- 10 Tham khảo
- 11 Liên kết ngoài

Nguồn gốc

Đối với người ngoài, đạo Hồi giáo ra đời vào thế kỷ 7 tại bán đảo Ả Rập, do Thiên Sứ Muhammad nhận mặc khải của thượng đế truyền lại cho con người qua thiên thần Jibrael . Đạo Hồi chỉ tôn thờ Allah Đấng Tối Cao, Đấng Duy Nhất (tiếng Ả Rập: الله *Allāh*). Đối với tín đồ, Muhammad là vị Thiên Sứ cuối cùng được Allah mặc khải Thiên Kinh Qur'an (còn viết là Koran) qua Thiên thần Jibrael.

Điều đầu tiên chúng ta nên biết và hiểu rõ về Islam là từ “Islam” có nghĩa là gì. Tên Islam không được đặt theo tên người như trong trường hợp Cơ đốc giáo, được đặt tên theo Chúa Giê-su, Phật giáo được đặt tên theo Đức Phật, đạo Khổng được đặt tên theo Đức Khổng Tử, và chủ nghĩa Mác được đặt tên theo Các Mác.

Các tên gọi và cụm từ liên quan

Nguyên nghĩa của « Hồi giáo » trong tiếng Ả Rập là **Islam** và có nghĩa là "vâng mệnh, quy phục Thượng Đế". Người theo Islam, trong tiếng Ả Rập gọi là **Muslim**, do đó có các chữ *muslim,*

moslem tiếng Anh và *musulman* tiếng Pháp. Danh từ « Hồi giáo » xuất xứ từ dân tộc Hồi Hột. Hồi Hột là nước láng giềng phương bắc của Trung Quốc từ năm 616 đến 840. Lúc rộng lớn nhất lãnh thổ họ đông đến Mãn Châu, tây đến Trung Á [1], và họ đã giúp nhà Đường dẹp được loạn An Lộc Sơn. Với thời gian, cách gọi đổi thành « Hồi Hồi ». Tài liệu xưa nhất dùng danh từ « Hồi Hồi » là Liêu Sử, soạn vào thế kỷ 12.[2] Đời nhà Nguyên (1260 - 1368), tại Trung quốc, cụm từ « người Hồi Hồi » được dùng để chỉ định người Trung Á, bất luận theo tín ngưỡng nào. Đến đời Minh (1368 - 1644), cụm từ « người Hồi Hồi » mới dần dần đổi nghĩa để chỉ định tín đồ Islam.[2]

Trước đó, người Hán thường gọi Islam là « Đại Thực giáo » hay « đạo A-lạp-bá ».[3] « A-lạp-bá » là phiên âm tiếng Hán của danh từ « Ả Rập ». « Đại Thực » là phiên âm của chữ « Tazi », tiếng Ba Tư dùng gọi người « Ả Rập », vì « Tazi » là tên một bộ tộc người « Ả Rập » tiếp xúc nhiều với Ba Tư thời xưa.[4]

Bởi « Hồi Hồi » là tên gọi chủng tộc, không phải là dịch nghĩa của chữ **Islam** hay một tôn chỉ của Islam, nên một số người hạn chế dùng danh từ « Hồi giáo » hay « đạo Hồi ». Trường hợp các tên « Đại Thực » hay « A-lạp-bá » cũng thế. Bởi thế, tại Trung Quốc, ngay từ năm 1335, thời nhà Nguyên, đã có người đề ra cụm từ **Thanh Chân giáo** (清真教) để thích nghi hơn với tiếng Hán[5]. Đề nghị này được hưởng ứng rộng rãi nên ngày nay **Thanh Chân giáo** là cụm từ được ghi trong nhiều từ điển tiếng Hán [6]. Tại Trung Quốc ngày nay cũng có nhiều "Thanh Chân tự" (清真寺) (thánh đường Islam) và "Thanh Chân thực đường" (清真菜堂) (quán ăn, nhà ăn halal).

Ngày nay tại Trung Quốc người ta cũng thường gọi **Islam** theo phiên âm là **Y Tư Lan giáo** (伊斯蘭教 Yīsīlán jiào).[7]. Cơ quan đại diện Islam chính thức tại Trung Quốc có tên là "Trung Quốc Y Tư Lan giáo hiệp hội" (中国伊斯兰教协会 *Zhōngguó Yīsīlánjiào xiéhuì*) được ra đời ngày 11 tháng 5 năm 1953, trực thuộc chính quyền và có trụ sở tại Bắc Kinh. Wikipedia Trung văn cũng dùng danh từ **Y Tư Lan giáo**.

Nhiều tài liệu, văn bản trong tiếng Việt từ nhiều năm nay cũng dùng danh từ **đạo Islam** hay **đạo Ixlam**. Tuy nhiên, nhiều tín hữu Islam nói tiếng Việt vẫn dùng danh từ **Hồi giáo** vì đã quen nghĩ đến, nói đến danh từ này một cách tôn kính.

Giáo lý

Tuy cùng một hệ thống nhất thần của các tôn giáo khởi nguồn từ Abraham nhưng giáo lý Hồi giáo không chịu ảnh hưởng tư tưởng của Ki tô giáo và Do Thái giáo. Thể hiện rõ trong kinh Koran (trong 6219 câu của kinh này đã thể hiện nội dung của kinh Cựu Ước và Tân Ước). Không như những tôn giáo bạn, đạo Hồi chỉ có duy nhất một quyển thiên kinh Qur'an, gồm có 114 chương, 6236 tiết. Đối với các tín đồ Hồi giáo, thiên kinh Qur'an là một vật linh thiêng, vì đó chính là lời phán của Allah Đấng Toàn Năng.

Người Hồi giáo tin tưởng các vị sứ giả đến trước sứ giả Muhammad, kể từ Adam đến Jesus xuyên qua Noah, Abraham, Moise, v.v. Họ cũng tin tưởng Cựu ước và Tân ước là kinh sách của Allah nhưng họ không thi hành theo vì sự "lệch lạc" do người Do Thái giáo và Thiên Chúa giáo tạo ra và thiên kinh Qur'an được Allah mặc khải xuống để điều chỉnh lại những gì đã sai trái ở hai kinh sách đó.

- Jesus đối với người Hồi giáo là một sứ giả rất được kính mến, nhưng họ không tin Jesus là con của Thiên Chúa (Allah), đối với họ Jesus chỉ là một con người, một sứ giả như mọi sứ giả khác vì theo quan điểm của Hồi giáo thì Thiên Chúa không có con, như Thiên kinh Qur'an đã phán:

  Allah là Đấng Tạo Thiên Lập Địa! Làm thế nào Ngài có con khi Ngài không hề có người bạn đường? Chính Ngài là Đấng đã sáng tạo và thông hiểu tất cả mọi vật." (trích 6:101)

- Hồi giáo không chấp nhận tội tổ tông, việc làm của Adam và Eve không phải là nguồn gốc tội lỗi của loài người. Và không có một ai có quyền rửa tội cho một ai khác; ngoại trừ Allah.

Sự khác nhau giữa Cựu Ước, Tân Ước và Thiên Kinh Qur'an trên quan điểm Đấng Toàn Năng như sau:

Cựu Ước:

> Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình.
>
> sách Sáng Thế 1:27.

Tân Ước:

> Ta và Cha ta là một.
>
> Tân ước Gioan 10:30.

Thiên Kinh Qu'ran:

> Ngài là Đấng Duy Nhất. Allah Đấng Độc Lập và Cứu Rỗi. Ngài chẳng sinh ra ai và cũng chẳng ai sinh ra Ngài. Không một ai đồng đẳng với Ngài.
>
> .112 : 1-4.

Đạo Hồi không có Mười Điều Răn như đạo Ki Tô nhưng kinh Qur'an cũng liệt kê mười điều tương tự:

1. Chỉ tôn thờ một Thiên Chúa (tiếng Á Rập là Allah).
2. Vinh danh và kính trọng cha mẹ.
3. Tôn trọng quyền của người khác.
4. Hãy bố thí rộng rãi cho người nghèo.
5. Cấm giết người, ngoại trừ trường hợp đặc biệt (*).
6. Cấm ngoại tình.
7. Hãy bảo vệ và chu cấp trẻ mồ côi.
8. Hãy cư xử công bằng với mọi người.
9. Hãy trong sạch trong tình cảm và tinh thần.
10. Hãy khiêm tốn

(*) Trường hợp đặc biệt được phép giết người mà không bị trọng tội là:

1) Trong khi kháng cự hoặc chiến đấu chống lại những kẻ lùng giết người đạo mình nhằm cưỡng bách bỏ đạo. Nhưng nếu chiến thắng, phải noi gương thiên sứ Muhammad, tha thứ và đối xử nhân đạo với phần đông kẻ bại trận.

2) Giết những tên sát nhân để trừ hại cho dân lành.

Ngoài ra tín đồ Hồi giáo có một số luật lệ:

- Một lần trong đời, họ phải hành hương về thánh địa Mecca, nhưng với điều kiện họ không vay mượn hay xin phí tổn. Trước khi đi, họ phải lo cho gia đình vợ con đầy đủ những nhu cầu cần thiết trong thời gian họ vắng mặt hành hương.
- Nghiêm cấm ăn máu, thịt con vật đã chết trước khi được cắt tiết theo nghi thức; không được ăn thịt lợn vì lợn là con vật bẩn thỉu.
- Nghiêm cấm uống rượu và các thức uống lên men.
- Nghiêm cấm cờ bạc.
- Nghiêm cấm gian dâm và trai gái quan hệ xác thịt trước khi cưới hỏi.
- Nghiêm cấm ăn những con vật ăn thịt sống hay ăn tạp (như chó, mèo, chuột, v.v.).
- Người Hồi giáo chỉ được ăn thịt halal, tức là thịt đã được giết mổ theo nghi thức của đạo Hồi. Tuy nhiên, trong trường hợp tuyệt đối không có gì ăn, họ được ăn mọi thứ để duy trì sự sống.
- Hàng năm phải thực hiện tháng ăn chay Ramadan để tưởng nhớ và biết thương xót người nghèo. Tháng này tính theo lịch Mặt Trăng. Trong tháng này, khi còn ánh sáng Mặt Trời, họ không được ăn và uống, đến đêm thì mới ăn. Cũng trong tháng này, con người phải tha thứ và sám hối, vợ chồng không được gần nhau vào ban ngày nhưng ban đêm vẫn có thể ân ái với nhau. Trẻ em và phụ nữ có mang không phải thực hiện Ramadan.

- Hồi giáo nghiêm cấm kỳ thị chủng tộc và tôn giáo, tín đồ Hồi giáo không được phép chỉ trích cũng như phán xét người khác. Đó là việc của Allah Đấng Toàn Năng

Năm điều căn bản của đạo Hồi:

1. Tuyên đọc câu Kalimah Sahadah: *Ash Ha Du Allah Ila Ha Il Lallah Wa Ash ha du an na Muhammader rosu Lullah*, có nghĩa Tôi công nhận Allah là thượng đế duy nhất và ngoài ra không có ai khác cả và tôi công nhận Muhammad là vị sứ giả cuối cùng của Ngài
2. Cầu nguyện ngày năm lần: Buổi bình minh, trưa, xế trưa, buổi hoàng hôn và tối.
3. Bố thí.
4. Nhịn chay tháng Ramadan.
5. Hành hương tại Mecca.

Trên phương diện khoa học nhân văn, Hồi giáo là một tôn giáo ra đời vào thế kỷ thứ 7, dựa trên những nền tảng có sẵn của Do Thái giáo và Cơ Đốc giáo. Đôi khi người ta cũng gọi Hồi giáo là đạo Muhammad (Muhammadanism), theo tên của đức sáng tổ. (thật ra đạo Islam không dựa trên những nền tảng có sẵn của Do Thái giáo và Cơ Đốc giáo như đã nêu, và việc gọi đạo Islam theo cái tên đạo Muhammad là hoàn toàn sai bởi vì Thiên Sứ Muhammad không phải là người sáng lập Người chỉ là người được Allah lựa chọn ban cho lời mặc khải của Ngài rồi truyền đạt lại cho người khác.)

Tuy nhiên, với những tín đồ Hồi giáo, đạo của họ là đạo thường hằng trong vũ trụ, do Thượng Đế tạo ra, và vì Thượng Đế vốn bất sinh bất diệt nên đạo của Ngài cũng bất sinh bất diệt; còn Muhammad đơn thuần chỉ là một người "thuật nhi bất tác", thuật lại cho mọi người những mặc khải của Thượng Đế mà thôi. Trong quan niệm của các tín đồ, Hồi giáo không khởi sinh từ Muhammad. Với họ, con người đầu tiên do Thượng Đế tạo ra, tức Adam, là tín đồ Hồi giáo đầu tiên, và ngay từ thuở hồng hoang, khắp đất trời đã là một vương quốc Hồi giáo. Không chỉ người mà thôi, mà tất cả muông thú, cỏ cây đều tuân theo Hồi giáo cả. Sở dĩ Adam và loài người được kiến tạo là để thay mặt Thượng Đế cai quản các loài thảo cầm ở nhân gian. Và vì đẳng cấp của loài người cao như thế tự do ý chí nên vấn đề nảy sinh từ đây. Sự tự do ý chí đôi khi dẫn đến những lầm lạc, lầm lạc dẫn đến rời bỏ Thượng Đế, và xa dần chính đạo. Khi Adam, con người đầu tiên và cũng là Thiên Sứ đầu tiên, lìa trần, con cháu ông, không còn ai chỉ bảo, càng lún sâu vào con đường tối. Do thế mà Thượng Đế lại phải gửi xuống nhân gian những vị Thiên Sứ mới để nhắc lại Thiên Đạo, đưa loài người về đúng nẻo ngay. Trước Muhammad, đã có hằng trăm ngàn Thiên Sứ giảng lời mặc khải ở trần thế, trong đó có Noah, Abraham (Ibrohim), Moses (Musa), David (Dawud) và Jesus (Ysa)... Tuy nhiên, một là do loài người u mê chưa tỉnh ngộ, hai là do sự ngoan cố, tự cao, tự đại của con người, mà chính đạo vẫn bị bóp méo như thường. Rốt cuộc, đến thế kỷ 7, Thượng Đế khải thị cho Muhammad, và biến ông trở thành vị Thiên Sứ hoàn hảo nhất trước nay, hơn hẳn những Thiên Sứ tiền nhiệm. Do đó mà đạo của Muhammad truyền bá cũng là hoàn hảo nhất, không thể bị bóp méo như trước kia. Muhammad là vị Thiên Sứ cuối cùng, và bất cứ ai dám xưng Thiên Sứ sau Muhammad đều là kẻ tà giáo. Như đã thấy ở trên, Abraham (Ibrohim) cử xuống cho Do Thái Giáo, và Jesus Christ (Ysa) cử xuống cho Cơ Đốc Giáo, đều có vị trí Thiên Sứ trong Hồi giáo. Như vậy, Thiên Chúa mà ba tôn giáo này thờ phượng chỉ là một. Nói về Hồi giáo, chúng ta vẫn thường hay nhắc Thánh Allah, nhưng gọi như thế là sai, vì Allah trong tiếng Ả Rập mang nghĩa là Thượng Đế. (Những tín đồ Cơ Đốc người Ả Rập khi cầu nguyện cũng gọi Đức Chúa Cha là Allah). Thượng Đế dĩ nhiên phải cao hơn Thánh và là duy nhất, vả lại trong đạo Hồi chính thống hoàn toàn không có khái niệm Thánh. Người Do Thái giáo và Thiên Chúa giáo cũng được tín đồ Hồi giáo tương đối coi trọng và gọi là Giáo Dân Thánh Thư (People of The Book). Kinh Thánh Cơ Đốc cũng là sách thiêng trong Hồi giáo, có điều người ta coi nó không đầy đủ và hoàn thiện như Koran.

Năm cột trụ của Hồi giáo

Bên cạnh việc chấp nhận đức tin Islam, mỗi một tín đồ phải thực hiện năm bổn phận tôn giáo. Những bổn phận này đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ ý thức của tín đồ với cộng đồng Islam nói chung. Chúng được coi là "Năm cột trụ của Islam".

- 1. SHAHADAH là sự tuyên xưng và đồng thời là điều cốt lõi trong đức tin của một tín đồ. Nó bao gồm việc lặp lại hai câu: "Không có Chúa Trời nào khác ngoài Allah", và "Mohammed là sứ giả của Ngài" . Các tín đồ Islam nhắc lại những câu này hàng ngày khi cầu nguyện. Việc coi Mohammed là sứ giả cuối cùng của Chúa đã phân biệt Islam với Kitô giáo và Do Thái giáo.

- 2. SALAT là việc cầu nguyện. Tín đồ Islam phải cầu nguyện năm lần một ngày, vào lúc bình minh, giữa trưa, giữa chiều, khi mặt trời lặn và tối. Tín đồ có thể cầu nguyện tại bất cứ đâu - tại trường học, nơi làm việc, tại nhà hay ngoài trời - nhưng phải theo quy định. Trước khi cầu nguyện, tín đồ phải ở trong một trạng thái tinh thần và thể xác thanh khiết. Trước tiên họ phải súc miệng, sau đó rửa mặt, cổ, tay và chân.

Buổi cầu nguyện bao gồm việc đọc một số đoạn Kinh Koran, quỳ lạy và chạm đầu xuống đất, thể hiện sự phục tùng Chúa Trời. Tín đồ sử dụng một tấm thảm để quỳ. Khi cầu nguyện, tín đồ phải quay mặt về hướng Mecca, trung tâm tinh thần của Islam. Tại Mecca có Ka'bah, Đại thánh đường lưu giữ Tảng đá đen. Tín đồ Islam tin rằng tảng đá này rơi khỏi Thiên đường khi Adam và Eva bị đuổi khỏi đó.

- 3. ZAKAT là sự bố thí. Theo Kinh Koran, một người phải trao cho người khác "những thứ dư thừa" . Vì thế cột trụ thứ ba liên quan đến việc trao một tỉ lệ nào đó tài sản của một người cho người nghèo và người gặp cảnh không may.

- 4. SAWM là việc nhịn ăn. Mọi tín đồ Islam phải nhịn ăn vào ban ngày trong tháng Ramadan, trừ trẻ em, người già và những người ốm đau bệnh tật. Những người đang có việc phải đi xa không phải nhịn ăn, nhưng họ sẽ nhịn bù sau đó. Cuộc sống như dừng lại trong tháng Ramadan, nhiều cửa hiệu đóng cửa cho đến sau buổi cầu nguyện trưa. Người Islam tin rằng trong tháng Ramadan, cửa thiên đường sẽ mở ra và cửa địa ngục đóng lại, và mọi lỗi lầm sẽ được tha thứ. Đây là thời gian dành cho sự suy tưởng tôn giáo. Tín đồ hay trở dậy vào ban đêm để đọc Kinh Koran và đến giáo đường nhiều hơn ngày thường. Vào ngày kết thúc tháng Ramadan có một lễ hội lớn với rất nhiều đồ ăn và quà tặng. Đó là lễ Eid al-Fitr, kỉ niệm việc chấm dứt thời kì ăn chay.

- 5 HAJJ là việc hành hương. Ít nhất một lần trong đời, những tín đồ Islam có khả năng phải hành hương tới thánh địa Mecca. Việc hành hương thể hiện sự phục tùng Chúa Trời và diễn ra vào tháng thứ 12, tháng cuối cùng của năm Islam. Eid al Adha, lễ hiến tế, đánh dấu ngày kết thúc kì hành hương, kéo dài trong mười ngày.

Mỗi năm, hàng triệu tín đồ Islam từ khắp nơi trên Thế giới đổ về Mecca thuộc \\Ả Rập Xê Út]]. Những người hành hương mặc áo choàng trắng đơn sơ, bất kể giàu nghèo. Điều này tượng trưng cho đức tin của Islam rằng mọi người đều bình đẳng trước Chúa. Người hành hương không đeo trang sức hay xức nước thơm. Họ phải gạt bỏ phù hoa để tìm kiếm sự tha thứ, dẫn dắt và cứu rỗi linh hồn từ Chúa.

Sự phân chia Hồi giáo

Sau khi nhà tiên tri Mohammad của Hồi giáo qua đời, không bao lâu sau đó và trong quá trình phát triển, mâu thuẫn giữa những người theo dòng Sunni và dòng Shiite ở nước này hay nước khác thường xuyên xảy ra và dẫn đến những vụ xung đột, trong đó có những vụ đánh bom tàn sát lẫn nhau ngày một tăng lên và phức tạp; gây ra những lo âu, sợ hãi cho tín đồ Hồi giáo nói riêng và người dân nói chung ở nhiều quốc gia.

Vậy đâu là nguyên nhân? Có ý kiến cho rằng người Sunni và Shiite có thể bất đồng vài vấn đề về giáo lý và một vài chi tiết nào đó về lịch sử ra đời và sự phát triển của Hồi giáo, nhưng những sự khác biệt này là nhỏ bởi vì họ nhất trí cơ bản về kinh Qu'ran và tôn kính nhà tiên tri Mohammad, người sáng lập ra đạo Hồi.

Sự phân ly của Hồi giáo bắt đầu vào năm 632 sau Công nguyên, nghĩa là ngay sau khi sáng lập ra Hồi giáo và nhà tiên tri Mohammad trước khi qua đời đã không chỉ định người kế tục. Một vài môn đồ của ông tin rằng vai trò Caliph (Khalip) hay Phó Vương của Đức Chúa Trời cần được truyền theo con đường huyết thống của Mohammad, bắt đầu bằng người họ hàng và con rể của

ông – Ali ibn Abi Talib, nhưng đại đa số tín đồ lại ủng hộ người bạn của nhà tiên tri là Abu Bakr mà theo họ là người có đủ tư cách để trở thành Caliph và cho rằng người kế vị cần được bầu chọn công bằng. Ali cuối cùng trở thành Caliph thứ tư trước khi ông bị giết hại vào năm 661 sau CN bởi một người theo dị giáo gần Kufa thuộc Iraq. Việc kế vị một lần nữa lại được đem ra tranh luận và lần này đã dẫn đến một sự chia rẽ chính thức. Đại đa số tín đồ ủng hộ lời đề nghị của Mu'awiyah, người thống trị Sirya và con trai của ông Yazid. Những người ủng hộ Ali, những người cuối cùng được gọi chung là Shi'at Ali đã vận động để giành sự ủng hộ cho người con trai của ông ta là Hussein. Khi cả hai bên đụng độ ở mặt trận gần thành phố Karbala vào ngày 10 tháng 10 năm 680 sau CN, Hussein đã bị chém đầu. Thay vì bóp chết phong trào của người Shiite từ trong trứng nước, cái chết của ông đã làm cho phong trào này mang ý nghĩa "tử vì đạo". Trong con mắt của người Shiite, Hussein là một nhân vật nhân đức và chính nghĩa, người đã đứng lên đấu tranh chống lại một kẻ áp bức hùng mạnh. Lễ tưởng niệm hàng năm ngày Hussein bị xử trảm được biết đến với cái tên Ashura là lễ thương tâm và thu hút sự chú ý nhất trong những nghi lễ của người Shiite.

Những người trung thành với Mu'awiyah và những người kế tục ông với tư cách Caliph cuối cùng được biết đến là những người Sunni, có nghĩa là những môn đồ đi theo con đường (Sunnah) của nhà tiên tri. Vì Caliph thường là người đứng đầu về phương diện chính tri của đế chế Hồi giáo đồng thời là lãnh tụ tôn giáo của đế chế này, sự bảo trợ của đế chế đã giúp cho Hồi giáo dòng Sunni trở thành dòng thống trị. Hiện nay, có khoảng 90% người Hồi giáo trên thế giới theo dòng Sunni. Những người theo dòng Shiite luôn cảm thấy bị người Sunni chèn ép, họ tiếp tục sùng kính các Imam hay những con cháu của nhà tiên tri cho đến vị Imam thứ 12 là Mohammad Al-Mahdi – người đã biến mất vào thế kỷ 9 tại nơi đặt đền thờ Samara ở Iraq. Những người Shiite theo trào lưu chính đều cho rằng Al-Mahdi đã biến mất một cách thần bí và sẽ xuất hiện vào một ngày nào đó để mở ra một triều đại của công lý.

Những người Shiite đã nhanh chóng hình thành đa số ở những khu vực mà ở đó, sau này đã trở thành những nhà nước hiện đại như Iraq, Iran, Bahrain,…Cũng có những dân tộc thiểu số quan trọng người Shiite ở những nước Hồi giáo khác, trong đó có Ả Rập Xê Út, Liban và Pakistan. Người Shiite đông hơn người Sunni ở những khu vực sản xuất dầu lửa chủ yếu ởTrung Đông, không chỉ ở Iran, Iraq mà còn ở cả đông Ả Rập Xê Út. Nhưng trừ Iran, người Sunni có lịch sử bám chặt quyền lực về chính trị, ngay cả ở nơi những người Shiite có lợi thế về dân số. (Ví dụ tại Syria, người Shiite nắm quyền nhưng dân số hầu hết là người Sunni). Giới cầm quyền thuộc người Sunni duy trì sự độc quyền về quyền lực của họ bằng cách không cho người Shiite tham gia quân đội và bộ máy hành chính. Trong lịch sử Hồi giáo, hầu như giới cầm quyền người Sunni đã đối xử với người Shiite như đối với tầng lớp dưới, giới hạn họ ở các công việc lao động chân tay và không chịu chia sẻ các nguồn tài nguyên quốc gia một cách công bằng.

Những người thống trị đã dùng những luận điểm tôn giáo để biện minh cho sự áp bức. Họ nói rằng người Shiite không phải là những người Hồi giáo chân chính mà là những người theo dị giáo. Cách nhìn nhận này đã trở thành định kiến nhằm tạo điều kiện thuận lợi về mặt chính trị. Người Sunni đã so sánh việc sùng kính dòng dõi huyết thống của nhà tiên tri và sự ưa thích của người Shiite đối với những chân dung của một vài vị Imam với tội sùng bái thần tượng. Những nghi lễ của người Shiite, nhất là việc tự đánh mình bằng roi trong lễ Ashura đã bị chế giễu như một nghi lễ ngoại giáo. Có người nhận xét rằng "Đối với người Shiite, sự thống trị của người Sunni giống như việc sống dưới chế độ Apacthai".

Nhưng những Caliph người Sunni ở Bagda lại trở nên khoan dung và đôi lúc còn đóng góp cho sự phát triển của thành phố Najaf và Karbala như những trung tâm học vấn quan trọng nhất của người Shiite. Các giáo chủ người Shiite có thể điều hành những trường dòng và thu tiền thuế của tín đồ chừng nào mà họ vẫn kiềm chế trước sự thách thức ngang nhiên của nhóm cầm quyền. Lăng mộ của những lãnh tụ Hồi giáo người Shiite ở Najaf, Karbala, Samarra và Khadamiya được phép trở thành những nơi có sức thu hút mạnh các cuộc hành hương.

Quan hệ giữa các dòng trở nên tồi tệ vào thế kỷ 16. Lúc đó, trung tâm quyền lực của người Sunni đã chuyển tới Istanbun của Thổ Nhĩ Kỳ. Khi những người thuộc đế chế Ottoman thuộc dòng Sunni ở Thổ Nhĩ Kỳ gây ra nhiều cuộc chiến tranh với những người Safavid thuộc dòng Shiite ở Ba Tư, những người Ả Rập bị mắc kẹt giữa hai bên nên đôi lúc buộc phải đứng về một phe nào đó. Những người Ốt-tô-man cuối cùng đã giành quyền kiểm soát các vùng lãnh thổ Ả Rập và thắt chặt quyền thống trị của người Sunni. Người Anh nắm quyền tiếp theo ở khu vực Trung Đông đã không làm gì để thay đổi thế cân bằng này. Trong thỏa thuận sau Đại chiến thế giới thứ nhất, họ đã chuyển giao các nhà nước mới được thành lập là Iraq và Bahrain mà cả hai nước này đa số dân là người Shiite, cho các quốc vương là người Sunni.

Căng thẳng giữa hai cộng đồng người Hồi giáo Sunni và Shiite là một trong những nguyên nhân lớn nhất làm cho Trung Đông không bình yên trong nhiều thập kỷ qua. Tuy nhiên, nguyên nhân xung đột giữa hai dòng không phải chỉ là tôn giáo mà một nguyên nhân không kém phần quan trọng là mâu thuẫn về quyền lực và kinh tế. Sự căng thẳng hiện nay bắt nguồn từ cuộc Cách mạng Hồi giáo Iran vào năm 1979 và cuộc chiến tranh Iraq năm 2003. Iran là quốc gia duy nhất mà người Shiite nắm quyền lực, cuộc Cách mạng Hồi giáo Iran đã làm thay đổi bản đồ chính trị Trung Đông. Iran muốn tạo một làn song cách mạng Hồi giáo của người Shiite sang các quốc gia trong khu vực làm cho các quốc gia ở khu vực này nghi ngờ lòng trung thành của cộng đồng Shiite với trật tự chính trị vốn có và lo sợ họ sẽ ủng hộ Iran. Sự lo sợ tiếp tục gia tăng khi chính quyền do người Shiite chiếm đa số được thành lập tại Iraq sau cuộc chiến năm 2003. Sự kiện này làm rung động sự nắm quyền từ lâu đời của các nhà lãnh đạo người Sunni tại Trung Đông.

Bahrain là một ví dụ điển hình của tình hình trên trong những cuộc biểu tình tại Trung Đông thời gian qua. Sự phân biệt giữa người Sunni và Shiite là một thực tế đáng quan tâm tại nước này. Dù người Shiite chiếm 2/3 dân số nhưng chính quyền lại nằm trong tay người Sunni. Khi các cuộc biểu tình nổ ra, chính phủ nghi ngờ lòng trung thành của cộng đồng Shiite. Trong khi đó, một bộ phận khác lại cảm thấy bị xúc phạm trước tình hình người Sunni và người Shiite chống đối nhau. Nhiều người Shiite phản ứng về sự bị phân biệt đối xử, không được tuyển vào quân đội hoặc không có khả năng nắm giữ những vị trí quan trọng trong chính phủ. Nhiều chính phủ ở Trung Đông cũng đã từng tận dụng những xung đột vì mục đích chính trị và ủng hộ sự duy trì của chế độ hiện tại. Cựu Tổng thống Ai Cập Hosni Mubarak và Vua Jordan đều đã từng đề cập đến sự lo sợ về "cơn sốt Shiite" từ Iraq và Iran sẽ lan rộng. Mâu thuẫn giữa hai cộng động người Sunni và Shiite không dễ giải quyết bởi nhiều nguyên nhân liên quan đến tôn giáo, chính trị, kinh tế,…và sự can thiệp từ bên ngoài.

Thánh địa Mecca

Bài chi tiết: Thánh địa Mecca

Hành hương tại Mecca, Ả Rập Saudi

Thánh địa Mecca năm 1850

Tín đồ đi lễ quanh đền Kaaba

Chú thích

1. ^ "Manuel d'Histoire, de Généalogie et de Chronologie de tous les Etats du Globe depuis les temps les plus reculés jusqu'à nos jours", Stokvis A.M.H.J., tr 184-186.
2. ^ [a] [b] "Islam in Traditional China. A short history to 1800." Donald. D. Leslie, tr. 196.
3. ^ "Trung Quốc Sử Lược". Phan Khoang.
4. ^ "Le Prophète de l'Islam, sa vie, son oeuvre", Muhammad Hamidullah, tr. 329.
5. ^ "Musulmans de Chine - Une anthropologie des Hui du Henan", Elisabeth Allès, tr. 31.
6. ^ Từ điển Hán - Việt, Nhà xuất bản ngoại văn Bắc Kinh, 1994, tr. 547.
7. ^ Từ điển Hán - Việt, Nhà xuất bản ngoại văn Bắc Kinh, 1994, tr. 780.

Tham khảo

- "Islam in Traditional China. A short history to 1800.", Donald D. Leslie, Canberra College of Advanced Education (CCAE), Canberra 1986.
- "Le Prophète de l'Islam, sa vie, son oeuvre", Muhammad Hamidullah, Editions El-Najah, 6ème édition augmentée, Paris 1998.
- "Manuel d'Histoire, de Généalogie et de Chronologie de tous les Etats du Globe depuis les temps les plus reculés jusqu'à nos jours", Stokvis A.M.H.J., Leiden, 1888-1893 (ré-édition en 1966 par B.M.Israel).
- "Musulmans de Chine - Une anthropologie des Hui du Henan", Elisabeth Allès, Editions EHESS, Paris 2000.
- "Trung Quốc Sử Lược", Phan Khoang, bản in lần thứ ba, Sài gòn và Huế 1958.
- "Từ điển Hán - Việt", Nhà xuất bản ngoại văn Bắc Kinh, 1994.

Đọc thêm

- *What Everyone Needs to Know about Islam*, John L. Esposito. Oxford University Press, 2002
- *Islam: A Short History*, Karen Amstrong. Modern Library, 2002

Nguồn: http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%93i_gi%C3%A1o

TÌM HIỂU KINH KORAN

Đối với đại khối các dân tộc Ả Rập, nguyên bản bằng ngôn ngữ Arabic của kinh Koran là một kiệt tác phẩm thi văn. Kinh Koran không hẳn là một cuốn thơ trường thiên nhưng là một tác phẩm văn xuôi có vần có điệu (poetic rhymed prose) rất thích hợp với khẩu vị văn chương của những người du mục ở nơi hoang dã. Chính vì vậy mà kinh Koran đã mau chóng được truyền bá qua truyền khẩu rộng khắp bán đảo Ả Rập (lớn gấp 8 lần Việt Nam).

Về phương diện tâm linh, kinh Koran là sự nối kết những dòng tư tưởng về một tôn giáo độc thần khởi đầu từ tổ phụ Abraham, qua Mai-sen (Moses) qua Jesus đến thiên sứ cuối cùng là Muhammad. Từ 2000 năm trước Công Nguyên, những người Ả Rập đã biết đến Thiên Chúa của Abraham mà họ gọi là Allah. Điều đó có nghĩa là họ đã thờ Allah từ 27 thế kỷ trước khi có Muhammad và đạo Hồi. Qua nhiều thế kỷ tiếp xúc với văn hóa Do Thái, người Ả Rập đã rất quen thuộc với các nhân vật của kinh Thánh Cựu Ước. Từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 7, người Ả Rập tiếp xúc với những người Ki Tô Giáo thuộc đế quốc Byzantine rộng lớn và từ những nước lân bang như Syria, Ai Cập và Ethiopia... Mặc dù rất ít người Ả Rập lúc đó theo Ki Tô Giáo nhưng cũng không cảm thấy xa lạ với Jesus và Gioan Baotixita.

Đọc kinh Koran, chúng ta sẽ thấy những nhân vật quan trọng của hai đạo Do Thái và Ki Tô được Muhammad thường xuyên nhắc tới. Kinh Koran là một tổng hợp những kiến thức tôn giáo đã tiềm tàng sẵn trong đại khối các dân tộc Ả Rập. Sự tổng hợp đó được gọi là Islam, có nghĩa là sự tuân phục tuyệt đối vào Thiên Chúa. (Islam means the absolute submission to God). Người Trung Quốc phiên âm "Islam" thành "Hui" (Hồi) và gọi đạo này là "Hui-jao" tức Hồi Giáo. Kinh Koran trở thành Thánh Kinh (The Holy Book) hoặc sách Mặc Khải (Book of Revelation) của Hồi Giáo.

Đáng lẽ ra đạo Do Thái, đạo Ki Tô và đạo Hồi đều cùng thờ chung một Chúa thì phải có chung một Kinh Thánh duy nhất mới phải. Trong thực tế, mỗi đạo đều có Thánh Kinh riêng và

đạo nào cũng tự cho Thánh Kinh của mình mới là chân lý tuyệt đối. Cả 3 đạo đều tự cho Thánh Kinh của mình là những "sách Mặc Khải".

- Kinh Torah (Cựu Ước) được Thiên Chúa mặc khải cho Thánh Mai-sen (Moses) khoảng năm 1250 TCN trên núi Sinai.

- Các sách Tân Ước/Phúc Âm là các sách Thiên Chúa mặc khải cho Thánh Phao Lô và bốn vị Thánh Sử: Matthew, Mark, Luke và John trong thế kỷ 1.

- Kinh Koran là sách Thiên Chúa mặc khải cho tiên tri Muhammad qua trung gian của thiên thần Gabriel trong 22 năm liên tục (610-632).

Trước khi có kinh Koran, người Ả Rập có mặc cảm là một chủng tộc thiếu văn hóa và họ tỏ ra trọng nể người Do Thái và Ki Tô. Cho nên, trong ngôn ngữ Ả Rập có danh từ "Dhimmi" để gọi chung cho Do Thái và Ki Tô. Danh từ này có nghĩa là "những người có sách Thánh Kinh" (People of the Books).

Sự xuất hiện kinh Koran vào đầu thế kỷ 7 đã đem lại cho các dân tộc Ả Rập một niềm tự hào vì từ nay họ có Thánh Kinh viết bằng tiếng Ả Rập. Họ đón nhận đạo Hồi là đạo của dân tộc chứ không phải là đạo ngoại lai. Kinh Koran và đạo Hồi là hai yếu tố quan trọng đem lại sự hứng khởi tinh thần và là chất keo văn hóa nối kết các bộ lạc Ả Rập lại với nhau và biến đại khối Ả Rập thành một lực lượng chính trị và quân sự hùng mạnh trong nhiều thế kỷ.

I . Công việc biên soạn Kinh Koran.

Khác với Cựu Ước được viết theo lối văn lịch sử kinh Koran được viết theo lối văn kể chuyện thông thường (oral recitation). Tổng cộng có 114 chương (suras/chapters) gồm 6616 câu thơ (verses).

Sự phân phối các câu thơ trong các chương không đều nhau. Chương dài nhất có 287 câu thơ, chương ngắn nhất chỉ có 3 câu mà thôi. Mỗi câu thơ cũng dài ngắn bất thường: Câu thơ dài nhất chiếm tới nửa trang sách, câu ngắn nhất chỉ có 2 chữ! Phần lớn kinh Koran (85 chương) được Muhammad viết tại Mecca, còn lại 29 chương viết tại Medina. Muhammad viết Koran trên lá cọ khô và trên những tấm da súc vật phơi khô.

Sau khi Muhammad chết vào năm 632, phần lớn các bản chép tay nói trên bị thất lạc hoặc phân tán rải rác nhiều nơi. Mọi người cảm thấy nguy cơ có thể làm cho cuốn Thánh Kinh của họ bị tiêu vong nếu không gấp rút sưu tầm và thu hồi các nguyên bản của Muhammad. Sau đó, cần phải có người tài giỏi biên tập tất cả các nguyên bản thành một cuốn Thánh Kinh duy nhất.

Để đáp ứng nhu cầu của các tín đồ Hồi Giáo, người có thẩm quyền đầu tiên đứng ra lo việc này là Abu Bakr (632-634). Ông vừa là cha vợ vừa là người đầu tiên kế vị Muhammad (the first caliph) và cũng là vị vua Hồi Giáo đầu tiên thống nhất bán đảo Ả Rập để biến nơi này thành điểm xuất phát bành trướng Hồi Giáo ra khắp thế giới. Abu Bakr giao cho một thanh niên 22 tuổi tên Zayd đi sưu tầm và gom góp các thủ bản của kinh Koran do Muhammad viết tập trung tại Medina.

Công việc đang được tiến hành tốt đẹp thì Abu Bakr qua đời. Các tài liệu do Zayd thu thập đều được chuyển giao cho vị vua Hồi Giáo kế nhiệm là Umar Khattab. Vị vua này là một nhà quân sự đại tài, chỉ trong 10 năm (634-644) đã mở rộng lãnh thổ của Hồi Giáo ra toàn vùng

Trung Đông và Bắc Phi. Vì quá mải mê lo việc quân sự nên vị vua này đã bỏ quên công việc biên tập kinh Koran. Hậu quả nghiêm trọng là ở những địa phương khác nhau người ta truyền miệng những câu thơ của Kinh Koran khác nhau và sự tranh cãi về tính trung thực của kinh Koran càng ngày càng trở nên gay gắt và hỗn loạn. Các cuộc tranh cãi này đã dẫn đến cuộc "thánh chiến" giữa hai phe Hồi Giáo tại Nehavand, gây cảnh thịt rơi máu đổ trong 7 năm (650-657).

Vị vua kế nghiệp thứ ba (the third caliph) là Uthman (644-657) chú tâm đến việc phục hồi kinh Koran. Năm 652, Uthman giao cho Zayd và 3 người phụ tá nhiệm vụ biên tập các bản thảo của Muhammad thu hồi được thành một cuốn sách duy nhất. Sau 5 năm, nhóm biên tập của Zayd hoàn thành nhiệm vụ. Năm 657, tức 25 năm sau khi Muhammad qua đời, vua Uthman công bố bản kinh Koran do Zayd biên tập và gọi nó là "MUSHAF" có nghĩa là "Kinh Thánh chính thức của mọi người Hồi Giáo" (The Official Codex for all Muslims).

Ban biên tập của Zayd chép cuốn Kinh Thánh này thành 4 bản giống nhau để lưu trữ tại 4 thành phố: Medina, Basra và Kufa (Iraq) và tại Damacus (Syria).

Sau đó, Uthman ra lệnh tiêu hủy toàn bộ các bản viết tay của Muhammad trên lá cọ và da thú vật. Công việc này tương tự như hành động của Hoàng Đế La Mã Constantine ra lệnh thiêu hủy toàn bộ các sách thánh kinh và các di tích thật của Jesus sau Công Đồng Nicaea năm 325.

Do sự thiêu hủy các bản viết tay của Muhammad theo lệnh của vua Uthman đã không được thi hành triệt để nên ngày nay người ta đã thu thập được 5 bản chính viết trên da súc vật:

-2 bản hiện lưu trữ tại thư viện Taskhent ở Uzebekistan.

-1 bản lưu trữ tại thư viện Tpokabi Thổ Nhĩ Kỳ.

-1 bản tại bảo tàng viện London.

-1 bản mới tìm thấy tại Yemen năm 1979.

So sánh các bản chính nói trên với Kinh Koran do Uthman công bố năm 657, người ta đã phát giác có nhiều sự khác biệt. Các học giả nghiên cứu về Hồi Giáo xác nhận: Việc Uthman ra lệnh tiêu hủy các bản viết tay của Muhammad là một tổn thất hết sức nặng nề cho Hồi Giáo. Năm bản viết tay trên da súc vật mà ngành khảo cổ đã thu thập được cũng đủ xác minh một sự thật đáng buồn: Zayd và ban biên tập của ông ta có thể đã không thu thập đầy đủ các thủ bản của Muhammad, khi chép lại có thể đã bỏ sót một số câu thơ của kinh Koran và cuối cùng không có gì bảo đảm là Zayd và ban biên tập đã không tự ý sửa đổi Kinh Koran theo ý riêng của mình.

Tuy nhiên, hầu hết các tín đồ Hồi Giáo hiện nay đã không nêu lên những vấn đề nói trên. Họ vẫn tin rằng bản kinh Koran bằng tiếng Arabic do vua Uthman công bố năm 657 là kinh Koran do Thiên Chúa Allah mặc khải cho Muhammad.

II . Sơ lược nội dung Kinh Koran.-

Những chương đầu tiên của Kinh Koran nói về Thiên Chúa Allah với những đặc tính siêu việt của Ngài. Vì đạo Hồi là đạo Thiên Chúa thứ ba, xuất hiện sau đạo Do Thái và đạo Ki Tô nên đạo Hồi đã in đậm những dấu ấn đức tin của hai đạo Thiên Chúa đàn anh. Tôi đã trình

bày đầy đủ vấn đề này trong bài "Ảnh hưởng thần học Do Thái -Ki Tô trong đức tin Hồi Giáo". (Xin đọc "Thực chất đạo Công Giáo và các đạo Chúa", Giao Điểm xuất bản - Xuân 2003, trang 201-232). Ngoài Thiên Chúa ra, Kinh Koran dạy phải tin có các thiên thần và ma quỉ (Satan), tin các sách Mặc Khải của đạo Do Thái và Ki Tô cùng các vị thiên sứ, tin có ngày tận thế và ngày phán xét cuối cùng, tin mọi kẻ chết đều được sống lại, tin có Thiên Đàng Hỏa Ngục, tin mọi việc do Thiên Chúa Allah tiền định nhưng mọi người có ý chí tự do.

Tất cả các điều này đã được trình bày đầy đủ qua 32 trang sách dẫn chiếu, vậy tôi xin miễn nhắc lại ở đây.

Khác với Cựu Ước và Tân Ước chỉ đề cập đến vấn đề thiêng liêng hoặc lịch sử, Kinh Koran đồng thời cũng là một bộ luật đầu tiên và cao nhất của Hồi Giáo. Thí dụ:

- Cấm cho vay nặng lãi (Koran 2:275)
- Cấm ăn thịt heo, thịt đã cúng các thần khác, cấm ăn máu (tiết canh, huyết) Koran 5:3.
- Cấm cờ bạc, Koran 5:90
- Cấm săn bắn trong thời gian hành hương Mecca (Koran 5:93).

- Phải ăn chay trong tháng Ramadan (Koran 2:182).
- Phải rửa chân tay sạch sẽ trước khi cầu nguyện (Koran 5:6).
- Cấm giao hợp với đàn bà có tháng (Koran 2:221).

Trước khi có kinh Koran, phụ nữ Ả Rập giàu có thường lấy nhiều chồng và đa số là những người đàn ông trẻ khỏe. Kinh Koran khẳng định quyền ưu thắng của đàn ông (Koran 4:34) và chính thức bãi bỏ tục đa phu (polyandre).

Bất cứ người đàn bà nào có chồng bị cáo buộc về tội ngoại tình đều bị đem ra cho công chúng ném đá đến chết (Koran 4:15).

Kinh Koran qui định án phạt hết sức nặng nề chống lại bất cứ ai bị kết án: "Chống Thiên Chúa Allah" hoặc "chống Thiên Sứ Muhammad". Người đó sẽ bị đóng đinh vào thập giá hoặc bị chặt hết chân tay (Sura 5).

Tội trộm cũng có thể bị phạt rất nặng. Dù đàn ông hay đàn bà tùy theo nặng nhẹ nếu bị kết án về tội trộm sẽ bị chặt một tay hay hai tay (Koran 5: 3)

III. Những điều nên biết về HADITH, SUNNA và SHARIA

Vì lý do kinh Koran không phải là sách dễ đọc nên trong các xứ Hồi Giáo, các tín đồ đọc kinh Koran đều cần có người hướng dẫn. Những người hướng dẫn không phải là tu sĩ nhưng là những người học thức chuyên nghiên cứu về kinh Koran. Những bài giảng của họ được gọi là HADITH, có nghĩa là một bài phúc trình (report). Qua nhiều thế kỷ, số bài phúc trình giảng giải về Kinh Koran đạt tới con số rất lớn. Các học sĩ Hồi Giáo chọn lựa các bài hay tập trung lại thành một cuốn sách gọi là SUNNA, có nghĩa là "Tuyển tập các phúc trình" (Collection of Reports). Từ đó, sách SUNNA trở thành một cuốn sách bổ túc cho kinh Koran về mặt tín lý, giáo điều.

Các chính quyền của các nước Hồi Giáo chiếu theo tinh thần và luật pháp nêu trong kinh Koran và sách SUNNA để làm ra bộ luật gọi là SHARIA. Danh từ này được dịch sang Anh Ngữ là "Islamic Holly Law" có nghĩa là "Thánh Luật Hồi Giáo".

Tất cả các sách Sunna và Sharia đã được hoàn thành vào cuối thế kỷ 9 và đã được viết thành nhiều bản khác nhau tại nhiều nơi khác nhau. Do vậy, các sách này chứa đựng nhiều điều mâu thuẫn, nhất là những giai thoại khác biệt nhau về cuộc đời và lời nói của giáo chủ Muhammad. Đây là một trong những nguyên nhân chính yếu gây ra tệ nạn phân hóa trong đạo Hồi: Giáo phái Sunni chỉ công nhận những Hadiths (reports) của Bukkhari. Giáo phái Shiite công nhận Hadiths của Kulayni và giáo phái Khariji chỉ công nhận Ibn Habib. Giáo phái này kết án giáo phái kia là xuyên tạc hoặc giả mạo Thánh Kinh Koran và gọi nhau là những kẻ tà đạo (mukhtalaq)! Kết quả là những cuộc thánh chiến đẫm máu giữa các giáo phái này trong nhiều thế kỷ qua.

IV. Các bản dịch kinh Koran.-

Do nhu cầu truyền bá đạo Hồi trong 14 thế kỷ qua, đến nay kinh Koran đã được dịch ra rất nhiều thứ tiếng trên thế giới. Riêng một mình nhà xuất bản Takrike Tarsile Qu'ran, Inc. ở New York đã sưu tập được trên 600 bản dịch khác nhau!

Lịch sử Hồi Giáo ghi nhận bản dịch kinh Koran đầu tiên trên thế giới là bản dịch từ tiếng Ả Rập sang tiếng La Tinh do một người Ý tên là Peter Venerable thực hiện năm 1143. Điều đáng chú ý là bản dịch viết tay của ông hiện vẫn được lưu giữ tại tu viện Kluny (Ý). Đúng 300 năm sau, tức vào năm 1543, bản dịch viết tay duy nhất này được đem in và xuất bản tại Rome.

Nhờ có bản dịch kinh Koran bằng tiếng La Tinh này, Âu Châu mới biết đến cuốn kinh Thánh của đạo Hồi.

- Năm 1616, tại Nuremberg xuất hiện kinh Koran bằng tiếng Hòa Lan dịch từ bản La Tinh.
- Năm 1647, kinh Koran bằng tiếng Pháp được xuất bản tại Paris cũng dịch từ bản La Tinh.
- Năm 1776, tại Petersburg cuốn kinh Koran bằng Nga ngữ được xuất bản, dịch từ tiếng Pháp.
- Đầu thế kỷ 18, một người Anh tên là A.Ross dịch kinh Koran từ tiếng Pháp sang tiếng Anh và xuất bản lần đầu tại Mỹ năm 1737.

Cho tới nay, có nhiều bản dịch khác nhau bằng tiếng Anh. Mặc dầu lối hành văn khác nhau nhưng nội dung vẫn tương tự. Điều đặc biệt là Kinh Koran được xuất bản nhiều triệu cuốn một lúc nên giá bán rất rẻ. Phần lớn các bản kinh Koran được in dưới hình thức sách bỏ túi (pocket books) có giá bán thông thường là 5 Mỹ Kim. Với giá này ai cũng có thể mua về đọc chơi hoặc để tham khảo. Số trang trung bình của sách loại này là 500 trang, chữ in cỡ nhỏ.

V. Nên đọc sách kinh Koran bằng Anh ngữ như thế nào?

Đối với những ai đã từng quen đọc Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước bằng Anh ngữ thì khi chuyển sang đọc kinh Koran qua bản dịch Anh ngữ sẽ cảm thấy không mấy khó khăn. Tuy

nhiên, trong nhiều bản dịch Anh ngữ lại có rất nhiều những danh từ chung và danh từ riêng được phiên âm theo tiếng Ả Rập. Nếu không tìm hiểu ý nghĩa của những danh từ này trước khi đọc sách Koran chúng ta sẽ lâm vào tình trạng lúng túng không thể hiểu được nội dung của sách và cũng không biết các nhân vật được nói tới trong Kinh Koran là ai. Lấy một thí dụ điển hình: một nhân vật có tên Ả Rập là ISA được nhắc tới 114 lần trong kinh Koran và nhân vật Myriam được nhắc tới trên 50 lần. Thực ra họ chẳng phải là ai xa lạ: ISA chính là Jesus và Myriam chính là bà Maria, mẹ của ngài.

Để giải quyết khó khăn về các từ ngữ phiên âm theo tiếng Arabic, tôi đề nghị quí vị hãy tìm các bảng GLOSSARY OF ARABIC TERMS thường được in cuối các sách Anh ngữ nói về Hồi Giáo. Quí vị chọn một số từ ngữ quí vị cho là quan trọng để học thuộc lòng trước khi bắt đầu đọc kinh Koran hay các sách viết về Hồi Giáo.

Sau đây là bảng danh sách đối chiếu các tên riêng của Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước được nhắc lại trong kinh Koran theo phiên âm Arabic. Các tên riêng này được xếp theo nhóm gia đình (chứ không theo thứ tự Alphabet)

NHÓM	Phiên âm ARABIC	Phiên âm ANH NGỮ	Phiên âm VIỆT NGỮ
Thiên Chúa	ALLAH	Jehovah Elohim/God	Thiên Chúa
Tổ tông loài người	ADAM	ADAM	Ông A-dong
	HAWAA	EVE	bà E-và
Gia đình Abraham	AZAR	TERAH	Cha của Abraham
	IBRAHIM	ABRAHAM	Ông Áp-ra-ham
	SARA	SARAH	Vợ của Áp-ra-ham
	ISHAAQ	ISAAC	Con trai của Abraham và bà Sarah, tổ tiên Do Thái
	AGAR	HAJAR	Vợ bé, đầy tớ của Abraham
	ISMAHIL	ISMAEL	Con của Abraham và Agar, tổ tiên các giống dân Ả Rập (Ismael là vai anh của Isaac)
Gia Đình Jesus	ISA	JESUS	Chúa Giê-xu
	MYRIAM	MARY	Đức bà Maria
	Yusuf	Joseph	Thánh Giuse
	Zakariya	Zakariah	Thánh Gio-a-Kim, cha của Gioan Baotixita

	Yahya	John Baptist	Thánh Gioan Baotixita (cậu họ của Giê-xu)

Các tiên tri Do Thái cũng là các thiên sứ trong đạo Hồi:

	Al-Yasa	Elisha	Tiên tri Ê-li-sa
	Dawood	David	Vua Thánh Đavít
	Dhulkiit	Ezekiel	
	Haroon	Aaron	Anh của Mai-sen
	Musa	Moses	Thánh Mai-sen
	Idriis	Enoch	
	Luut	Lot	Ông Lot (cháu gọi Abraham bằng bác ruột)
	Nuh	NOAH	Ông No-e
	Sulayman	Solomon	Vua Slomon (con David)
	Yaquub	Jacob	Cha của 12 con trai, tổ tiên 12 bộ lạc Do Thái
	Yunus	Jonah	
	Ayyoub	Job	
Thánh Kinh	Tawrah	Torah/Old	Kinh Thánh của đạo Do Thái
	Taurat	Testament	tức Cựu Ước của đạo Ki Tô
	Injil	Gospel/New	Phúc âm/Thánh Kinh Tân Ước
	Al-injil	Testament	
	Qur'an	Koran	Thánh Kinh Hồi Giáo
Thiên thần, ma quỉ	Jibril	Jibreel	Gabriel Thiên thần truyền tin
	Meekaeel	Micheal	Tổng lãnh thiên thần Mi-ca-e
	Buraq	Buraq	Con ngựa đầu người có cánh đưa Mohammad về trời tại Jerusalem
	Shaitan / Iblis	Satan	Quỉ Sa tăng

Ngoài ra, xin chú ý đến một số chi tiết sau đây:

1. Một số đại danh từ trong các sách Thánh Kinh thường được viết theo cổ ngữ của tiếng Anh. Thí dụ:

You được viết thành Thou

Your được viết thành Thy...

2. Các quá khứ phân từ, thay vì viết là ED lại được viết thành TH. Thí dụ

- He opened	He openeth
- He called	He calleth
- You will	Thou shalt
- You have	Thou hast

3. Các kinh Koran Anh ngữ thường đánh số các chương (sura/chapter) bằng số La Mã ở góc trái trên đầu trang sách. Thí dụ: Sura XXXVII: chương 37, Sura CVIII chương 108, LXXIX: chương 79 v.v...

Khi tra cứu một câu trong kinh Koran, thí dụ:

"Muhammad is not the father of any of your men but he is the Apostle of Allah and the last of the prophets. Koran 33:40". Xin nhớ số ghi trước là số chương (sura/chapter) số ghi sau là câu thơ (verse). Vậy trước hết xin hãy tìm chương 33 sau đó tìm câu thơ số 40 trong chương này, quí vị sẽ gặp đúng câu thơ được trích dẫn.

Khi đọc các sách về đạo Hồi, chúng ta thường gặp những câu trích dẫn từ kinh Koran, nếu có sẵn một cuốn Koran trong tay để kiểm chứng tính chính xác của sự trích dẫn và sự trung thực của người dịch, thiết tưởng cũng là một điều thích thú.

Để kết thúc bài viết này, tôi xin mượn lời giới thiệu của nhà xuất bản Tahrike Tarsile Qur'. Ind. New York nói về kinh Koran: "Kinh Koran có khả năng đem lại cho những người ngoại giáo những điều bổ ích và mang lại tất cả mọi thứ cho các tín đồ Hồi Giáo". (The Qur'an offers at least something to non-believers and everything to believers).

Charlie Nguyễn

NĂM NGHĨA VỤ THIÊNG LIÊNG CỦA CÁC TÍN ĐỒ HỒI GIÁO

(The five ritual duties of Islam)

Cũng như các tôn giáo đôc thần khác, đạo Hồi có những nghi lễ tôn giáo riêng biệt được giáo hội qui định để các tín đồ tuân hành một cách nghiêm túc và đồng nhất trong việc tôn thờ Thiên Chúa cũng như trong việc chấp hành luật đạo. Khi thực hiện các nghi lễ này, đạo Hồi buộc tín đồ phải tập trung chú ý (intention) và phải hết sức chân thành (full sincerity). Nếu thiếu một trong hai điều kiện này thì mọi nghi lễ sẽ bị coi là vô ích.

Có 5 nghi lễ quan trọng nhất trong đạo Hồi, thường được gọi là "Năm cột trụ của Hồi Giáo" (The five pillars of Islam):

Thứ nhất: Công khai tuyên xưng một Thiên Chúa là Allah và tin rằng ngoài Allah ra không có một Thiên Chúa nào khác. Đồng thời tín đồ phải công khai tuyên xưng

Muhammad là sứ giả của Thiên Chúa thì mới nhận lãnh được ơn Chúa (There is no Deity but Allah. Obey Allah and the Messenger so that you may find mercy - Koran 3:132)

Thứ hai: Khi cầu nguyện Allah, phải quay mặt về phía thánh địa Mecca (thủ đô xứ Saudi Arabia ngày nay)

- Lần thứ nhất vào lúc rạng đông
- Lần thứ hai đúng ngọ
- Lần thứ ba sau trưa
- Lần thứ tư lúc mặt trời lặn
- Lần thứ năm lúc nửa đêm.

Dù tín đồ Hồi Giáo đang làm gì và ở bất cứ đâu (ở giữa sa mạc hoặc trên đường phố, tại sở làm hay tại trường học, bến xe, chợ búa v.v...) cứ đến giờ cầu nguyện là họ quì mọp xuống đất để thực hiện các nghi lễ này. Mọi du khách đến các nước Hồi Giáo thường rất ngạc nhiên về nghi thức cầu nguyện đặc biệt của các tín đồ Hồi Giáo.

Trong các cộng đồng Hồi Giáo, có một người chuyên trách việc nhắc nhở các tín đồ cầu nguyện một ngày 5 lần, tiếng Ả Rập gọi người đó là MUEZZIN. Trong suốt 14 thế kỷ qua, những người muezzin trên khắp thế giới luôn luôn đọc một câu không hề thay đổi như sau: "Thiên Chúa Allah là Đấng Tối Cao trên hết mọi sự. Tôi tin không có một Thiên Chúa nào khác ngoài Allah. Tôi tin Muhammad là thiên sứ của Chúa. Mọi người hãy cầu nguyện, hãy đến để nhận ơn cứu rỗi. Thiên Chúa Allah vĩ đại vô cùng".

(God is the Supreme Being over all thing. I bear witness that there is no Deity but God. I bear witness that Muhammad is the Messenger of God. Come to prayer. Come to Salvation. Allah is most great).

Khi cầu nguyện tại nhà thờ Hồi Giáo, mọi người đàn ông đứng thành hàng ngang sát nhau. Đàn bà luôn luôn xếp hàng ở phía sau đàn ông hoặc cầu nguyện tại nhà riêng. Trong nhà thờ Hồi Giáo (giống như Tin Lành) không có bàn thờ hoặc ảnh tượng, không có người chủ lễ. Chỉ có người hướng dẫn cầu nguyện (prayer-leaders) tiếng Ả Rập gọi là Imam. Các Imam là người thường (không phải là tu sĩ) có khả năng đọc kinh Koran và các sách khác của đạo Hồi. Ngoài việc hướng dẫn cầu nguyện, các Imam còn giảng thuyết về giáo lý hoặc hô hào vận động về các vấn đề tôn giáo, xã hội, chính trị v.v... Các Imam thường có uy tín lớn trong các cộng đồng Hồi Giáo và được mọi tín đồ kính trọng.

Sau khi cầu nguyện xong, mọi người quay sang trái sang phải bắt tay và cúi chào những đồng đạo ở quanh mình. Họ chúc nhau "bình an và đầy ơn Chúa" (peace and blessings of God). Cử chỉ thân thiện giữa những người đồng đạo với nhau đã được thực hiện trong thế giới Hồi Giáo từ 14 thế kỷ qua. Mới đây, người Công Giáo đã bắt chước và làm những cử chỉ tương tự trong các buổi lễ Misa tại nhà thờ.

Thứ ba: Bố thí cho kẻ nghèo (Almsgiving). Hồi Giáo coi việc bố thí này là một thứ thuế tôn giáo (a religious tax) đối với mọi tín đồ có lợi tức. Số tiền này được ấn định là 1/40 hoặc 2.5% lợi tức hàng năm. Trong các nước Hồi Giáo được coi là quốc giáo thì tiền bố thí được chính thức gọi là "thuế bố thí" (Zakat) do chính phủ trực tiếp thu. Tuy vậy, người nạp thuế vẫn có quyền đóng nhiều hay ít tùy theo khả năng và hoàn cảnh riêng của mình. Tổng số tiền thu được trở thành một thứ quĩ xã hội của quốc gia để cứu giúp hữu hiệu những người nghèo khó, cô quả, già yếu, bệnh tật, hoạn nạn hoặc

không còn khả năng làm việc. Kinh Koran dạy rằng: "Bố thí là bổn phận do Thiên Chúa đòi hỏi". Do đó, các tín đồ Hồi Giáo quan niệm bố thí là nghĩa vụ chứ không phải là một hành vi bác ái hoặc từ thiện.

Thứ tư: Ăn chay trong tháng Ramadan (tháng 9 âm lịch Hồi Giáo). Việc ăn chay này kéo dài suốt tháng: không ăn không uống trong suốt thời gian ban ngày (daylight hours) tức từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn từ ngày đầu tháng đến rạng mồng một tháng mười. Người ăn chay chỉ được phép ăn một cách từ tốn sau khi mặt trời lặn. Trong suốt tháng Ramadan không ai được uống rượu, làm tình hoặc hút thuốc.

Việc ăn chay cũng có một số ngoại lệ. Đối với những xứ có nhiệt độ khí hậu cao, ngày dài đêm ngắn, các người già, thiếu nhi hoặc người bị đau yếu đều được miễn ăn chay vì nhịn nước quá lâu sẽ bị nguy hiểm đến tính mạng. Tại các xứ kỹ nghệ cần có nhiều nhân công làm việc, các tín đồ chỉ cần ăn chay vài ngày trong tháng Ramadan mà thôi.

Thứ tư: Hành hương các thánh địa tại Saudi Arabia. Mecca là thánh địa số một của thế giới Hồi Giáo vì đó là nơi sinh của giáo chủ Muhammad và có ngôi đền Ka'ba được tin là do Abraham và Ismael xây dựng lên. Các tín đồ Hồi Giáo không phân biệt nam nữ đều được khuyến khích đến thăm Mecca ít nhất một lần trong đời. Thời gian chính thức của thế giới Hồi Giáo hành hương Mecca là vào tháng 12 Âm Lịch Hồi Giáo. Mỗi lần viếng thánh địa phải kéo dài ít nhất 5 ngày. Hiện nay, số tín đồ viếng Thánh Địa Mecca mỗi năm từ 3-5 triệu người.

Vấn đề bảo vệ an ninh và cung cấp mọi phương tiện cho số khách hành hương khổng lồ này là mối quan tâm hàng đầu của chính phủ Saudi Arabia. Mỗi năm, chính phủ Saudi Arabia dành ra khoảng vài tỷ đô la để thực hiện chu đáo mọi công tác bảo vệ an ninh trật tự, cung cấp đầy đủ thực phẩm, nhà ở, y tế, vận chuyển và mọi nhu cầu cần thiết cho khách hành hương.

Tất cả mọi tín đồ hành hương đến Mecca phải làm việc đầu tiên là cởi bỏ quần áo riêng của mình để mặc vào một bộ đồ trắng đơn giản sau khi đã tắm rửa sạch sẽ. Đây là một việc bắt buộc mang ý nghĩa: Các tín đồ Hồi Giáo, không phân biệt màu da, giàu nghèo, địa vị xã hội, tất cả đều là con cái của một cha là Thiên Chúa, tất cả là anh chị em của nhau và tất cả đều bình đẳng trước mặt Chúa. Các phụ nữ có quyền mặc quốc phục của mình nhưng tất cả đều phải trùm khăn che kín tóc.

CÁC ĐỊA ĐIỂM HÀNH HƯƠNG TẠI SAUDI ARABIA

Đia điểm 1: Đền Thờ KA'BA. Tiếng Ả Rập Kaba có nghĩa là hình khối (The Cubic Building). Đây là một kiến trúc độc đáo có một không hai trên thế giới. Kiến trúc hình khối rộng 9m, dài 11m, cao 5m5 (36 feet x 30 feet x 18 feet). Nóc và chung quanh kiến trúc đều được phủ bằng vải đen. Đền thờ này là trung tâm đức tin của 1 tỷ 200 triệu tín đồ Hồi Giáo vì đây là thánh địa số một của thế giới đạo Hồi. Từ nhiều ngàn năm trước khi có đạo Hồi, đền thờ Kaba đã hiện diện tại nơi đây và người Ả Rập đã gọi đền thờ này là Nhà Của Chúa (Bayt Allah = House of God).

Từ xa xưa đến nay, mỗi khi đến viếng đền thờ Kaba các tín đồ xếp hàng đi ngược chiều kim đồng hồ 7 lần, (tượng trưng cho 7 tầng trời) vừa đi vừa đọc kinh Koran. Sau đó, mọi người đến viếng Hòn Đá Đen (The Black Stone). Đây là một thiên

thạch (meteorite) đã từ trời rơi xuống nơi này không biết từ bao giờ, có thể là từ hàng chục ngàn năm về trước.

Theo niềm tin Hồi Giáo thì tổ tông loài người là Adam đã xây dựng đền Kaba. Sau đó, Abraham và Ismael đã tu sửa lại đền thờ như ta thấy ngày nay.

Đia điểm 2: Suối Zamzam. Đối diện với Hòn Đá Đen là Suối Zamzam. Từ nhiều ngàn năm trước, suối Zamzam đã nổi tiếng khắp vùng vì đây là một dòng suối lớn hiếm có trong sa mạc mênh mông. Thuở xưa, các đoàn lữ hành từ các nước miền Nam bán đảo Ả Rập muốn làm ăn buôn bán với các nước phía Bắc, như Syria chẳng hạn, đều phải ngừng chân tại suối Zamzam để lấy nước trước khi lên đường mạo hiểm vượt qua sa mạc Syro-Arabia. Từ nhiều thế kỷ trước khi có đạo Hồi, người Ả Rập đã loan truyền khắp nơi sự tích về Abraham: Sau khi vợ lớn của Abraham là Sarah sinh ra Isaac thì bà này nổi máu ghen với cô vợ bé của Abraham là Hagar. Bà buộc Abraham phải đuổi hai mẹ con Hagar ra khỏi nhà. Abraham đành phải dẫn Hagar và con trai Ismael đến sa mạc. Tại đây, thiên thần Gabriel đã hóa phép cho một dòng suối lớn xuất hiện giữa sa mạc và Ngài đặt tên là Suối Zamzam. Từ đó, Abraham và thiên thần Gabriel đã giúp cho hai mẹ con Hagar sinh sống. Đến khi Ismael trưởng thành, Abraham và Ismael đã xây dựng lại đền thờ Kaba do Adam xây dựng từ xa xưa nay đã hư nát do trận đại hồng thủy đời No-e (Noah).

Địa điểm 3: Cánh đồng Arafat. Cách Mecca 13 miles có một cánh đồng rộng bao la gọi là cánh đồng Arafat. Ngay giữa cánh đồng có một ngọn núi nhỏ gọi là Núi Ơn Chúa (Mount of Mercy). Đây là nơi Muhammad giảng đạo lần cuối cùng trước khi qua đời. Mọi tín đồ phải đến đây trước buổi trưa, sau đó leo lên núi để cầu nguyện cho đến khi mặt trời lặn. Tất cả mọi việc được làm trong yên lặng. Nghi lễ này có tính cách bắt buộc cho mọi tín đồ hành hương vì thiếu việc này thì toàn bộ cuộc hành hương bị coi như không hoàn thành.

Địa điểm 4: Lễ Hy Sinh tại Mina. Lễ Hy Sinh diễn ra ngày 10 tháng 12 Âm Lịch Hồi Giáo tại thị trấn Mina, cách cánh đồng Arafat 8 miles. Giáo lý Hồi Giáo dạy rằng: Mina chính là nơi Abraham nhận được lệnh của Thiên Chúa phải đích thân giết đứa con trai đầu lòng của mình là Ismael để làm Lễ Hy Sinh (Sacrifice) tế Chúa.

Abraham là người tôn thờ Chúa trên hết mọi sự nên đã tuân lệnh Chúa một cách triệt để không chút chần chừ. Nhưng khi Abraham đưa con dao lên định giết con mình thì Thiên Chúa ra lệnh ngưng. Ngài truyền cho Abraham giết một con dê để thế mạng cho Ismael. Từ đó, kho tàng ngôn ngữ của nhân loại có thêm một danh từ kép là "con dê tế thần" (the scape-goat). Cũng từ câu chuyện này, dân Do Thái và dân Ả Rập có tục lệ giết súc vật làm lễ hy sinh tế lễ Thiên Chúa (Animal Sacrifice) để kỷ niệm Lễ Hy Sinh của Abraham. Người Do Thái làm Lễ Hy Sinh hàng năm vào buổi chiều trước Lễ Vượt Qua (Passover). Tục lệ này có từ 2000 năm TCN đến năm 70 sau Công Nguyên là năm Jerusalem bị quân La Mã tàn phá bình địa và toàn dân Do Thái phải bỏ xứ tứ tán khắp nơi. Đạo Hồi làm Lễ Hy Sinh (Feast of Sacrifice) vào cuối chương trình hành hương thánh đia Mecca hàng năm. Các súc vật thường bị giết trong Lễ Hy Sinh khắp thế giới không có cơ hội đi hành hương Mecca cũng giết súc vật tại nhà để làm lễ hy

sinh kỷ niệm việc Abraham toan giết con trai đầu lòng của mình để tế Chúa. Nhiều chục triệu súc vật đã bị giết trong dịp Lễ Hy Sinh này.

Địa Điểm 5: Medina. Chặng cuối của cuộc hành hương Thánh địa Hồi Giáo là thăm ốc đảo Medina, cách thủ đô Mecca 300 dặm về phía Bắc. Đây là nơi Muhammad đã sống 10 năm cuối cuộc đời của ông (622-632) cùng với nhiều bà vợ và với cộng đồng Hồi Giáo đầu tiên trong lịch sử (the first Muslim community). Muhammad qua đời ngày 12 tháng 3 Âm Lịch Hồi Giáo năm 632. Các tín đồ hành hương đến đây để kết thúc cuộc hành trình có tính cách tôn giáo thiêng liêng bằng cách đến viếng mộ của vị thiên sứ cuối cùng của Thiên Chúa và đến cầu nguyện tại đền thờ Medina là đền thờ đầu tiên của Hồi Giáo trên thế giới.

Charlie Nguyễn

THÂN THẾ, SỰ NGHIỆP VÀ LẬP ĐẠO CỦA MUHAMMAD

GIAI ĐOẠN I (570 - 622)

Như chúng ta đã biết, phần đông người Ả Rập sinh sống chủ yếu bằng nghề du mục. Từ thế kỷ 4, một số bộ lạc Ả Rập bỏ nghề du mục để chuyển sang nghề buôn bán. Nhưng việc chuyên chở hàng hóa băng qua sa mạc muốn được an toàn cần phải có người bảo vệ. Một số bộ lạc Bedouin rất giỏi về quân sự chuyển qua nghề làm trung gian và chuyên chở hàng hóa. Họ lập thành những đoàn bộ hành (caravans) chở hàng hóa từ miền Nam bán đảo Ả Rập qua thành phố Petra - thành phố gồm có những căn nhà được đục sâu trong vách đá ở miền nam Jordan - đến thành phố Zenobia thuộc xứ Syria. Vào thời gian này, thành phố Zenobia được tôn xưng là Hoàng Hậu của Phương Đông (Queen of the East).

Do việc buôn bán càng ngày càng phát triển, thành phố Mecca ở phía nam bán đảo Ả Rập dần dần trở thành một trung tâm thương mại lớn nhất trong vùng. Ngoài lý do thương mại, Mecca còn là một địa điểm hành hương của tất cả mọi người theo đạo cổ truyền Ả Rập. Hàng năm, người Ả Rập từ khắp nơi đổ về Mecca để viếng đền thờ Kaaba mà họ tin rằng đền thờ này đã được xây cất từ thời ông Adam tổ tiên loài người và sau đó được xây cất lại bởi ông Abraham và con trai là Ismael. Số người hành hương Mecca mỗi ngày mỗi đông đã khiến cho Mecca trở thành một thánh địa thiêng liêng bất khả xâm phạm. Tâm lý chung của mọi người là phải tự ý thức dẹp bỏ mọi sự xung đột tại thánh địa để sự an toàn và vẻ trang nghiêm của thánh địa được bảo đảm. Đây là một yếu tố tâm lý đã góp phần quan trọng vào việc phát triển thương mại tại thành phố này.

Sau khi Mecca đã trở thành một đô thị sầm uất thì bộ lạc Quraysh giã từ đời sống du mục để chuyển hẳn sang nghề thương mại vào cuối thế kỷ 5. Tại Mecca có truyền thuyết kể rằng: Thủ lãnh bộ lạc Quraysh đã đến Syria mua về 3 pho tượng của 3 nữ thần Al-Lat, Al-Uzza

và Manat đem về đặt tại đền thờ Kaaba. Từ đó, bộ lạc Quraysh làm ăn phát đạt, trở thành giàu có và nắm quyền kiểm soát toàn thành phố Mecca.

Một thương gia rất nổi tiếng thuộc bộ lạc Quraysh là Hassim Manaf mỗi năm lãnh đạo hai chuyến lữ hành (caravans) đông tới hàng ngàn người tải hàng từ Mecca đi Yemen hoặc đi Syria. Ông được hoàng đế Byzantine và vua xứ Abyssinia tiếp kiến.

Con trai ông là Muttalib cũng là một thương gia giàu có ở Mecca. Muttalib có 10 người con trai và 6 con gái. Người con trai út tên là Abdallah rất nổi tiếng là một thanh niên cao lớn đẹp trai. Abdallah chính là cha của Muhammad. Công cuộc buôn bán của Abdallah thiếu may mắn nên gia sản khánh kiệt. Abdallah đau buồn sinh bệnh và chết hai tháng trước khi Muhammad ra đời. Muhammad chỉ được thừa hưởng cái dáng vóc to lớn đẹp trai của cha nhưng không được hưởng chút gia tài nào của cha để lại cả.

Sau khi sanh Muhammad, bà Anima quá nghèo không nuôi nổi con thơ nên đành phải bế bé Muhammad đến nhờ ông nội là Muttalib nuôi dùm. Ông già Muttalib mời một thầy pháp xuất hồn (a kahin) đến nhà coi bói cho Muhammad. Thầy pháp cho biết sau này đứa bé sẽ cai trị cả thế giới. Ông già Muttalib quá mừng nên vội vàng bế đứa cháu mới sinh đến đền thờ Kaaba để tạ ơn Thượng Đế.

Hơn hai năm sau, khi cơn đói kém đã qua đi, bà Anima trở lại nhà ông già Muttalib đón bé Muhammad về nuôi tại nhà riêng của bà tại Mecca. Khi Muhammad lên 6 tuổi thì mẹ chết. Một lần nữa Muhammad được đưa trở lại nhà ông nội Muttalib. Muhammad được đưa đến nhà ông chú là Abu Talib, thủ lãnh đoàn thương buôn của dòng họ Hassim.

Abu Talib được nhiều người ở Mecca tôn trọng về tư cách và khả năng thương mại, mặc dầu gia sản của dòng họ Hassim lúc này đã suy kiệt.

Khi Muhammad lên 12 tuổi, ông Abu Talib quyết định cho Muhammad được đi theo các chuyến lữ hành tải hàng từ Mecca đi Syria. Kể từ đó cho đến năm 25 tuổi, Muhammad luôn luôn theo sát ông chú trên mọi nẻo đường buôn bán băng qua sa mạc Syro-Arabia. Suốt 13 năm ròng, Muhammad được học đủ mọi môn về quân sự: từ cưỡi ngựa, đấu kiếm, bắn cung, đô vật cho đến các mưu lược chiến thuật và các phương cách bày binh bố trận chống lại các bọn cướp dọc đường. Từ bẩm sinh, Muhammad đã vốn có một thân hình cao lớn khỏe mạnh, sau 13 năm tập luyện trong thực tế sa mạc, Muhammad trở thành một võ sĩ hay một tướng quân.

Vào năm 595, Muhammad muốn cưới Fakhita, 25 tuổi, con gái của ông chú Abu Talib. Nhưng ông chú Abu Talib quyết định gả Fakhita cho một người giàu có thuộc dòng họ Makhzum. Để đền bù cho Muhammad, ông Abu Talib giới thiệu Muhammad cho bà Khadija là một phụ nữ sang trọng giàu có nhất nhì tại Mecca. Lúc đó bà Khadija khoảng 40 tuổi, đã có hai đời chồng và 7 người con. Bà thuộc đoàn thương mại của dòng họ Asad đang lúc gặp thời. Bà rất cần có một người dũng cảm và có khả năng chỉ huy quân sự để tổ chức những chuyến buôn từ Mecca vượt qua sa mạc xa xôi đến Syria. Bà Khadija đề nghị với Muhammad việc hôn nhân và Muhammad đồng ý.

Mặc dầu bà Khadija lớn hơn Muhammad 15 tuổi nhưng Muhammad vẫn say mê bà. Theo sử sách của Hồi Giáo ghi chép thì bà Khaidija lúc đó tuy lớn tuổi nhưng vẫn trẻ đẹp và có dáng vẻ rất sang trọng. Cuộc hôn nhân giữa bà Khadija và Muhammad kéo dài 24 năm, tức cho đến khi bà Khadija qua đời vào năm bà 64 tuổi.

Cuộc đời của Muhammad và lịch sử thời sơ khai của đạo Hồi đã mang nhiều dấu ấn về tài đức của bà Khadija. Trong cách cư xử với bà Khaidija, Muhammad luôn coi bà như một người mẹ hoặc một người cố vấn hơn là một người vợ bình thường. Trong suốt 24 năm chung sống, Muhammad đã gặp biết bao sự chống phá của mọi kẻ thù và nhiều chuyện rắc rối đau buồn, Muhammad thường bày tỏ tâm sự với bà Khadija và luôn luôn được bà tận tình giúp đỡ nên Muhammad đã vượt qua tất cả. Sau khi bà Khadija qua đời, Muhammad vẫn thường ca ngợi và bày tỏ lòng biết ơn bà Khadija cho đến khi ông trút hơi thở cuối cùng.

Bà Khadija sinh cho Muhammad 7 người con, gồm 3 trai 4 gái. Nhưng 5 người con đầu đều chết trẻ, chỉ còn lại 2 người con gái. Cô gái út tên là Fatimah, về sau trở thành một nhân vật rất nổi tiếng trong thế giới Hồi Giáo. Vào thế kỷ 10, những người Ả Rập tại Ai Cập tự xưng là con cháu của Fatimah đã lập nên một triều đại hiển hách gọi là Triều Đại Fatimids. Triều đại này cai trị toàn vùng Bắc Phi, Trung Đông và Thổ Nhĩ Kỳ trong 315 năm (935-1250).

Ông chú Abu Talif là người đã nuôi dạy Muhammad từ nhỏ đến lớn, lúc về già bị sa cơ thất thế. Bà Khadija và Muhammad đến xin đứa con út của ông chú là bé Ali (lúc đó mới 5 tuổi) đem về nuôi. Muhammad hết lòng thương yêu Ali vì Ali mồ côi mẹ và một phần khác vì ông rất biết ơn ông chú Abu. Về sau, Muhammad đã gả con gái út của ông là Fatimah cho Ali. Hai mươi bốn năm sau khi Muhammad qua đời, Ali trở thành vị vua Hồi Giáo thứ tư (The Fourth Calif). Hiện nay, có một số người Chàm theo đạo Hồi ở Việt Nam tôn thờ Ali và tôn xưng Ali là con của Thượng Đế (Son of God).

Ngoài việc nhận nuôi Ali, vợ chồng Muhammad còn nuôi một bé trai nô lệ là Zayd. Khi Zayd lớn lên, cha mẹ Zayd đem tiền đến chuộc nhưng Zayd xin ở lại. Muhammad trả tự do cho Zayd và từ đó Zayd trở thành con nuôi. Ali và Zayd sống chung với nhau như anh em ruột dưới sự chăm sóc của Muhammad. Sau này cả hai thành đôi bạn khắng khít và đều có quyền lực trong cộng đồng Hồi Giáo sơ khai.

Vào năm 605, lúc đó Muhammad 35 tuổi, bộ lạc Quraysh quyết định xây lại đền thờ Kaaba. Đây là một công việc trọng đại và tốn kém nên cần phải có sự đóng góp của nhiều người mới thực hiện được. Khi hội họp thảo luận với nhau, các tập đoàn thương mại (clans) đưa ra nhiều ý kiến trái ngược. Sau năm ngày tranh cãi, các tập đoàn không đạt được một sự thỏa thuận nào. Cuối cùng, các tập đoàn giao ước với nhau rằng: Nếu có một người đàn ông nào đó đến đền thờ vào lúc này thì chúng ta sẽ hỏi ý kiến của người đàn ông ấy và ý kiến của người ấy sẽ là ý kiến quyết định.

Thật bất ngờ vì người đàn ông bước chân vào đền thờ lúc đó chính là Muhammad. Muhammad vừa mới lãnh đạo một đoàn lữ hành lớn từ Syria trở về Mecca. Theo thông lệ, sau mỗi một chuyến lữ hành thành công, Muhammad đều đến đền thờ Kaaba để tạ ơn Thượng Đế. Đại diện của các tập đoàn thương mại Mecca đến hỏi ý kiến Muhammad. Ông dõng dạc trả lời: "Tất cả chúng ta hãy tìm mọi cách di chuyển Tảng Đá Đen (The Black Stone) đến giữa đền thờ rồi cùng nhau đoàn kết xây lại nơi thờ phượng Thiên Chúa Allah. Chúng ta sẽ biến nơi này thành một trung tâm của thế giới!"

(Tảng Đá Đen là một thiên thạch đã có sẵn ở bán đảo Ả Rập từ rất lâu đời, không ai có thể xác định được niên đại của nó. Người Ả Rập từ ngàn xưa đã tỏ lòng tôn kính tảng đá này và họ coi nó như một biểu tượng của Đấng Tối Cao. Họ xây đền thờ hình khối phủ lên tảng đá đen và gọi đền thờ đó là Kaaba. Tiếng Ả Rập Kaaba có nghĩa là "nhà hình khối" (Cubic Building). Đền thờ Kaaba và tục lệ hành hương đã có từ nhiều ngàn năm trước Công Nguyên).

Sứ giả của Thiên Chúa (Messenger of God)

Vào năm 610, lúc đó Muhammad vừa tròn 40 tuổi, ông thường cầu nguyện, bố thí và thích tìm đến nơi vắng vẻ một mình để suy tưởng về Thiên Chúa. Vào đêm thứ Bảy mùa chay Ramadan, Muhammad một mình leo lên đỉnh núi Hira ở ngoại ô Mecca và tìm đến một cái hang. Bỗng nhiên, một thiên thần hiện ra với ông và ra lệnh "Hãy thuật lại" (Recite!)

Vào thời đó, ở Ả Rập có nhiều người làm nghề thầy pháp (soothsayers). Họ thường nhảy múa lên đồng để xuất hồn xuống âm phủ gặp hồn ma người chết. Sau đó thầy pháp "thuật lại" những điều người chết muốn nói với thân nhân còn sống. Vì thế các thầy pháp được gọi là "người thuật lại" (Reciter/ kahin). Khi thiên thần ra lệnh cho Muhammad thuật lại, ông liền từ chối và trả lời ngay rằng: "Tôi không phải là một thầy pháp!" (I'm not a reciter!)

Ngay lúc đó, thiên thần ôm choàng lấy Muhammad một cách thân mật và nói nhỏ nhẹ bên tai ông những lời mặc khải đầu tiên:

"Hãy thuật lại nhân danh Chúa
Là đấng đã tạo ra loài người từ một giọt máu
Hãy thuật lại: Thiên Chúa hào phóng vô cùng
Ngài dùng ngòi bút để dạy dỗ loài người
Về những gì loài người chưa biết".

(Recite in the name of thy God
Who createth man from a clot of blood
Recite: Thy Lord is the Most Bountiful
He who taught by the pen
taught man what he knew not - Koran 96:1)

Muhammad sợ hãi chạy ra khỏi hang và leo lên đỉnh núi với ý định gieo mình xuống vực để tự tử - Nhưng vừa mới chạy được nửa đường thì nghe có tiếng nói từ trên trời xuống: "*Hỡi Muhammad, con là Sứ giả của Thiên Chúa. Ta là thiên thần Gabriel đây!"*

Muhammad đứng trân trân nhìn vị thiên thần và không thể bước tới bước lui. Muhammad quay mặt đi hướng khác, nhưng dù quay hướng nào cũng vẫn nhìn thấy thiên thần ở trước mặt. Muhammad kể rằng: vị thiên thần là một người đàn ông và không đẹp như tranh vẽ của Ki Tô Giáo. Thiên thần tự xưng là "Thần linh của Chân lý" (The Spirit of Truth). Nhiệm vụ của ngài là một phương tiện truyền thông của Thiên Chúa xử dụng để truyền mọi điều của Chúa cho loài người được biết.

Muhammad nghe thiên thần Gabriel giảng giải những điều như vậy liền cảm thấy yên lòng nên bỏ ý định tự tử và chạy về nhà thuật lại cho bà Khadija biết. Khi vừa trông thấy bà Khadija, Muhammad vội quì xuống rồi bò tới bằng hai tay và hai đầu gối. Muhammad nhào vào lòng bà Khadija như một đứa bé nhào vào lòng mẹ. Muhammad nói: "Hãy che chở tôi, hãy che chở tôi". Bà Khadija ôm lấy Muhammad trong vòng tay và nói những lời âu yếm dịu dàng nhằm trấn an, vì lúc đó bà nghĩ rằng Muhammad có thể đã bị ma ám (Jinni-possessed). Vào thời đó, người Ả Rập không biết đến các chứng bệnh tâm thần. Mỗi khi gặp trường hợp có người mắc bệnh điên loạn hay khủng hoảng tinh thần, người ta thường gán cho là bị ma ám! Bà Khadija tin

tưởng nơi Thượng Đế nên đã an ủi Muhammad: "Anh là người tốt đối với mọi người và anh hay giúp đỡ những người nghèo khó. Nhất định Thượng Đế không bao giờ làm điều gì xấu cho anh đâu, cưng ạ!"

Liền sau đó bà Khadija dẫn Muhammad đến nhà người anh họ cao niên của bà là Waraqua. Ông này là một tín đồ Ki Tô Giáo rất thông thạo Thánh Kinh Tân Ước bằng tiếng Hy Lạp. Khi thấy bà Khadija và Muhammad đến, Waraqua không tỏ vẻ ngạc nhiên. Ông vui vẻ đón chào: "Thật là một điều thánh thiện! Thiên Chúa đã ban cho Muhammad một bộ luật lớn như ngài đã ban cho Thánh Mai-sen xưa kia. Ôi! Muhammad là tiên tri của các dân tộc Ả Rập." (Holy! Holy! There has come to him the greatest MANUS who came to Moses aforetime and lo, he is the prophet of the Arab peoples - Muhammad, a biography of the prophet by Karen Amstrong. Pages 84, 85).

Waraqua đã dùng tiếng Hy Lạp "MANUS", có nghĩa là Sách Luật, có ý ám chỉ Muhammad là môt tiên tri sẽ mang đến cho các dân tộc Ả Rập một cuốn sách luật vĩ đại như Maisen đã mang đến cho dân tộc Do Thái cuốn sách Kinh "TORAH", theo tiếng Hebrew cũng có nghĩa là Sách Luật. Muhammad đã tiếp thu ý kiến này. Về sau, Muhammad đã đưa vào kinh Koran rất nhiều điều luật về hình sự, dân sự và cả về các mặt xã hội chính trị, kinh tế nữa.

Waraqua giải thích cho Muhammad: "Sự mặc khải của Thiên Chúa cho loài người qua các trung gian là các vị tiên tri (prophets) có tính cách liên tục từ xưa đến nay: khởi đầu từ tổ tiên loài người là Adam, sau đó đến Noah, Abraham, Moses, Isaiah, Gioan Baotixita và Jesus".

Muhammad chấp nhận quan điểm củaWaraqua nên sau này Muhammad khẳng định đạo Hồi không phải là đạo mới mà chỉ là "Đạo Thiên Chúa Canh Cải" mà thôi (Islam is a Reformed Religion of God).Waraqua cảnh báo cho Muhammad biết trước về những mối nguy hiểm sẽ xảy đến cho người được Chúa chọn làm tiên tri: "Anh sẽ là tiên tri của các dân tộc Ả Rập. Tôi già rồi nhưng tôi sẽ ráng sống cho đến khi người ta ném anh ra ngoài xã hội." Muhammad nghe nói vậy tỏ ra rất bối rối sợ hãi. Waraqua bèn mượn lời của Chúa Jesus trong Thánh Kinh để giải thích cho Muhammad: "Không có tiên tri nào được trọng vọng ở quê hương mình!" (A prophet is always without honor in his own country!).

Waraqua tỏ ra là một người học thức sáng suốt và rất am tường tình hình của xứ Ả Rập lúc đó, Ông đã đưa ra những lời khuyên Muhammad rất xác đáng:

1. Rao giảng những điều mới được mặc khải là một sứ mạng hết sức nguy hiểm nên cần phải có thời gian chuẩn bị mọi việc kỹ càng.

2. Trong thời gian đó, đế quốc Ki Tô Giáo Byzantine đang dòm ngó bán đảo Ả Rập, Waraqua khuyên Muhammad cần tránh tỏ ra thân Ki Tô Giáo hoặc Byzantine để khỏi bị quần chúng gán cho tội thông đồng với địch.

3. Waraqua biết Muhammad chủ trương độc thần tuyệt đối nhưng ông khuyên Muhammad đừng vội triệt phá các tượng thần - Lý do vì dân Ả Rập dù có thờ ba nữ thần là những con gái của Thiên Chúa Allah thì họ cũng vẫn là những tín đồ của đạo Abraham (Abrahamic Religion). Đạo Abraham chính là đạo Do Thái trước thời Moses (Pre-Mosaic Judaism) và cũng là đạo cổ truyền của dân Ả Rập. Muhammad nghe lời khuyên của Waraqua nên đã hoàn toàn im hơi lặng tiếng trong hai năm và sau đó thực hiện đúng những điều Waraqua đã dặn.

Năm 612, tâm lý chung của dân Mecca là chỉ lo làm giàu bằng mọi cách, bất chấp mọi giá trị đạo đức. Các tập đoàn buôn bán coi nhau như thù địch nên xã hội Mecca lâm vào tình

trạng chia rẽ cùng cực. Tâm lý quần chúng Ả Rập lúc đó khao khát đi tìm một giải pháp tôn giáo mới (a new religious solution) đáp ứng nhu cầu chung của dân tộc Ả Rập.

Muhammad cũng như đại đa số dân Ả Rập không thể chấp nhận quan niệm Thiên Chúa Ba Ngôi của đạo Ki Tô vì nó mang nặng tính chất thần thoại Hy Lạp. Người Ả Rập đã cảm nhận từ rất lâu đời tinh thần tôn giáo Abrahamic, tức tinh thần của đạo Do Thái Nguyên Thủy (4000 TCN - 1250 TCN), cho nên Muhammad tìm về gốc đạo Do Thái như tìm về với cội nguồn tinh thần của cả dân tộc. Chính vì quan niệm này mà trong đạo hồi Abraham được coi là một tín đồ Hồi Giáo đầu tiên (The First Muslim) là vị tổ phụ lập đạo và cùng là tổ phụ của dân tộc Ả Rập.

Muhammad không bao giờ tự coi mình là người lập đạo, không bao giờ tự xưng mình là giáo chủ hoặc là Đấng Cứu Thế. Ông không công nhận mình có một sứ mạng nào đối với cả thế giới (no universal mission) cũng không có một nhiệm vụ chính trị nào. Ông chỉ nhấn mạnh một điều rằng: Ông là tiên tri cuối cùng của Thiên Chúa. Nói cách khác, sau Muhammad sẽ không có một tiên tri nào cả. Điều này rất quan trọng đối với Hồi Giáo: Sau khi Muhammad qua đời, tất cả những người kế vị (Caliphs) đều chỉ là những người kế vị với tư cách lãnh đạo Cộng đồng (Leaders of Community) chứ không ai có thể kế vị với tư cách tiên tri (prophet). Điều này ngụ ý: không ai có tư cách sửa đổi giáo lý đạo Hồi hoặc sửa đổi những điều đã ghi trong kinh Koran.

Muhammad là một người bản tính giản dị, rất ghét lối sống xa hoa phù phiếm. Ông thường mặc loại quần áo may bằng vải thô. Khi kiếm được tiền, ông thường chia sẻ rộng rãi với những người nghèo. Ông có khuynh hướng sống khổ hạnh. Ông không kết án người giàu một cách quá khích như Jesus "Kẻ giàu vào thiên đàng khó hơn lạc đà chui qua lỗ kim". Nói như vậy có nghĩa là mọi kẻ giàu đều phải xuống hỏa ngục. Muhammad không tin như vậy, ông nói: "Người nghèo vào thiên đàng trước người giàu". Ông tin rằng Chúa nhân lành nên không bao giờ phạt một người nào đời đời trong hỏa ngục. Thậm chí như quỉ Satan, Muhammad tin rằng Satan sẽ được Chúa tha tội trong ngày Phán Xét Cuối Cùng. Vào thời Muhammad, hai phần ba phụ nữ trong xã hội là nô lệ. Muhammad muốn đem đến cho họ một niềm hy vọng trong tôn giáo. Vì thế đa số những tín đồ Hồi Giáo đầu tiên là những người nô lệ, phụ nữ và những người khốn cùng trong xã hội.

Muhammad là người khiêm tốn nên ông cũng xác định Kinh Thánh Koran có một nhiệm vụ cũng rất khiêm tốn: "Koran chỉ làm nhiệm vụ của một kẻ nhắc lại những điều mà mọi người đã biết" (The Quran claimed to be a reminder of things that every body knew already - Koran 80: 11).

Tất cả những nghi lễ lớn của đạo Hồi hiện nay như hành hương Mecca, sự tôn kính thánh tích Tảng Đá Đen ở đền thờ Kaaba, tục lệ bố thí cho người nghèo, ăn chay trong tháng Ramadan, giết súc vật làm lễ hy sinh (animal sacrifice)... đều xuất phát từ tôn giáo cổ truyền của các bộ lạc Ả Rập nhiều ngàn năm trước khi Muhammad ra đời.

Có thể nói mọi người Ả Rập đều đã sẵn có niềm tin vào Thiên Chúa, Muhammad không phải tốn công thuyết phục đồng bào của mình về điểm này, chỉ cần làm sao thuyết phục họ tin rằng Muhammad là tiên tri cuối cùng của Thiên Chúa.

Công việc trọng tâm trong sự thuyết phục đó tưởng đơn giản mà thật khó khăn. Sau hai năm viết sách Koran và thuyết phục mọi người, Muhammad chỉ chinh phục được mấy người trong gia đình: vợ, bốn con gái và hai con nuôi. Ông chú Abu Talib không chịu theo. Tuy nhiên, một người xa lạ là Abu Bakr chẳng những nhiệt tình theo đạo Hồi mà còn hết lòng bênh vực

che chở cho Muhammad. Abu Bakr là một thương gia rất giàu và có uy quyền đối với các tập đoàn thương mại ở Mecca. Nhờ uy tín của ông, nhiều thanh niên và những người có thế lực tại Mecca đã theo đạo Hồi.

Cuộc Tỵ Nạn tại Ethiopia

Người Ả Rập tin Adong - Evà là tổ tiên loài người và tin có một Thiên Chúa mà họ gọi là Allah, nhưng không biết từ bao giờ họ lại tin rằng Thiên Chúa Allah có 3 cô con gái tên là Al-Lat, Al-Uzza và Manat. Tại đền thờ Kaaba ở Mecca, người Ả Rập tôn thờ Thiên Chúa là chính yếu. Thiên Chúa vô hình vô tượng nhưng ba nữ thần con của Thiên Chúa thì có tượng thờ tại đền này. Ngoài ra, người dân Mecca còn làm thêm 360 tượng thần cai quản 360 ngày trong một năm Âm Lịch.

Năm 616, Muhammad giảng đạo tại đền thờ Kaaba và thuyết phục mọi người hãy phá bỏ các tượng thần, nhất là 3 tượng nữ thần con của Thiên Chúa.

Muhammad thuyết giảng rằng: đạo thật của Abraham là chỉ tôn thờ một Thiên Chúa mà thôi. Thiên Chúa không đẻ con nên không có thần nào là con trai hay con gái của Thiên Chúa cả!

Trước đây 6 năm, Waraqua đã cảnh báo Muhammad về sự nguy hiểm khi khuyên người ta phá bỏ các tượng thần. Nay Muhammad phải đối diện với sự nguy hiểm trong thực tại: Muhammad mất hết sự ủng hộ của mọi người. Các tập đoàn thương mại ở Mecca công khai tuyên bố Muhammad là kẻ thù của quần chúng. Mọi người kết tội Muhammad đã nhục mạ những vị thần thiêng liêng của họ. Nhiều người cuồng tín mang theo vũ khí đi lùng bắt Muhammad. Lúc đó, Muhammad vội chạy trốn để tránh mặt. Bọn người cuồng tín kéo đến nhà ông chú của Muhammad là Abu Talib để hành hung ông mặc dù lúc đó ông đã rất già. Cuối cùng bọn cuồng tín bắt hết những người nô lệ theo đạo Hồi trói vào cọc rồi thiêu sống.

Muhammad biết tình hình rất căng thẳng và không thể hòa giải nên nội trong đêm hôm đó Muhammad cùng 53 người thân nhân và tín đồ bí mật lẻn ra khỏi thành phố Mecca đi tỵ nạn tại xứ Abyssinia (tức Ethiopia ngày nay). Muhammad và mọi người đi theo được vua Negus tiếp kiến và bảo vệ - Muhammad biết vua Negus và triều đình Abyssinia theo Ki Tô Giáo nên ông bảo Zayd chọn lựa các đoạn trong kinh Koran nói về Chúa Jesus và bà Maria đọc to lên cả triều đình cùng nghe. Sau khi nghe những câu thơ của kinh Koran ca ngợi Chúa Jesus và đức bà Maria, nhà vua khen ngợi Muhammad và nghĩ rằng đạo Hồi cũng là đạo Ki Tô!

Những Vần Thơ của Quỉ Sa Tăng.-

Trong thế giới Tây Phương thù nghịch với đạo Hồi, người ta đã phổ biến nhiều chuyện bề ngoài có tính cách lịch sử nhưng bên trong nhằm chế nhạo hoặc bôi bẩn giáo chủ Muhammad. Một trong những chuyện đó rút ra từ sách Sử Ký của Ibn Sad và Tabari. Chuyện đó kể rằng: Sau khi giảng đạo tại Kaaba nhằm thuyết phục mọi người phá bỏ các tượng thần, Muhammad không ngờ bị mọi người phản đối kịch liệt. Chẳng những thế, Muhammad còn bị những người cuồng tín phẫn nộ đi lùng bắt để giết chết. Muhammad bị dồn vào thế kẹt hết sức nguy hiểm. Để tạm thời đối phó với tình thế, Muhammad viết trong chương 53 của kinh Koran hai câu thơ nhượng bộ những người đa thần giáo như sau:

"Các người không coi trọng ba vị nữ thần

Al-Lat, Al-Uzza và Manat sao?

Những vị đó đều là những thiên thần
mà lời cầu nguyện của họ đều được
Thiên Chúa chấp nhận".
(Have you considered Al-Lat, Al-Uzza and Manta?
They are the exalted angels whose intercession is approved - Koran, sura 53: 19-20).

Sau đó, Muhammad sai người đưa kinh Koran cho những người ở Mecca đọc, đặc biệt lưu ý họ về hai câu thơ nói về ba vị nữ thần. Những người đa thần giáo ở Mecca cho rằng Muhammad đã chịu thừa nhận các nữ thần của họ và họ bằng lòng bỏ qua cho Muhammad về tội xúc phạm thần thánh trước đây.

Mấy năm sau, Muhammad kéo 10.000 quân trở lại chiếm Mecca. Đợi đến lúc hoàn toàn làm chủ tình hình ở Mecca, Muhammad mới dám hủy bỏ hai câu thơ 19-20 trong Sura 53. Muhammad viết trong chương 5 những câu thơ phủ nhận các nữ thần, gọi các nữ thần là sản phẩm tưởng tượng không đáng tôn thờ.

Chương 5 trong kinh Koran còn nói rõ rằng: Các câu thơ trước đây chấp nhận sự tôn thờ các nữ thần Ả Rập là những câu thơ đã được gợi ý bởi quỉ Sa Tăng. (The verses inspired by Satan)

Năm 1988, nhà văn Anh gốc Ấn Salman Rushdie đã mượn ý của câu chuyện trên để viết cuốn tiểu thuyết "The Satanic Verses". Rushdie sưu tầm các chuyện huyền thoại của Tây Phương từ xưa đến nay nói về Muhammad nhằm mục đích tạo ấn tượng nơi độc giả về Muhammad như một gã lừa đảo với những tham vọng chính trị.

Chủ đích của cuốn tiểu thuyết cũng nhằm chứng tỏ rằng cuốn kinh Koran của đạo Hồi không phân biệt được điều lành và điều dữ. Koran chẳng bao giờ là sách ghi lời của Chúa mà hoàn toàn được sáng tạo bởi cá nhân Muhammad mà thôi.

Chuyến Du Hành Ban Đêm (The Night Journey).-

Trong một buổi tối năm 620, Muhammad đến thăm cô em họ là Umm Hani (chị ruột của Ali) cư ngụ ở gần đền thờ Kaaba. Sau đó, Muhammad vào đền thờ để ngủ qua đêm. Trong lúc đang ngủ thì ông được thiên thần Gabriel đánh thức dậy rồi đặt ông ngồi trên lưng một con ngựa thần. Tiếng Ả Rập gọi con ngựa thần là Buruq. Đó là một con ngựa có đầu người và có hai cánh giống như cánh chim rất lớn. Ngựa thần chở ông từ Mecca đến Jerusalem rồi đáp trên núi Đền Thờ (Temple Mount). Tại đây, Muhammad được đón chào bởi các tiên tri Do Thái: Abraham, Mai-sen và Jesus. Thiên thần Gabriel dẫn Muhammad đến một cái thang và cả hai cùng leo lên. Tại tầng trời thứ nhất, Muhammad gặp tổ tiên loài người là Adam. Tầng thứ hai do Jesus và Gioan Baotixita cai quản. Tầng thứ ba có Joseph. Tầng thứ tư do Enoch chủ trì. Tầng thứ năm do Aaron, tầng sáu do Mai-sen. Tầng thứ bảy do Abraham. Vòm trời trên cùng là nơi ở của Thiên Chúa Allah.

Sau khi được yết kiến Thiên Chúa và được ngài căn dặn phải cầu nguyện mỗi ngày 50 lần, Muhammad cùng với thiên thần Gabriel xin cáo từ và xuống thang. Khi xuống đến tầng thứ sáu thì Mai-sen dặn Muhammad rằng: "Không nên bắt tín đồ cầu nguyện nhiều quá. Thiên Chúa đòi phải cầu nguyện mỗi ngày 50 lần nhưng chỉ cần cầu nguyện mỗi ngày 5 lần cũng đủ rồi!"

Sau giấc mơ đi Jerusalem năm 620, Muhammad viết kinh Koran qui định mỗi ngày các tín đồ Hồi Giáo phải cầu nguyện 5 lần. Mỗi lần cầu nguyện phải quay mặt về hướng Jerusalem. Năm 627, Muhammad ra lệnh hành quyết tập thể 700 người Do Thái tại Medina vì những người này có âm mưu chống lại ông. Sau vụ này ông thù ghét người Do Thái và đạo Do Thái nên ông viết lại kinh Koran qui định cho các tín đồ khi cầu nguyện phải quay mặt về hướng Mecca chứ không phải là Jerusalem như trước.

Ngôi vị của Mai-sen (giáo chủ đạo Do Thái) trước đây cao hơn ngôi vị của Jesus (Giáo Chủ đạo Ki Tô). Nay Muhammad đảo ngược lại: nâng Jesus lên cao hơn Mai-sen vì lúc này Muhammad chưa có điều gì thù oán với Ki Tô Giáo. Ngày nay, các tín đồ Hồi Giáo kính trọng nhất là Tiên tri Muhammad, kế đến là tiên tri Jesus và tiên tri Mai-sen. Đối với họ, tất cả các tiên tri này đều là những người trần mắt thịt và đều là đầy tớ của Thượng Đế (Servants of God).

Charlie Nguyễn

THÂN THẾ, SỰ NGHIỆP VÀ LẬP ĐẠO CỦA MUHAMMAD

GIAI ĐOẠN II (622-632)

Năm 619, người vợ yêu quí của Muhammad là bà Khadija qua đời, hưởng thọ 64 tuổi. Qua năm sau, Muhammad lấy cô Sawdah, 30 tuổi, là em dâu của ông Suhayl tù trưởng bộ lạc Amir. Cô Sawdah hiện là một góa phụ. Ba năm về trước, Sawdah đã cùng chồng đi tỵ nạn tại Ethiopia cùng với gia đình của Muhammad vì vợ chồng cô đều theo đạo Hồi. Khi trở lại Mecca được ít lâu thì chồng cô bị bệnh và qua đời. Muhammad cưới cô Sawdah với ý định liên kết quân sự với tù trưởng Amir, nhưng sau này tù trưởng Amir đã chống lại Muhammad và bị bắt làm tù binh tại Medina.

Cũng trong năm 620, người bạn giàu có và hết sức thân cận của Muhammad là Abu Bakr đã gã cô con gái út của ông là Aisha mới lên 6 tuổi cho Muhammad. Sự hứa gã chỉ có tính cách hình thức vì Aisha vẫn sống với cha mẹ. Sau này, khi Aisha lên 9 tuổi mới sống với Muhammad như vợ chồng.

Trong thời gian này, tại thành phố Yathrib đã có khoảng 100 gia đình theo đạo Hồi. Yathrib là một ốc đảo khá lớn, cách Mecca khoảng 200 dặm về phia bắc. Đây là nơi cư ngụ lâu đời của sáu bộ lạc Ả Rập và ba bộ lạc Do Thái.

Vào tháng 9 năm 622, một phái đoàn 75 người từ Yathrib đến Mecca mời Muhammad cùng gia đình và các tín đồ Hồi Giáo di cư về Yathrib để thành lập cộng đồng Hồi Giáo đầu tiên. Sau một thời gian ngắn chuẩn bị, Muhammad và khoảng 100 gia đình Hồi Giáo bí mật trốn Mecca để di cư đến Yathrib. Trong số này có gia đình của Abu Bakr.

Sau mấy ngày băng qua những bãi cát sa mạc, đoàn người di cư của Muhammad đã tới ốc đảo Yathrib ngày 24 tháng 9 năm 622. Đây là ngày trọng đại trong lịch sử Hồi Giáo vì đó chính là ngày mở đầu cho cả một kỷ nguyên Hồi Giáo. Lịch Hồi Giáo bắt đầu từ ngày này chứ không phải từ ngày sinh của Muhammad. Năm 622 Dương Lịch trở thành năm thứ nhất của Âm Lịch Hồi Giáo. Danh từ Ả Rập gọi cuộc di cư lịch sử này là HIJRA. Thành phố Yathrib nguyên là

tên gọi theo tiếng Hebrew của người Do Thái, nay được đổi tên thành Medina, chữ tắt của Madinat Al Rasul có nghĩa là Thành Phố của Thiên Sứ (City of Messenger). Medina từ một ốc đảo heo hút giữa sa mạc đã trở thành thánh địa thứ hai sau Mecca. Hiện nay mỗi năm cũng có khoảng từ 2 đến 3 triệu tín đồ trên khắp thế giới đến đây hành hương.

Lúc ban đầu mới đến Medina, Muhammad và đoàn người Hồi Giáo chỉ là những kẻ tỵ nạn rách nát chạy trốn sự ngược đãi của những người đa thần giáo ở Mecca. Nhưng dần dần, trong vòng 5 năm kế tiếp, cả 6 bộ lạc Ả Rập ở Medina đều theo đạo Hồi và tất cả thành phố Medina được đặt dưới quyền lãnh đạo duy nhất của Muhammad.

Cả 6 bộ lạc ở Medina cùng ký với nhau một hiệp ước gọi là "Umma", có nghĩa là hiệp ước thành lập một đơn vị xã hội căn bản. Nói đúng hơn, đó là một cộng đồng Hồi Giáo liên kết với nhau trên nền tảng tôn giáo chứ không đặt trên nền tảng huyết thống hay chủng tộc. Kinh Koran nêu lên điều căn bản cho cộng đồng Hồi Giáo như sau: "Quan hệ giữa các tín đồ Hồi Giáo với nhau là quan hệ anh em ruột thịt" (The believers are bond of brothers - Koran 49:10).

Một điều đặc biệt là tại Medina, Muhammad ra lệnh cho các tín đồ phải nghe lời ông như nghe lời Chúa. Tất cả các tín đồ già trẻ lớn bé đều tuân lệnh của ông răm rắp. Ông viết trong kinh Koran: "Ai vâng lời tiên tri là vâng lời chính Thiên Chúa" (He that obeys the Apostle, obeys Allah himself - Koran 4:80).

Không ai có thể phủ nhận được tài thuyết phục của Muhammad. Ông đã dùng tôn giáo để thống nhất các bộ lạc Ả Rập trước đây luôn luôn thù nghịch nhau. Tôn giáo đã tập họp họ trong một cộng đồng Hồi Giáo (umma). Medina đã trở thành khuôn mẫu đầu tiên về umma mà các người kế vị sau này đã bắt chước để bành trướng đạo Hồi ra khắp thế giới.

Muhammad trú ngụ tại Medina trong 10 năm. Nhiều sử gia chuyên về Hồi Giáo đã chia thời gian này làm hai giai đoạn:

- Giai đoạn đầu từ năm 622 đến 627
- Giai đoạn sau từ năm 627 đến 632 là năm Muhammad qua đời.

GIAI ĐOẠN ĐẦU TẠI MEDINA (622-627)

Trong thời kỳ 5 năm đầu trú ngụ tại Medina, Muhammad và cộng đồng Hồi Giáo đầu tiên đã thực hiện rất nhiều cuộc đột kích (raids) nhằm mục đích tấn công các đoàn lữ hành đi qua sa mạc để cướp lạc đà, ngựa, vũ khí, hàng hóa và các loại thực phẩm. Cộng đồng Hồi Giáo tại Medina khó có thể sống còn nếu không tổ chức các vụ cướp nói trên. Ngoài ra, Muhammad biết trước những người đa thần giáo ở Mecca sớm muộn cũng sẽ tấn công cộng đồng Hồi Giáo tại Medina. Do đó ông phải lo tăng cường binh lực bằng cách cướp lạc đà, ngựa, vũ khí và tích lũy lương thực.

Muhammad luôn luôn kêu gọi cộng đồng Hồi Giáo tại Medina phải sẵn sàng chiến đấu và tích cực tham gia thánh chiến (Jihad). Ý niệm "thánh chiến" trong Hồi Giáo không chỉ có nghĩa là sẵn sàng tử đạo mà còn có nghĩa là một "bổn phận thiêng liêng" của mọi tín đồ phải tham gia chiến đấu trên mọi mặt trận, từ tinh thần đến vật chất, từ kinh tế đến chính trị. Do đó, các chương trong kinh Koran được viết tại Medina đều mang đậm nét về chính trị, xã hội, kinh tế và cả về quân sự nữa.

Muhammad hoàn toàn khác với Jesus vì ông không bao giờ chấp nhận "đưa má cho người ta tát". Ông đưa ra một học thuyết được mệnh danh là "Thần Học Chiến Tranh Chính Đáng" (Theology of the just war). "Khi anh gặp những kẻ không tin đạo gây chiến thì đừng bao giờ quay lưng về phía chúng" (When you meet those who disbelieve marching for war, then turn not your back to them - Koran 8:15). Khi viết những câu thơ này, Muhammad đang phải đối phó với nguy cơ chiến tranh với Mecca. Muốn chiến thắng Mecca thì trước hết phải tiến hành những cuộc đột kích những chuyến hàng nhỏ của Mecca để làm suy yếu dần nguồn nhân lực tài lực của họ. Sau đó tiến đến những cuộc tấn công lớn để triệt tiêu độc quyền buôn bán của Mecca với Syria. Khi độc quyền buôn bán đó không còn nữa thì nền kinh tế của Mecca sẽ bị suy sụp. Cuối cùng sẽ có ngày toàn thành phố Mecca bị Muhammad chinh phục.

1. *Những cuộc "thánh chiến" đẫm máu*.-

Trong mấy tháng đầu năm 623, Muhammad cho người đi thám thính để theo dõi tình hình của các đoàn lữ hành Mecca đi Syria. Quân thám thính về báo cáo có một đoàn lữ hành sắp đi ngang qua Medina và có rất ít người bảo vệ. Muhammad sai Hamzah dẫn vài chục kỵ binh đi phục kích. Sau khi giết hết mọi người trong đoàn lữ hành, đoàn kỵ binh của Hamzah dẫn hết lạc đà, ngựa và toàn bộ chiến lợi phẩm về Medina.

Từ đầu năm 623 đến tháng 9 năm đó, Muhammad đã thực hiện nhiều cuộc đột kích như vậy. Các thương gia ở Mecca đối phó bằng cách ký hiệp ước với các bộ lạc ở dọc theo bờ biển Hồng Hải.

Con đường dọc theo bờ biển Hồng Hải là trục lộ chính của các đoàn lữ hành từ Mecca đi Syria. Đồng thời, các thương gia Mecca tuyển nhiều kỵ binh ưu tú thuộc bộ lạc Bedouin để tăng cường bảo vệ các đoàn lữ hành.

Tháng 9 năm 623, sau khi đã tăng cường an ninh mọi mặt, Mecca ủy nhiệm cho đại thương gia Umayah Juma hướng dẫn một đoàn lữ hành rất lớn gồm có 2.500 lạc đà chở hàng từ Mecca đi Syria. Muhammad hay tin này đã quyết định huy động toàn lực và đích thân chỉ huy cuộc tấn công để cướp số hàng lớn lao này.

Cuộc tấn công thành công mỹ mãn. Mecca bắt đầu cảm thấy phải nể sợ Muhammad. Sau vụ này, Mecca đành tạm ngưng các chuyến buôn phải qua Medina. Thay vì đi về phương bắc, họ đi về phương nam để buôn bán với xứ Yemen.

Mặc dầu Mecca đã bỏ tuyến đường phía bắc và phải đổi về tuyến đường phía nam buôn bán với Yemen, nhưng Muhammad vẫn không buông tha. Tháng giêng năm 624, Muhammad sai Abdallah mang quân đi vòng xuống phía nam của bán đảo Ả Rập, cách Medina tới hơn 400 dặm, để chận đánh đoàn lữ hành của Mecca đang trên đường tới Yemen. Đoàn quân của Abdallah cướp trọn số hàng đem về Medina. Vụ này gây phẫn nộ cho mọi người Ả Rập vì theo truyền thống của đạo cổ truyền thì tháng giêng là tháng thiêng liêng, mọi việc cướp của giết người phải được kiêng cữ. Dân Mecca gọi Muhammad là kẻ vô thần.

Sự phẫn nộ của dân Mecca chưa kịp nguôi thì xảy ra vụ kế tiếp. Đó là vào tháng ăn chay Ramadan, tức tháng 3 năm 624, Muhammad nghe tin một đại thương gia của Mecca là Abu Sufyan sẽ dẫn một đoàn lữ hành gồm trên 1000 người chở nhiều hàng quí giá của ngoại quốc đem về Mecca.

Muhammad huy động 500 quân, gồm có 350 tín đồ Hồi Giáo tình nguyện và 150 người thuộc các bộ lạc ở Medina. Muhammad dẫn quân đến bố trí tại các đồi cát ở Badr, một địa

danh ở sát bờ Hồng Hải và cách Medina khoảng 100 cây số về phía tây. Badr là nơi các bộ lạc Ả Rập thường tổ chức hội chợ để mua bán trao đổi các đặc sản của mình.

Abu Sufyan là một thủ lãnh thông minh và giàu kinh nghiệm. Trước khi đoàn lữ hành tiến đến một đia điểm nguy hiểm hay khả nghi, Sufyan luôn luôn cho một toán tiền thám phi ngựa đến đó trước để quan sát hoặc thăm dò dân địa phương. Toán tiền thám về báo cáo cho biết quân phục kích của Muhammad hiện có mặt tại Badr. Abu Sufyan ra lệnh cho đoàn lữ hành tạt ngang sang tay mặt để đi xuống vùng bãi biển bằng phẳng của Hồng Hải. Đồng thời ông thuê một người cưỡi ngựa rất giỏi tên là Damdam phi ngựa như bay về Mecca cấp báo và yêu cầu mang quân ra để hộ tống đoàn lữ hành trên đường về Mecca.

Sau khi được Damdam báo tin về việc Muhammad bố trí quân phục kích tại Badr, toàn dân Mecca hết sức tức giận vì chuyến hàng do Sufyan điều khiển là chuyến hàng đắt giá nhất của giới thương gia Mecca. Hơn nữa, cuộc đột kích diễn ra lúc này đang trong tháng Ramadan chứng tỏ Muhammad bất chấp tục lệ cổ truyền thiêng liêng của người Ả Rập. Càng ngày Muhammad càng tỏ ra là một người nguy hiểm!

Do sự tức giận đó nên số người tự nguyện tham gia đoàn quân tiếp cứu Sufyan ghi tên rất đông và gồm cả những người thân thiết của Muhammad nữa. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, giới lãnh đạo Mecca đã qui tụ được trên một ngàn người, trong đó có chú ruột của Muhammad là Abbas, hai em họ chí thân đã từng sống chung với Muhammad dưới một mái nhà từ nhỏ (đó là hai con trai của Abu Talif, chú ruột kiêm cha nuôi của Muhammad từ lúc 8 tuổi), tù trưởng bộ lạc Amir là bạn thân kiêm anh rễ của vợ Muhammad và có cả Hakim là cháu ruột của bà Khadija (vợ đầu của Muhammad).

Ngay chiều hôm đó, đoàn quân tiếp cứu rời Mecca tiến về Badr. Họ phải đi qua Badr đến địa điểm trên bờ biển Hồng Hải để gặp đoàn lữ hành của Sufyan. Quân số của cả hai đoàn gộp lại lên tới trên 2000 người. Ỷ vào quân số đông gấp bốn lần quân số của Muhammad nên họ yên tâm lên đường trở về Mecca.

Toán thám báo của Muhammad báo cáo cho biết đoàn quân đông đảo của Sufyan sắp đi ngang qua Badr. Muhammad kêu gọi mọi người phải quyết tâm chiến đấu dù phải đối đầu với bạn bè hoặc người ruột thịt. Muhammad bố trí người tại các giếng nước ở Badr để ngăn chặn mọi nguồn nước uống. Số quân còn lại núp sau các đụn cát. Muhammad căn dặn mọi người phải tiêu diệt những người lãnh đạo của Mecca ngay từ đầu để gây rối loạn hàng ngũ của địch. Muhammad không sợ quân số đông của Mecca vì ông biết rõ những người chỉ huy của họ chỉ quen chỉ huy những nhóm nhỏ mà thôi. Khi có quân số đông, họ sẽ không biết điều động và phối hợp ra sao.

Quân số của Muhammad tuy ít nhưng Muhammad có tài chỉ huy, quân lính dưới quyền ông tuyệt đối vâng lời và có kỷ luật.

Trưa hôm sau, đoàn lữ hành của Abu Sufyan và đoàn tiếp cứu của Mecca từ từ tiến vào Badr. Các cung thủ của Muhammad núp sau các đụn cát đột nhiên xuất hiện và ưu tiên nhắm bắn các cấp chỉ huy của đoàn lữ hành. Chỉ trong khoảnh khắc, 50 người chỉ huy đoàn lữ hành bỏ xác tại trận. Đoàn người lữ hành và tiếp cứu hoảng hồn bỏ chạy tán loạn. Quân của Muhammad từ mọi hướng xông ra chém giết nhiều vô kể. Một số tàn quân của Mecca sống sót chạy thoát. Muhammad chiếm được hàng trăm lạc đà và ngựa, tịch thu nhiều vũ khí, quân trang và hàng hóa ngoại nhập đủ loại. Muhammad cho giải 70 tù binh về Medina. Điều đặc biệt là

những tù binh này hầu hết đều là bạn bè hoặc họ hàng của những người Hồi Giáo trước đây ở Mecca di cư về Medina.

Trong số đó có Suhayl, tù trưởng bộ lạc Amir là bạn thân của Muhammad trước đây và là anh chồng cũ của Sawdah, vợ của Muhammad hiện nay. Quan trọng hơn cả là tù binh Abbas, chú ruột của Muhammad. Sau đó là Aquil và Nawfal là hai con trai của Abu Talif, chú ruột kiêm cha nuôi của Muhammad. Còn một người nữa cũng quan trọng không kém là Abu Alas, con rễ của Muhammad. Abu Alas lấy cô con gái áp út của Muhammad tên là Zaynab. Vì Abu không chịu theo đạo Hồi và không di cư đến Medina nên Zaynab phải ở lại Mecca với chồng con.

Khi đoàn quân của Muhammad chiến thắng trở về, tất cả mọi người Hồi Giáo ở Medina chạy ra đón mừng với niềm hân hoan chưa từng có. Bởi vì cứ mỗi lần đoàn quân chiến thắng trở về thì tất cả những đồ cướp được (loots) đều phân phát cho tất cả mọi người. Lần này họ hy vọng sẽ nhận được nhiều hàng hóa ngoại nhập quí hiếm mà bình thường họ không thể có được.

Trong lúc đó, ba bộ lạc Do Thái tại Medina tỏ ra hết sức lo ngại vì những người Ả Rập Hồi Giáo quá hiếu chiến hiếu sát sẽ trở thành một mối nguy hiểm khó lường trong tương lai.

Tại Mecca cũng như tại khắp nơi trên bán đảo Ả Rập, tin tức về trận đánh ở Badr đã làm mọi người phải bàng hoàng vì sự tổn thất lớn lao về người và của mà Muhammad đã gây ra cho Mecca. Không riêng gì Mecca mà cả những bộ lạc Bedouin và Do Thái cũng phải e dè và chuẩn bị đối phó với Muhammad.

Muhammad và các tín đồ của ông không quan tâm đến những vấn đề nói trên. Trái lại, mọi người đều cảm thấy rất phấn khởi sau một chiến thắng lớn hơn dự tưởng. Muhammad càng thêm tin tưởng rằng Chúa đã phù hộ một cách đặc biệt cho đoàn quân Hồi Giáo của ông. Chính Thiên Chúa đã tiêu diệt người Mecca chứ không phải ông diệt họ. Diệt địch nhân danh Chúa là đặc quyền của người Hồi Giáo. Ông đã diễn đạt những ý trên trong kinh Koran như sau:

"Anh đã không giết người như anh nghĩ mà là Chúa đã giết họ. Khi anh quật ngã họ nhưng không phải do anh mà là Chúa đã quật họ. Đó là đặc quyền mà Chúa đã ban cho những tín đồ của Ngài". (You did not slay the ennemies, but God slew them. When thou threw it was not thyself that threw, but God threw. And that He might confer on the believers a fair benefits - Koran 8:17).

Mặc dầu thực hiện những hành vi cướp của giết người nhưng Muhammad và các tín đồ vẫn tin tưởng mình có chính nghĩa và luôn luôn được Thiên Chúa phù hộ, cho nên dù cho quân số ít cũng vẫn có thể đánh thắng những kẻ địch đông hơn gấp bội.

Kinh Koran viết về điều này như sau:

" Nếu quân số của anh chỉ có hai mươi, nhưng đều là những người kiên cường, các anh sẽ chiến thắng hai trăm địch. Nếu quân số của anh có một ngàn, các anh sẽ chiến thắng hai ngàn địch. Đó là sự cho phép của Chúa".

(If there be twenty of you - patient men.

You will overcome two hundred.

If there be one thousand of you.

You will overcome two thousand,

by the leave of God. God is with the patient - Koran 8:67)

Cái ý nghĩ cho rằng Thiên Chúa đứng cùng phe với mình trong các cuộc chiến tranh là một đặc tính trong truyền thống của các đạo thờ Thiên Chúa, bao gồm cả đạo Do Thái, đạo Ki Tô và đạo Hồi.

-Thánh kinh Cựu Ước Exodus của đạo Do Thái kể chuyện Mai-sen dẫn dân Do Thái đến Biển Đỏ thì được Chúa hóa phép cho nước biển rẽ sang hai bên tạo thành con đường cho dân Do Thái đi qua đáy biển an toàn. Liền sau đó thì đoàn quân của vua Pharaon Ai Cập ập tới để rượt bắt những người Do Thái. Khi đoàn quân Ai Cập đi xuống con đường dưới đáy biển thì Chúa hóa phép cho nước biển từ hai bên ập lại khiến cho đoàn quân Ai Cập bị chết đuối hết. Mai-sen và dân Do Thái quì xuống cảm ơn Chúa và xưng tụng Chúa là "Thiên Chúa của các đạo binh"

- Người Công Giáo cũng bắt chước người Do Thái tin rằng Thiên Chúa luôn luôn đứng về phe với họ để giúp họ chống lại mọi kẻ thù. Tại các buổi lễ ở nhà thờ, người Công Giáo luôn luôn đọc kinh trong đó có câu: "Thánh, Thánh, Thánh! Chúa là Thiên Chúa các đạo binh, vinh danh Chúa trên các tầng trời!"

Đối với Muhammad, mặc dầu ông dạy các tín đồ tin tưởng vào sự phù hộ đặc biệt của Chúa, nhưng ông là người rất thực tế nên làm việc gì cũng phải tính toán cẩn thận. Sau trận đánh ở Badr, Muhammad biết Mecca sẽ nhất định trả thù bằng cách kéo quân đến tấn công Medina. Do đó, việc trước tiên ông phải làm là đối xử tốt với các tù binh.

Trước hết, ông đích thân đi điểm mặt 70 tù binh. Ông nhận ra hai người trước đây đã nhục mạ ông khi ông giảng đạo tại Mecca. Ông ra lệnh cho quân lính mang hai người đó ra chợ chém đầu. Sáu mươi tám người còn lại được cởi trói nhưng đều bị nhốt trong nhà giam. Tất cả đều được cho ăn uống tử tế.

Trong đêm hôm đó, Muhammad không ngủ được vì cảm thấy thương ông chú ruột là Abbas và hai người em họ đã sống với ông trên mười năm tại nhà ông chú Abu Talib, đó là Aquil và Nawfal. Sáng hôm sau Muhammad ra lệnh phóng thích ba người này. Mấy hôm sau, nhiều thân nhân của các tù binh mang tiền hoặc vàng bạc đến Medina để xin chuộc mạng cho các tù binh.

Sau khi nghe tin chồng là Abu-Alas bị bắt làm tù binh ở Medina, Zaynab (con gái của Muhammad) vội gom tiền bạc và nữ trang rồi đưa cho anh của chồng là Amir đến Medina nộp tiền chuộc (ransom) cho Muhammad để lãnh Abu-Alas về. Trong số nữ trang Amir giao nộp có cái vòng đeo tay của bà Khadija thường đeo lúc còn sống, trước khi chết bà đã trao lại cho Zaynab. Vừa nhìn thấy chiếc vòng đó, Muhammad nhận ra ngay đó là chiếc vòng đầy kỷ niệm của người vợ yêu quí nhất đời của ông. Ông xúc động bật khóc rồi trả lại hết mọi thứ cho Amir. Ông cho gọi Abu Alas đến để yêu cầu người con rễ phải đưa Zaynab và đứa cháu ngoại đến Medina sống với ông. Trong lúc này tại Medina chỉ còn lại cô gái út tên Fatimah, 20 tuổi, là người thân duy nhất sống gần ông mà thôi. Sau khi Abu Alas hứa thực hiện lời ông yêu cầu, y liền được thả tự do.

Chỉ vài tuần lễ sau trận đánh Badr, tại Medina diễn ra hai đám cưới linh đình:

- Đám cưới thứ nhất của Fatimah và Ali. Ali là con trai út của ông chú Abu Talib. Khi ông Talib qua đời thì Ali mới 5 tuổi, Muhammad đem về nuôi từ đó đến nay. Ali và Fatimah đã sống với nhau chung một nhà từ nhỏ đến lớn nên rất hiểu nhau.

- Đám cưới thứ hai là của chính Muhammad và cô Hafsah, 18 tuổi, con gái của bạn Muhammad là Umar.

Năm 625, Muhammad 55 tuổi, cô vợ bé bỏng mà Muhammad yêu quí nhất là Aisha - con gái út của Abu Bakr - năm nay vừa tròn 11 tuổi. Mặc dầu còn nhỏ xíu nhưng Aisha cũng biết ghen với các bà vợ khác của Muhammad. Tuy nhiên, trong đám cưới này, Aisha không ghen với Hafsah mặc dầu Hafsah rất đẹp. Cô bé Aisha tuy còn nhỏ nhưng rất thông minh. Cô bé hiểu rằng: Cha cô là Abu Bakr cũng như cha của Hafsah là Umar đều đã gã con gái để kết thân với Muhammad. Từ mấy năm nay, Abu Bakr và Umar đã là hai cộng sự viên quan trọng nhất của Muhammad. Vì cùng hiểu như vậy nên Aisha và Hafsah trở thành đôi bạn chí cốt cho đến chết. Quả nhiên về sau Abu Bakr và Umar đều trở thành những người kế vị Muhammad và đều là những người then chốt nắm vận mạng của Hồi Giáo trong thời sơ khai.

Sau những tổn thất nặng nề tại Badr, giới lãnh đạo Mecca quyết tâm tăng cường binh lực để tiêu diệt căn cứ địa Medina của Muhammad. Một mặt Mecca thu phục các bộ lạc Bedouin thiện chiến làm đồng minh. Mặt khác Mecca ngấm ngầm liên lạc với ba bộ lạc Do Thái ở Medina làm nội ứng.

Điểm yếu của Mecca là nhiều chiến sĩ tài giỏi đã chẳng may tử trận tại Badr, nay chỉ còn lại một người có khả năng chỉ huy quân sự là Abu Sufyan.

Abu Sufyan vô cùng căm thù Muhammad vì hai con trai của ông và cha vợ của ông đều bị tử trận ở Badr. Từ tháng 3 năm 625, Sufyan bắt đầu mở chiến dịch phục thù. Trong một đêm, Sufyan dẫn 200 quân đến bố trí bên ngoài thành Medina, sau đó ông một mình đột nhập vào thành liên lạc với bộ lạc Do Thái Bani Nadir. Ông được bộ lạc này cung cấp nhiều tin tức về quân số và hệ thống phòng thủ của Muhammad. Trước khi trời sáng, Sufyan bắt hai người Hồi Giáo đem ra ngoài thành chém đầu rồi nổi lửa đốt đồng lúa trước khi rút lui. Đến khi Muhammad hay tin, đem quân đuổi theo thì đoàn quân của Sufyan đã phi ngựa chạy xa.

Sau vụ này, Muhammad cho toán tình báo của ông đi điều tra. Kết quả tình báo cho biết bộ lạc Do Thái Bani Nadir đã thông đồng với Abu Sufyan. Bộ lạc này có khoảng một ngàn người chuyên nghề thợ rèn và thợ thủ công. Mấy hôm sau, nhân một vụ xích mích giữa một nhóm người Do Thái với một nhóm người Ả Rập Hồi Giáo, kết quả của vụ ẩu đả là một người Do Thái và một người Ả Rập bị tử thương.

Muhammad nhân cơ hội này đem quân bao vây khu vực của bộ lạc Bani Nadir. Sau hai tuần lễ bao vây, Muhammad không thấy các bộ lạc Do Thái khác có phản ứng gì và cũng không thấy quân Mecca tới cứu đồng minh của họ. Tù trưởng bộ lạc Do Thái Bani Nadir không hy vọng được tiếp cứu nên phải đầu hàng và xin Muhammad tha mạng. Muhammad ra lệnh toàn thể bộ lạc Bani Nadir phải rời khỏi Medina và chỉ được mang theo các động sản gọn nhẹ. Tất cả nhà cửa ruộng vườn đều bị tịch thu.

Sau khi bộ lạc Do Thái Bani Nadir bị đuổi ra khỏi Medina thì tại ốc đảo này vẫn còn lại hai bộ lạc Do Thái khác là bộ lạc Aws và bộ lạc Khasraj.

Ngày 11 tháng 3 năm 625, Mecca quyết định mở cuộc tấn công Medina. Tổng số quân huy động được lên tới 3000 người với 3000 lạc đà và 200 ngựa, tất cả được đặt dưới quyền chỉ huy của Abu Sufyan. Cuộc chuyển quân bằng lạc đà đi rất chậm nên mất mười ngày đoàn quân mới tới gần Medina.

Muhammad hay tin nên đem một ngàn quân đi nghênh chiến tại Uhud, cách Medina 20 dặm về phía nam. Ngày 23-3-625, quân hai bên đối diện nhau tại Uhud. Điều đặc biệt là đằng

sau đoàn quân của Sufyan còn có một đoàn quân phụ nữ gồm toàn những người có chồng, con trai hoặc cha bị tử trận ở Badr. Họ dàn hàng ngang phía sau các đoàn quân vừa đánh trống tambourines vừa ca hát để khích lệ tinh thần của các binh sĩ Mecca. Đoàn phụ nữ này được đặt dưới sự chỉ huy của bà Hind là vợ của Sufyan. Bà Hind thề trước đoàn quân là sẽ mổ bụng ăn gan của Hamzah, một quân sĩ của Muhammad bị nhận diện là người đã giết cha của bà Hind tại trận Badr.

Trong trận này, Muhammad và quân sĩ chỉ mãi lo đối phó với đoàn quân của Sufyan ở phía trước mặt mà không đề phòng ở phia sau lưng. Bất thần đoàn cung thủ của Sufyan đã núp sẵn ở những đụn cát phía sau tiến lên bắn như mưa vào đoàn quân Hồi Giáo. Sáu mươi lăm quân Hồi chết liền tại chỗ và hàng trăm người khác bị thương, trong đó có Muhammad. Vì Muhammad bị bất tỉnh nên quân Hồi lo rút lui để bảo vệ chủ tướng. Rất may là quân Mecca tuy đông gấp ba lần quân Hồi nhưng đã không truy kích. Quân Hồi phải để xác đồng đội ở lại chiến trường. Đoàn quân Mecca trả thù bằng cách cắt xẻo những xác chết của quân Hồi. Riêng xác của Hamzah bị quân Mecca mổ bụng moi gan để đưa cho vợ của Sufyan là bà Hind. Mụ này cắn một miếng ăn sống để thực hiện đúng với lời thề trước hàng quân trước đó.

Sau vụ thất trận bi thảm tại Uhud, tinh thần của cả cộng đồng Hồi Giáo (Umma) xuống thấp chưa từng thấy. Nhiều tín đồ trước đây đã nghe Muhammad thuyết giảng là Thiên Chúa đứng về phe của Hồi Giáo: "Hai mươi người đánh thắng hai trăm - Đó là đặc quyền Chúa ban cho các tín đồ của Ngài - Koran 8:17". Nay giáo chủ bị thương bất tỉnh, quân bị chết nhiều và đoàn quân Hồi chưa kịp đánh đã phải rút chạy. Nhiều tín đồ tỏ ý thất vọng và coi trận Uhud là một dấu hiệu cho thấy Thiên Chúa đã bỏ rơi tiên tri Muhammad.

Mấy hôm sau, Muhamamad phục hồi sức khỏe, ông viết vào kinh Koran mấy câu thơ nhắc nhở tín đồ: "Các tín đồ không nên coi thất bại ở trận Uhud là dấu hiệu của Thiên Chúa đã ruồng bỏ tiên tri của ngài, hãy coi đó là dịp để xem ai là tín đồ chân chính và ai không là chân chính - Koran 3:13, 3:152".

2. Harem của tiên tri tại Medina.-

Trận đánh Uhud ngày 23 tháng 3 năm 625 đã để lại chiến trường 65 xác người Hồi Giáo và tại Medina 65 người phụ nữ góa chồng. Vài tháng sau lại có thêm 50 người nữa bị quân Mecca phục kích giết chết. Kết quả là tại Medina đã có trên một trăm góa phụ. Đứng trước thảm cảnh này, Muhammad đã viết những câu thơ trong kinh Koran nhằm khuyến khích đàn ông Hồi Giáo lấy thêm vợ:

"Nếu thấy điều đó là tốt cho anh
Hãy lấy thêm hai, ba, bốn vợ".
(Marry such women as seem good to you
two, three or four - Koran 4:3)
"Hãy lấy những người đàn bà không có chồng
ở trong cộng đồng của các người".
(Marry the spouseless among you - Koran 24:33).

Khi viết những câu thơ có tính cách cổ vũ chế độ đa thê, Muhammad không hề nghĩ đến chuyện thỏa mãn dục tình một cách ích kỷ mà chỉ nghĩ đến một nhiệm vụ xã hội. Trong hoàn cảnh xã hội Ả Rập lúc đó các bà góa khó có thể sống một mình vì những người góa bụa cô đơn

thường hay bị các kẻ gian lạm dụng hoặc bắt nạt. Do đó, các góa phụ rất cần phải có người đàn ông giúp đỡ và che chở.

Kinh Koran đòi hỏi những người đàn ông có nhiều vợ phải dành cho mỗi người vợ một số lượng thời gian bằng nhau và phải đối xử công bình như nhau. Trước biến cố này, Muhammad chỉ có 3 người vợ là Saudah (29 tuổi) Aisha (11 tuổi) và Hafsah (18 tuổi). Để thực hiện điều ông vừa viết trong kinh Koran, Muhammad lấy bà vợ thứ tư là Zaynab Kuzaymah, vợ góa của một chiến sĩ mới tử trận trong tháng giêng năm 624 tại Badr. Vài tháng sau ông cưới bà vợ thứ năm là Salamah 29 tuổi, vợ góa của người em họ. Nàng rất thông minh và khá xinh đẹp, về sau nàng là một cố vấn đắc lực cho Muhammad về nhiều phương diện.

Đến lần cưới bà vợ thứ sáu, Muhammad gặp phải những điều tai tiếng dị nghị và một số chuyện phiền phức khác. Vào đầu năm 626, Muhammad đến thăm người con nuôi tên là Zayd mà ông đã nuôi từ lúc còn nhỏ ở Mecca. Vợ của Zayd từ trong nhà chạy ra mở cửa để đón khách. Vì thấy Muhammad đến thăm bất ngờ nên nàng vỗ tay reo mừng và tỏ ra rất hân hạnh được đón tiếp Muhammad.

Vợ của Zayd tên Zaynab Jahsh, 30 tuổi, có một nét đẹp đặc biệt là rất mặn mà duyên dáng. Hôm gặp nàng ra mở cửa đón chào, Muhammad bị choáng váng trước vẻ đẹp của nàng nên đã nói những lời khen ngợi khiến cho nàng cảm động. Sau đó Zaynab nói thẳng với chồng là nàng muốn ly dị để lấy Muhammad nếu Muhammad đồng ý cưới nàng. Zayd rất đau khổ về chuyện này nhưng vì sau đó bị vợ thúc ép nên Zayd đành phải đến gặp Muhammad để hỏi xem Muhammad có muốn lấy Zaynab làm vợ không. Muhammad trả lời đồng ý nên Zayd về làm thủ tục ly dị vợ.

Mấy bữa sau, một đám cưới linh đình được tổ chức, Zaynab Jahsh từ vị trí con dâu (nuôi) trở thành vợ của người cha nuôi chồng cũ.

Trong tiệc cưới có nhiều người đàn ông đến tham dự đã ở nán lại quá lâu để chiêm ngưỡng sắc đẹp mặn mà của cô dâu đặc biệt này. Muhammad muốn đuổi họ về nhưng lại không muốn làm mất lòng họ. Vì không thấy Muhammad nói gì nên những người đàn ông đó đã đến sát gần các bà vợ của Muhammad và nói chuyện một cách xàm sỡ. Muhammad thấy cần phải có biện pháp ngăn cách những người đàn ông đầy dục vọng này tách rời khỏi các bà vợ trẻ đẹp của ông. Muhammad đã viết những câu thơ để diễn đạt ý này như sau:

"Các tín đồ đừng nên vào nhà của Tiên Tri
để dùng bữa mà không để ý đến giờ giấc thích hợp
Trừ khi các người được Tiên Tri cho phép
Nếu các người được Tiên Tri mời thì cứ vào ăn
Nhưng khi ăn xong thì giải tán
Đừng nói chuyện quá nhiều làm phiền lòng Tiên Tri
Vì ngài rất ngượng phải đuổi các người đi
Nếu các người muốn hỏi những người vợ của Tiên Tri về bất cứ chuyện gì. Hãy nói chuyện với họ đằng sau tấm mạng che mặt. Điều này làm cho trái tim của các người và của các nàng được thanh khiết".

(Believers! do not enter the house of the Prophet
For a meal without waiting for the proper time
Unless you are given leave.

But if you are invited, enter.
When you have eaten, disperse.
Do not engage in familiar talk
For this would annoy the Prophet
And he would be ashamed to bid you go
If you ask his wives for anything, speak to them from behind a curtain (hijab) .This is more chaste for your hearts and their hearts - Koran 33: 53)

Mấy câu thơ trên đây rất nổi tiếng trong thế giới Hồi Giáo. Người ta gọi là "Những câu thơ của bức màn che" (The Verses of the curtain). Bức màn che đó chính là tấm mạng che mặt (veil) của phụ nữ Hồi Giáo, tiếng Ả Rập gọi là HIJAB. Thông thường thì tấm vải này có màu đen và đủ rộng để che kín đầu, tóc, phủ đến vai và che kín cả mặt, chỉ chừa khoảng trống nhỏ ở đôi mắt để người phụ nữ có thể nhìn đường. Cũng từ khi có mấy câu thơ đó xuất hiện, các bà vợ của Muhammad đều phải che mạng mỗi khi bước chân ra khỏi nhà hoặc khi tiếp chuyện với mọi người ngoài gia đình. Đó cũng là khuôn vàng thước ngọc về việc đeo mạng của phụ nữ trong thế giới Hồi Giáo sau này!

Đầu năm 627, Aisha 13 tuổi, nàng bắt đầu đến tuổi dậy thì nên bỗng nhiên trổ mã lớn vượt lên và đẹp hẳn ra. Muhammad yêu thích Aisha hơn tất cả các cô vợ khác nên đi đâu ông cũng mang theo Aisha. Thậm chí có một hôm Muhammad mang quân đi phục kích để chận đánh bộ lạc Do Thái Bani trên bờ biển Hồng Hải, ông cũng dẫn Aisha đi theo bên mình.

Sau trận tấn công vũ bão của Muhammad, bộ lạc Do Thái Bani bỏ chạy tán loạn, Lịch sử không nói tới số thương vong của họ là bao nhiêu, chỉ nói họ đã để lại chiến trường 2000 lạc đà, 5000 con cừu và 200 phụ nữ. Muhammad tuyển chọn một cô đẹp nhất tên là Juwayriah để lấy làm vợ. Số phụ nữ còn lại sẽ được trả tự do sau khi thân nhân của họ mang tiền đến chuộc.

Trên đường từ mặt trận trở về Medina, tại một nơi nghỉ chân, Aisha lẻn xuống khỏi kiệu trên lưng lạc đà để đi vệ sinh. Lúc trở lại chỗ cũ thì đoàn quân đã đi khỏi. Trong lúc nàng đang lo sợ thì có một thanh niên tên Safwan là lính hậu vệ của đoàn quân từ phía sau đi tới, Aisha vội lật cái mạng của nàng ra để Safwan nhận diện. Safwan không còn cách nào khác hơn là bế nàng lên lưng lạc đà của chàng để cả hai người cùng cưỡi về Medina.

Khi thấy Safwan và Aisha cùng ngồi trên lưng lạc đà về Medina một lúc sau khi cả đoàn quân đã trở về hết, mọi người ở Medina bắt đầu bàn tán về đức hạnh của Aisha. Muhammad tức giận nổi ghen và không muốn nhìn mặt Aisha nữa. Aisha quá đau khổ vì bị hiểu lầm nên sinh bệnh. Trong lúc đang đau khổ mà không thể giải bày thì Aisha nghe thấy Ali nói với Muhammad rằng: "Trên đời này thiếu gì đàn bà, cha có thể lấy người vợ khác tốt hơn". Câu nói của Ali như nhát dao đâm thấu tim của Aisha và sau này Aisha sẽ không tha thứ cho Ali.
(Ba mươi năm sau, khi Ali lên làm vua (Caliph) của Hồi Giáo thì Aisha lãnh đạo một cuộc cách mạng chống Ali).

Mấy hôm sau, Muhammad suy nghĩ lại và chợt hiểu ra rằng Aisha chỉ là một cô bé ngây thơ vô tội nên ông đã làm hòa với Aisha. Cha mẹ Aisha thấy vậy rất vui mừng nên khuyên Aisha cám ơn Muhammad. Aisha thẳng thắn trả lời: "Con không cám ơn ai hết, kể cả tiên tri Muhammad. Con chỉ cám ơn một người duy nhất là Thiên Chúa". Muhammad nghe vậy rất cảm

phục Aisha vì nàng tuy nhỏ nhưng đã tỏ ra là có bản lãnh vững vàng, có đức tin mạnh và không hề sợ hãi. Từ đó cho đến lúc chết, Muhammad không yêu ai hơn yêu Aisha.

Vì tình cảm thiên vị của Muhammad dành cho Aisha quá lộ liễu nên các cô vợ khác của Muhammad ghen tuông và khiếu nại, viện cớ kinh Koran dạy người chồng phải đối xử công bằng với các bà vợ. Từ đó ông phải theo thứ tự ngủ đêm tại mỗi phòng với một cô. Mỗi khi đi đâu, ông phải rút thăm để biết ai là người sẽ cùng đi với ông trong cuộc hành trình. Tuy nhiên, mỗi khi Muhammad đến đền thờ để giảng đạo thì chỉ có một người duy nhất luôn luôn ở bên cạnh ông là Aisha. Ông nói với mọi người rằng Aisha cũng có ơn mặc khải của Thiên Chúa giống như ông. Một hôm cô con gái cưng của Muhammad là Fatimah khuyên cha không nên quá gần gũi với Aisha. Muhammad hỏi lại: "Chẳng lẽ con không yêu người cha yêu quí nhất hay sao?".

Sau khi Muhammad qua đời, Aisha trở thành người quan trọng nhất về giáo lý và luật pháp của Hồi Giáo.

3. Vụ thảm sát 700 người Do Thái tại Medina.-

Tháng 3 năm 627, Mecca huy động 10.000 quân với dự tính phá tan căn cứ địa Medina của Muhammad. Trong khi đó, Muhammad cũng đã chuẩn bị đối phó bằng cách mua chuộc một số quân thiện chiến của bộ lạc Bedouin. Nhờ đó quân số chiến đấu của Muhammad đã lên tới 3000 người. Điểm lợi nhất cho Muhammad là căn cứ địa Medina được thiên nhiên bảo vệ ba phía bằng những sườn núi nham thạch rất dốc. Chỉ còn một phía duy nhất trống trải là phia bắc của ốc đảo mà thôi.

Vì biết trước việc Mecca sắp tấn công nên Muhammad ra lệnh cho các tín đồ gặt lúa và tích trữ lương thực. Sau đó ông huy động toàn dân ở Medina đào một cái hào thật sâu suốt dọc phía bắc của ốc đảo. Số đất đào được đắp thành lũy cao. Đây là một phương cách phòng thủ chưa từng thấy ở Ả Rập. Sáng kiến này do một tín đồ Hồi Giáo gốc Ba Tư là Salman đưa ra. Hào sâu sẽ chận đứng bước tiến của các đoàn kỵ binh của địch vì ngựa không thể nhảy qua để tiến vào ốc đảo. Lũy cao sẽ là cái lá chắn hữu hiệu các loạt tên của địch, trái lại, quân Hồi Giáo có núp sau lũy để bất thần bắn ra những loạt tên để diệt địch.

Ngày 31-3 năm 627, mười ngàn quân Mecca kéo tới Medina. Khi đến trước cửa ngõ phia bắc của ốc đảo, các đoàn quân của Mecca đều phải khựng lại vì ngựa cũng như người đều không thể vượt qua hào sâu lũy cao. Trong khi đó, quân của Muhammad núp trên lũy cao bắn tên xuống như mưa gây nhiều thương vong cho quân Mecca. Quân Mecca không còn cách nào khác hơn là rút ra xa khỏi tầm tên bắn để đóng quân bao vây. Sau 3 tuần lễ bao vây, quân Mecca bị cạn hết lương thực và nước uống. Người, ngựa và lạc đà đều bị đói và khát nên không thể ở lại lâu hơn, cuối cùng cả đoàn quân 10.000 người đành phải âm thầm rút lui.

Trước khi có vụ tấn công của Mecca, tin tình báo đã cho Muhammad biết về những âm mưu của bộ lạc Do Thái Aws làm nội ứng cho Mecca để chống lại Hồi Giáo. Sau khi đoàn quân của Mecca đã rút hết, Muhammad quyết định phải tiêu diệt bộ lạc Aws để trừ hậu hoạn. Ông ra lệnh cho các tín đồ đào một cái hố lớn tại chợ Medina. Sau đó ông trực tiếp chỉ huy cuộc bao vây khu vực của bộ lạc Aws để bắt hết mọi người đàn ông của bộ lạc này. Chỉ có một số rất ít người Do Thái được các tín đồ Hồi Giáo xin với Muhammad cho tha mạng, số còn lại khoảng

700 người đàn ông Do Thái bị trói từng người và bị đưa ra cái hố lớn ở giữa chợ Medina để chém đầu. Sau đó, các xác chết được xô xuống hố lấp lại thành một nấm mồ tập thể.

Trong vụ thảm sát này có một người đàn bà duy nhất bị chém đầu. Đó là người đàn bà Do Thái bị người Hồi Giáo tố cáo là đã lợi dụng lúc quân Mecca bao vây Medina để ném đá vào người Hồi Giáo.

Về sau, Aisha đã kể chuyện về người đàn bà Do Thái này như sau: "Bà ta đến nói chuyện với tôi trong khi Muhammad đang tàn sát người Do Thái ở chợ Medina. Rồi đột nhiên người ta đến bắt bà ấy. Tôi ngạc nhiên hỏi: "Có chuyện gì xảy ra cho bà vậy?" Bà ta bình tĩnh trả lời: "Người ta đem tôi đi chém đầu". Tôi liền hỏi: "Về tội gì?". Bà ta đáp: "Về một việc mà tôi đã làm". Liền sau đó bà ta bị chặt đầu tại chợ. Aisha kể tiếp: "Tôi sẽ không bao giờ quên được người đàn bà Do Thái can đảm phi thường - Bà ta vẫn cười trong lúc bị lôi đến pháp trường để chém đầu". Vợ con của 700 người bị chém đầu đều bị trói đem đi bán ở các chợ nô lệ.

(*Muhammad, a biography of the prophet, by Karen Amstrong - Chapter 8, 164-210)*.

GIAI ĐOẠN SAU (627-632) TẠI MEDINA

Sau năm năm đầu chiếm cứ Medina (622-627), Muhammad và cộng đồng Hồi Giáo đã gây ra nhiều cuộc đột kích đẫm máu để tấn công các đoàn thương buôn của Mecca nhằm mục đích cướp ngựa, lạc đà, vũ khí, tiền bạc và đủ loại hàng hóa vừa để sống còn tại ốc đảo Medina vừa để tăng cường lực lượng quân sự. Sau vụ trục xuất bộ lạc Do Thái Bani và vụ tàn sát bộ lạc Do Thái Aws, danh tiếng của Muhammad được loan đi khắp vùng và ai cũng phải nể sợ. Các bộ lạc Bedouin trước đây là đồng minh với Mecca, nay sợ sẽ bị Muhammad trả thù nên tuyên bố không liên kết với Mecca nữa.

Trong tình hình thuận lợi hiện tại, Muhammad quyết định: Trước hết thống nhất tất cả các bộ lạc Ả Rập thành một quốc gia. Bộ lạc nào tách rời sẽ bị trừng phạt. Sau đó sẽ chiếm thành phố Becca làm thủ đô phát triển đạo Hồi.

Tuy chưa phải là một quốc vương nhưng Muhammad đã viết thư và sửa soạn những món quà quí giá rồi cử nhiều phái đoàn đến yết kiến các hoàng đế của đế quốc Byzantine và đế quốc Ba Tư, các vua Ai Cập và Ethiopia.

Sau đó ông gửi thư đến các bộ lạc Ả Rập, không phân biệt họ theo tôn giáo nào. Trong thư ông nhấn mạnh: "Đạo Do Thái là đạo của con cháu Jacob, đạo Hồi là đạo của con cháu Ismael. Kinh Thánh Cựu Ước bằng tiếng Hebrew của Do Thái, Tân Ước bằng tiếng Hy Lạp của Ki Tô Giáo, Kinh Koran bằng tiếng Arabic là Kinh Thánh của người Ả Rập". Ông không yêu cầu mọi người theo đạo Hồi nhưng yêu cầu tất cả các bộ lạc Ả Rập gia nhập "Cộng Đồng Ả Rập", tương tự như "umma" ở Medina. Sau thư mời nói trên, nhiều bộ lạc Ả Rập xin gia nhập "umma", đặc biệt là các bộ lạc Bedouine. Chỉ còn lại 3 bộ lạc không chiu gia nhập là các bộ lạc Asad, Thalabah và Sad. Từ cuối năm 627 đến cuối năm 628, Muhammad mang quân đi tấn công để trừng phạt 3 bộ lạc nói trên.

Cũng trong thời gian này, Muhammad mở những cuộc tấn công các đoàn thương mại Mecca với chủ đích phá vỡ hoàn toàn thế độc quyền thương mại của thành phố này với các xứ phương Bắc. Để chính thức cạnh tranh với Mecca, Muhammad lập các đoàn lữ hành tải hàng

từ Medina đi bán ở Syria và Ba Tư, sau đó mua các hàng quí hiếm của ngoại quốc đem về Medina để biến ốc đảo này trở nên một thành phố sầm uất.

Trong một vụ phục kích cướp hàng của Mecca, không ngờ chuyến hàng đó là của Abu Alas, con rễ của Muhammad. Trước đây, Abu Alas không chiu theo đạo Hồi nên vẫn ở lại Mecca và không theo vợ con đến Medina. Sau vụ bị cướp hết hàng này, Abu Alas buộc lòng phải đến Medina gặp vợ là Zaynab nhờ can thiệp. Zaynab đến gặp cha để xin lại số hàng cho chồng. Muhammad đồng ý với điều kiện Abu Alas phải về ở hẳn tại Medina đoàn tụ với vợ con. Sau đó Abu Alas được trả toàn bộ số hàng hóa đưa về Mecca bán rồi trở lại Medina theo đạo Hồi để được sống yên ổn với vợ con.

Đầu năm 628, nhân dịp tháng ba là tháng hành hương đền thờ Kaaba tại Mecca theo tục lệ cổ truyền của các dân tộc Ả Rập. Muhammad báo trước cho Mecca biết ông sẽ hướng dẫn 1000 tín đồ đến hành hương tại đền thờ Kaaba và không mang theo vũ khí, chỉ đem theo 70 con lạc đà để làm lễ hy sinh (animal sacrifice) mà thôi. Mặc dầu tuyên bố không mang theo vũ khí nhưng tất cả mọi tín đồ của Muhammad đều dấu trong áo choàng những đoản kiếm và dao găm đề phòng bất trắc.

Khi đoàn người của Muhammad đến gần Mecca thì bị viên chức cao cấp của thành phố là Khalid dẫn 200 kỵ binh ra ngăn chặn không cho vào thành phố. Muhammad cảnh cáo Khalid không nên tấn công đoàn người của ông, nếu tấn công sẽ bị đánh trả đích đáng. Khalid đành nhượng bộ và để cho đoàn người của Muhammad tự do đến đền thờ Kaaba.

Đầu năm 629, một số bộ lạc Do Thái ở những ốc đảo phía Bắc Medina tỏ ra thù ghét Muhammad. Muhammad quyết định mang 600 quân đến bao vây thị trấn ở gần nhất là Khaybar. Thị trấn này được bảo vệ bởi một hệ thống thành lũy và 7 pháo đài. Trước hết, Muhammad để quân bao vây thị trấn này trong một tháng. Sau đó quân Hồi bất thần tấn công và triệt hạ từng pháo đài một. Cuối cùng mọi bộ lạc Do Thái ở đây xin đầu hàng, nộp một nửa các huê lợi chà là ngũ cốc và xin được làm chư hầu của Medina.

Những bộ lạc Do Thái ở kế cận Khaybar đều xin ký hòa ước thần phục Muhammad. Một tù trưởng Do Thái ở thị trấn Fadak tên là Huyay muốn cầu thân với Muhammad nên đã gả cho Muhammad cô con gái út 17 tuổi rất đẹp tên là Safyah.

Cũng trong thời gian này, người anh họ của Muhammad qua đời, Muhammad lấy vợ của anh ta tên là Ramlah. Do những cuộc hôn nhân xảy ra dồn dập sau này nên harem của Muhammad đã trở nên khá đông. Các bà vợ của Muhammad chia thành hai phe. Phe trẻ gồm có Aisha 15 tuổi, Hafsah 17 tuổi và Safyah 17 tuổi tạo thành bộ ba (The Trio) tách rời và chống lại các "bà già" của Muhammad!

Tháng 3 năm 629, Muhammad tổ chức cuộc hành hương đền thờ Kaaba với 2600 người tham dự. Lần này đến Mecca, đoàn người của Muhammad không gặp một sự cản trở nào cả. Nhân dịp này, Muhammad tình cờ gặp lại người chú họ tên là Abbas cùng đi hành hương với cô em gái rất đẹp tên là Maymunah. Muhammad xin cưới người cô họ này và tổ chức đám cưới ngay tại Mecca. Lợi dụng tiệc cưới làm cơ hội giải hòa, Muhammad mời tất cả các kẻ thù của ông tại Mecca đến dự tiệc cưới. Không ngờ người chỉ huy quân sự cao cấp nhất ở Mecca là Khalid nhận lời mời đến dự tiệc cưới của Muhammad. Sau tiệc cưới, Khalid tự nguyện xin theo đạo Hồi. Đây là thành công bất ngờ và hết sức lớn lao của Muhammad.

Khi phái đoàn 2600 người vào làm lễ tại đền thờ Kaaba, Bilal là người da đen đầu tiên theo đạo Hồi đã leo lên nóc đền thờ Kaaba kêu gọi mọi người cầu nguyện ba lần một ngày.

Đến đêm cuối cùng của chương trình hành hương, toàn thể 2600 người lặng lẽ rút êm ra khỏi thành phố mà không ai hay biết. Muhammad cố ý thực hiện điều này để cho dân Mecca biết rằng Cộng Đồng Hồi Giáo là một tập thể gắn bó với nhau bằng đức tin, có tổ chức chu đáo với tinh thần kỷ luật rất cao.

Khalid đi theo Muhammad về Medina. Trước đây Khalid là vị tướng chỉ huy quân Mecca đối đầu với Muhammad tại các trận Uhud và trận Trench (hào lũy). Muhammad hết sức vui mừng đón nhận Khalid. Từ đó Khalid trở thành một trong những dũng tướng của Muhammad tại Medina.

Cuối năm 629, Muhammad làm một cuộc mạo hiểm đầy tham vọng là đánh chiếm xứ Syria. Ông sai Khalid, Zayd và Jafar dẫn 3000 quân tinh nhuệ và vũ trang hùng hậu đi thử thời vận. Khi tới biên giới Syria, quân thám báo của Khalid cho biết đế quốc Byzantine có 10.000 quân tại đây. Khalid không dám đối đầu nên đành rút quân về Jordan dừng chân. Đế quốc Byzantine cho rằng quân Hồi đã dám vô cớ kéo đến khiêu khích nên cho quân truy kích đến tận Jordan. Sau một trận đánh không cân sức, quân Hồi bị giết rất nhiều, trong số đó có Zayd (con nuôi của Muhammad) và Jafar. Khalid dẫn đám tàn quân trở lại Medina. Muhammad rất đau buồn vì đã tính sai nước cờ. Trong thời gian đó có một chuyện vui cho riêng Muhammad. Vua Muquaquis của Ai Cập gửi tặng cho Muhammad một cô gái nô lệ gốc Ai Cập rất đẹp tên là Myriam. Cô này theo đạo Ki Tô Chính Thống (Coptic Christian) Muhammad say mê sắc đẹp của Myriam đến nỗi ông bỏ bê tất cả các cô khác. Do vậy mà cơn sóng gió trong harem nổi lên. Ít lâu sau, Myriam mang bầu và sinh ra một đứa bé trai kháu khỉnh. Muhammad đặt tên là Ibrahim (tức Abraham). Ngoài Myriam ra không có một cô nào trong harem sinh con cho Muhammad nên ông càng say mê Myriam hơn nữa.

Aisha, Hafsa và Safyah tổ chức một cuộc nổi loạn trong harem. Mũi dùi tấn công chĩa vào Myriam. Cuộc chiến tranh giữa những người vợ khiến cho Muhammad chịu không nổi nên ông đành phải ngủ đêm tại sàn nhà của đền thờ. Sau đó ông cất một căn gác nhỏ gần nơi đền thờ để mỗi đêm leo lên đó nằm chèo queo một mình. Ông cảm thấy có nhiều vợ cũng chẳng vui sướng gì và ông muốn xa rời tất cả các bà vợ trẻ đẹp của mình. Tuy nhiên, ông cũng không muốn các bà vợ của ông rơi vào tay kẻ khác sau khi ông qua đời. Do đó, ông viết vào kinh Koran mấy vần thơ để qui định hai điều sau đây:

1. Hãy gọi các bà vợ của tiên tri là "các bà mẹ của các tín đồ" (Mothers of the faithful).

2. Sau khi tiên tri qua đời, các bà vợ của Ngài không được lấy chồng khác.

(The Prophet has a greater claim on the faithful than they have on themselves and his wives are their mothers - Koran 33: 6 / Nor that you should marry his wives after him ever, surely this is grievous in the sight of Allah - Koran 33: 53).

Nhân dịp mùa chay Ramadan trong tháng giêng năm 630, Muhammad tổ chức một cuộc hành hương vĩ đại tại Mecca với sự tham dự của 10.000 tín đồ có võ trang.

Muhammad báo trước cho Mecca biết điều đó. Lãnh đạo tối cao của Mecca lúc đó là Abu Sufyan tự xét không đủ sức chống lại Muhammad nên khuyên mọi người không chống cự. Chỉ có ba tù trưởng của ba bộ lạc Ả Rập thù ghét Muhammad quyết tâm chống lại. Khi đoàn quân hành hương của Muhammad đến cổng thành Mecca thì ba tù trưởng Ikrimah, Swafan và Suhayl mang quân ra nghênh chiến. Nhưng chỉ trong khoảnh khắc, đoàn quân Hồi Giáo dưới sự chỉ huy của Khalib đã dẹp tan đoàn quân của các bộ lạc thù địch. Các tù trưởng Ikrimah và

Safwan bỏ trốn. Tù trưởng Suhayl đầu hàng. Đoàn quân 10.000 người của Muhammad tràn vào chiếm thành phố Mecca không tốn một giọt máu.

Muhammad căng lều sát cạnh đền thờ Kaaba để làm chỗ trú ngụ cho ông cùng với hai người vợ. Ngoài ra còn có Fatimah là con gái út của ông và chồng là Ali.

Sau khi tất cả mọi người đều tắm rửa sạch sẽ, Muhammad cùng với 10.000 chiến sĩ đi vòng quanh đền thờ Kaaba 7 vòng. Bảy vòng này tượng trưng cho 7 tầng của Thiên Đàng. Trong đền thờ có Tảng Đá Đen linh thiêng, cứ đi một vòng thì Muhammad chạm tay vào hòn đá đen một lần. Mỗi lần chạm tay vào hòn đá đen như vậy, Muhammad kêu to lên: "Al-lah Akbar" (Vinh Danh Thiên Chúa). Mười ngàn tín đồ hô theo vang dội như lời reo mừng chào đón chiến thắng cuối cùng của đạo Hồi trên thành phố Mecca.

Sau khi đi hết 7 vòng quanh đền thờ Kaaba, Muhammad và tùy tùng leo lên nóc đền thờ đập nát 360 tượng thần. Bên trong đền thờ có một số tranh vẽ trên tường cũng bị phá hủy, ngoại trừ những bức tranh vẽ hình Chúa Jesus được giữ lại mà thôi. Những bức hình Chúa Jesus có thể đã được những người Ki Tô Giáo vẽ trong đền thờ dưới thời vương quốc Abyssinia cai trị bán đảo Ả Rập từ 525 đến 570.

Sau khi chiếm Mecca bằng một phương cách hòa bình, Muhammad ban hành lệnh ân xá cho tất cả mọi người đã chống Hồi Giáo, ngoại trừ 10 người có nợ máu quá nặng, trong số đó có mụ Hind (vợ của Sufyan) đã từng mổ bụng ăn gan Hamzah (một chiến sĩ Hồi Giáo bị tử thương ở Uhud).

Khi mụ Hind bị bắt đưa đến trình diện Muhammad, mụ đã khôn khéo thưa rằng: "Kính thưa tiên tri, ngài là sứ giả của Thiên Chúa, bây giờ ngài không thể lên án phạt tôi vì tôi đã tuyên xưng đức tin Hồi Giáo". Muhammad tươi cười trả lời: "Tất nhiên là mụ đã được trả tự do".

Muhammad đã tha tội chết cho mụ Hind một phần vì mụ đã nhận theo Hồi, nhưng phần quan trọng hơn là vì chồng của mụ (Abu Sufyan) đã có công lớn trong việc thuyết phục thành phố Mecca không chống cự Muhammad nên ông mới có thể chiếm Mecca một cách dễ dàng như vậy. Muhammad đã thưởng công rất lớn cho kẻ thù cũ là Abu Sufyan bằng cách giao cho y và gia đình nắm giữ các chức vụ quan trọng của thành phố Mecca. Sau này con cháu của Sufyan đã lập nên triều đại Ummayad, đóng đô tại Damacus (Syria) và truyền ngôi qua 14 đời vua.

Một nhân vật khác bị Muhammad thù ghét và lên án tử hình là Abdallah, anh nuôi của Uthman. Khi biết mình có tên trong sổ đen của Muhammad, Abdallah đã đến nhờ Uthman can thiệp xin tha mạng. Uthman là người thân tín của Muhammad đã dẫn Abdallah đến gặp chủ tướng. Muhammad chẳng những tha mạng mà còn tin dùng Abdallah. Về sau, Abdallah trở thành một nhân vật quan trọng trong Hồi Giáo.

Sau khi chiếm thành phố Mecca vào tháng giêng năm 630, Muhammad sáp nhập quân của thành phố này với quân của Medina để thành lập một đạo quân Hồi Giáo lên tới 30.000 người. Tháng 10 năm 630, Muhammad cùng Abu Sufyan dẫn đoàn quân này đến thành phố Tabuk, cách Medina 250 dặm về phía bắc. Muhammad cho quân nghỉ dưỡng sức 10 ngày tại thành phố này. Sau đó, Muhammad và Sufyan xua quân tấn công một tiểu quốc của đế quốc Byzantine. Vua của tiểu quốc này là Yuhunna xin đầu hàng và xin thần phục Muhammad. Các cộng đồng Ả Rập và Do Thái tại Jarba và Adruh (tức xứ Jordan ngày nay), đều xin làm chư hầu của Muhammad.

Tháng giêng năm 631, tất cả các bộ lạc trên bán đảo Ả Rập bao la (gấp 8 lần diện tích Việt Nam) đều được đặt dưới sự cai trị của Muhammad.

Đến đầu năm 632, nhiều chiến sĩ Hồi Giáo cảm thấy mỏi mệt vì những cuộc chinh chiến liên miên trong nhiều năm qua. Muhammad cổ võ tinh thần mọi người với lý luận cho rằng những cuộc chinh chiến đó cốt để thực hiện Ý Chúa (God's Will). Việc thực hiện ý Chúa trong lịch sử loài người không bao giờ ngừng nên người Hồi Giáo phải luôn luôn tiếp tục chiến đấu.

Cuộc chiến đấu để truyền đạo lúc đầu luôn luôn bằng phương tiện quân sự và chính trị để dẫn đến sự phục tòng tôn giáo. Hồi Giáo có nghĩa là phục tòng (Islam means submission). Khi Hồi Giáo toàn trị trên một xã hội phục tòng tôn giáo thì đó là một xã hội hòa bình, nói đúng hơn là Hòa Bình Hồi Giáo (Pax Islamica). Muhammad chú ý thực hiện cuộc chiến đấu trên cả hai mặt: quân sự và tôn giáo.

Về quân sự, Muhammad trông cậy vào Abu Sufyan và Khalid. Về tôn giáo, Muhammad chú trọng thuyết giảng cho bốn người chủ yếu là Abu Bakr, Umar, Uthman và Ali. Trong bốn người này, Muhammad yêu thương nhất Ali vì Ali là con út của ông chú Abu Talib đã nuôi Muhammad từ nhỏ đến lớn. Cũng vì yêu thương Ali nên ông đã gả con gái út là Fatimah cho Ali. Vợ chồng Ali có hai đứa con trai tên là Hassan và Husayn. Muhammad cũng rất yêu thương hai đứa cháu ngoại này. Ông thường làm ngựa cho hai đứa cháu cưỡi trên lưng chạy khắp nhà. Sau này, hai đứa cháu ngoại của Muhammad bị phe Hồi Giáo Sunni giết chết và trở thành hai vị đại thánh tử đạo của giáo phái Shiite. Người Chàm ở Việt Nam theo đạo Hồi có nơi thờ Ali và đọc kinh cầu nguyện xưng tụng Ali là con của Thiên Chúa (Son of God).

Đầu năm 632, đứa con trai út của Muhammad với cô gái Ai Cập Myriam bị bệnh chết. Muhammad khóc lóc thảm thiết. Ông cũng linh cảm sắp chết nên nói với mọi người: "Tôi sắp đoàn tụ với đứa con trai yêu quí của tôi". Cuối tháng 2 năm 632, Muhammad yêu cầu mọi người cùng các bà vợ đưa ông đến viếng đền thờ Kaaba ở Mecca lần cuối cùng.

Sau khi viếng Kaaba, ông yêu cầu mọi người đưa ông lên núi Arafat. Tại đây ông giảng bài giảng giã từ (Farewell Sermon) nhấn mạnh: Mọi tín đồ Hồi Giáo là anh em (Muslims are brethen).

Sau đó, Muhammad được đưa trở về Medina. Từ đó ông bị chứng đau đầu liên miên. Chứng đau đầu có thể do hậu quả của lần ông bị thương nơi đầu trong trận Uhud trước đây. Các bà vợ đều lo lắng chăm sóc Muhammad nhưng ông yêu cầu đưa ông về phòng của Aisha. Lúc này Aisha vừa tròn 18 tuổi. Nàng đặt ông gối đầu lên đùi của nàng và nàng yêu cầu cha ruột là Abu Bakr đọc kinh cầu nguyện cho tiên tri.

Ngày 18 tháng 6 năm 632, Muhammad trút hơi thở cuối cùng trong vòng tay của Aisha.

Khi hay tin Muhammad qua đời, nhiều phụ nữ tại Medina than khóc thảm thiết, nhiều người khác hướng mặt về đền thờ cầu nguyện.

Trước khi Muhammad qua đời, ông không hề dự liệu cắt cử người kế nhiệm. Nay sự việc ông mất xảy ra quá đột ngột đã khiến cho cả cộng đồng lúng túng không biết phải bầu chọn ai. Ali là người thân của Muhammad nhưng vì quá trẻ nên không được bầu. Abu Badr lớn tuổi và có uy tín nhất đã được cộng đồng bầu lên làm người đầu tiên kế vị Muhammad. Abu Badr được coi như là vị giáo chủ giáo phái Sunni (Đa Số) của Hồi Giáo.

Charlie Nguyễn

SÁU TRỤ CỘT CỦA ĐỨC TIN HỒI GIÁO

Các sách viết về giáo lý Hồi Giáo đều đồng nhất tóm lược tất cả các tín-điều căn-bản (fundamental beliefs) thành 6 điều chính yếu được gọi là "SÁU TRỤ CỘT CỦA ĐỨC TIN" (The Six Pillars of Faith):

1. Tin có một Thiên Chúa Duy Nhất (The Only God).
2. Tin có các Thiên Thần và Ma Quỉ
3. Tin các sách Mặc Khải (Books of Revelation)
4. Tin các vị Thiên Sứ (Messengers/Prophets)
5. Tin có ngày tận thế, xác kẻ chết sống lại, mọi người sẽ được Thiên Chúa xét xử trong Ngày Phán Xét Cuối Cùng.
6. Mọi việc do Thiên Chúa tiền định, nhưng mọi người đều có ý chí tự do.

TÍN ĐIỀU 1: TIN CÓ MỘT THIÊN CHÚA DUY NHẤT

Điểm đặc biệt trong quan niệm về Thiên Chúa của đạo Hồi là luôn luôn nhấn mạnh đến đặc tính duy nhất tuyệt đối của Thiên Chúa (the absolute Oneness of God). Đạo Hồi hoàn toàn phủ nhận các huyền thoại về "Con của Thiên Chúa" hoặc "Ngôi Hai Thiên Chúa xuống thế làm người". Kinh Koran ghi như sau: "Thiên Chúa không chọn ai làm con và không chọn một đồng sự nào trong thẩm quyền tuyệt đối của Ngài".

(God had chosen no son, nor had He any partner in the absolute sovereignty - Koran 25: 2).

Căn cứ vào kinh Koran, giáo lý của giáo phái Sunni đã giảng rộng thêm như sau: "Thiên Chúa là Một, không có một ai tương đương với Ngài, Thiên Chúa không có khởi đầu và không có kết thúc. Ngài là thường hằng vĩnh cửu. Ngài vừa là Alpha vừa là Omega - chữ đầu và chữ cuối trong mẫu tự Hy Lạp - Ngài vừa ẩn vừa hiện. Ngài có thật và muôn đời".

(Allah is One, without any like him, having no equal, having no beginning, having no end. Ever - existing. He is both Alpha and Omega. The Manifest and the Hidden. He is real and eternal).

Đạo Hồi phủ nhận con người là hình ảnh của Thiên Chúa vì Thiên Chúa là đấng vô hình, không có thân thể (God is not a formed body). Ngài chẳng bao giờ xuống thế làm người và vì là vô hình nên chẳng có ai ngồi ở bên tả hay bên hữu của Ngài.

"Thiên Chúa là đấng chỉ có Một ngôi duy nhất (không bao giờ có ba ngôi) Ngài không sinh Chúa Con và cũng không do ai sinh ra. Chẳng một ai giống Thiên Chúa cả."
(Allah is One. He begets not, nor is He begotten. And none is like Him - Koran 112: 1-4)

Đạo Hồi quan niệm Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa đã sáng tạo vũ trụ theo đúng quan niệm của đạo Do Thái và Ki Tô trong sách Sáng Thế Ký (Genesis). Kinh Koran nhắc lại những điều đó như sau:

"Thiên Chúa dựng nên bầu trời và mặt đất trong sáu ngày và rồi Ngài ngự trên ngai của Ngài. Ngài kéo màn đêm phủ lên ban ngày và ngày đêm cứ nối tiếp nhau không ngừng. Sau đó Ngài dựng lên mặt trời, mặt trăng và những vì sao". (Allah created the heavens and the earth in six days then He descended his throne - He throws the veil of night over the day which it pursues incessantly and then He created the sun and the moon and the stars - Koran 7: 54).

Đạo Hồi, cũng như đạo Do Thái và đạo Ki Tô, đều tin tưởng Thiên Chúa đã tạo dựng nên tổ tiên của loài người là Adam và Evà từ một cục đất sét:

"*Ta đã dựng nên con người từ đất sét khô và ta thở vào nó tinh thần của Ta*". (We created man from dry clay and breathed of My Spirit into him - Koran 15: 23).

Trong kinh Koran (chương 2 và chương 20) thuật lại chuyện Adam và Evà ăn trái cấm giống như trong sách Sáng Thế Ký của đạo Do Thái. Nhưng Hồi Giáo cũng như Do Thái Giáo đều không tin hành động ăn trái cấm của Adam - Evà cấu thành "Tội Tổ Tông" đến nỗi Con của Chúa Trời phải đầu thai làm người và chịu chết trên thập giá để chuộc cái tội đó! Huyền thoại về Tội Tổ Tông (The Original Sin) là sản phẩm tưởng tượng của tên đạo khùng Augustine (354-450) gốc Algeria. Tên đạo khùng Augustine được coi là kẻ lập ra đạo Ki Tô đứng hàng thứ hai sau Phao lô.

Tóm lại, ý niệm về Thiên Chúa của đạo Hồi hoàn toàn đồng nhất với ý niệm của đạo Do Thái. Cả hai đạo độc thần này kịch liệt chống lại ý niệm Ba Ngôi Thiên Chúa và lề thói tôn thờ ảnh tượng của đạo Ki Tô (Công Giáo và Chính Thống).

TÍN ĐIỀU 2: TIN CÓ CÁC THIÊN THẦN VÀ MA QUỈ

Niềm tin vào các Thiên thần, nhất là các Thiên thần hộ mạng, là niềm tin chung của các đạo Thiên Chúa. Theo các nhà nghiên cứu tôn giáo thì hiện nay có tới 70% dân Mỹ tin có Thiên thần. Nói chung, người ta cho rằng Thiên thần là những sinh vật linh thiêng (spiritual beings) có nhiệm vụ làm trung gian giữa Thiên Chúa và loài người. Vì vậy Thiên thần cũng được coi là Thiên sứ (messengers of God).

Ý niệm về Thiên thần đã có từ trên 4000 năm qua. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy tại thành phố UR ở Babylon một phiến đá có khắc hình nổi một người đàn ông có hai cánh. Hình này được xác định thuộc niên đại 2300 năm TCN. Tuy nhiên, ý niệm về Thiên thần của Babylon đã không đi vào Kinh Thánh Do Thái.

Các nhà tôn-giáo-học chuyên nghiên cứu về Thiên thần cho rằng ý niệm Thiên thần phát xuất từ Hỏa Giáo Ba Tư (Zoroastrianism). Hỏa Giáo được sáng lập bởi một triết gia Ba Tư

tên là Zoroaster vào khoảng thế kỷ 12 TCN. Hỏa giáo trở thành quốc giáo của đế quốc Ba Tư từ thế kỷ 10 TCN đến thế kỷ 7 sau Công Nguyên. Vào năm 579 TCN, đế quốc Ba Tư chiếm Babylon (tức Iraq ngày nay), đến năm 539, Ba Tư chiếm Do Thái và cai trị vùng này nhiều thế kỷ. Do đó, đạo Do Thái đã du nhập các ý niệm về Thiên thần của Hỏa Giáo từ thời gian này.

Các sách Kinh Thánh Cựu Ước của Do Thái có trước thời gian này đều không nói gì đến các Thiên thần.

Ki Tô Giáo du nhập ý niệm Thiên thần của Hỏa Giáo Ba Tư qua sách Kinh Thánh Cựu Ước của đạo Do Thái. Tuy nhiên, Ki Tô Giáo đã khai thác ý niệm Thiên thần nhiều hơn đạo Do Thái.

Đối với Ki Tô Giáo, Thiên thần Gabriel trở thành một Thiên thần chuyên về việc đi thông báo các mệnh lệnh của Thiên Chúa. Chẳng hạn Gabriel báo tin cho bà Maria về việc bà thụ thai để sinh ra Jesus hoặc báo tin cho Joseph phải trốn sang Ai Cập v.v... Thiên thần Micae được Công Giáo La Mã khắc họa như một tên lính La Mã tay cầm cái giáo dài đâm vào đầu một con rắn mà ông ta đạp dưới chân. Dưới thời Ngô Đình Diệm làm tổng thống VNCH, Thiên thần Micae (Micheal/ Saint Michel) được Diệm chọn làm thánh tổ của binh chủng nhảy dù. Con rắn ở dưới chân của thiên thần Micae được giải thích là biểu tượng của chủ nghĩa "Cộng Sản vô thần" . Trong thực tế, binh chủng nhảy dù đã là lực lượng chủ yếu làm cuộc đảo chánh chống Diệm năm 1960 và lật đổ chế độ Diệm năm 1963. Con rắn dưới chân Thiên thần Micae trong thực tế là biểu tượng của chính chế độ Công Giáo Ngô Đình Diệm!

Ý niệm về các Thiên thần của Hỏa giáo Ba Tư truyền qua đạo Do Thái và đạo Ki Tô sang đạo Hồi. Trong đạo Hồi, thiên thần Gabriel trở thành một vị Thiên sứ đặc biệt của Thiên Chúa Allah truyền mọi mệnh lệnh và mọi điều mặc khải cho Muhammad ghi chép. Vì vậy kinh Koran được gọi là "Thiên Kinh" ghi chép lời Chúa (Words of God). Nếu không tin có Thiên thần thì kinh Koran sẽ bị mất hết giá trị và không thể có đạo Hồi. Tin tức đầu tiên mà Gabriel thông báo cho Muhammad biết là việc Thiên Chúa đã chọn ông làm Tông Đồ của Ngài: "Này Muhammad! Con đã được Thiên Chúa chọn làm tông đồ của Ngài! và ta là Gabriel!" (Oh Muhammad! Thou art the Apostle of God and I am Gabriel! - Muhammad, a biography of the Prophet, by Karen Amstrong, Harper San Francisco 1992, p.83)

Ngoài hai vị Thiên thần Gabriel và Micae rất nổi danh trong các đạo độc thần còn có một số Thiên thần khác không được các đạo này đồng nhất tin theo:

- Thiên thần Raphael được Công Giáo La Mã tin là vị Thiên thần chuyên cứu nguy (the helpful angel). Đạo Do Thái, đạo Hồi và Tin Lành phủ nhận sự hiện hữu của Thiên thần Raphael.

- Về Thiên thần của sự chết: Ki Tô Giáo tin rằng tên của ngài là Andrew. Ngài rất đẹp và nhân từ, thường giúp người ta trút linh hồn trong bình an êm ái. Đạo Hồi gọi tên ngài là Arazel. Ngài đón linh hồn các tín đồ ngoan đạo để rước về thiên đàng. Ngài hành hạ những kẻ không tin Chúa và vứt linh hồn của chúng xuống hỏa ngục.

- Thiên thần Israfel: Cả hai đạo Ki Tô và Hồi đều tin rằng đến ngày tận thế, tức là Ngày Phán Xét Cuối Cùng, Thiên thần Israfel sẽ thổi kèn trumpet để đánh thức tất cả mọi người chết sống dậy để tập trung tại thung lũng Kindron ở ngoại ô Jerusalem nghe Chúa phán xử lần chót có tính chung quyết!...

Quan niệm về Quỉ: Cả ba đạo độc thần đều đồng nhất trong quan niệm cho rằng quỉ là những Thiên thần sa ngã (fallen angels) nên bị Chúa phạt đày xuống hỏa ngục. Ki Tô Giáo học

theo sách Enoch (Book of Enoch) trong bộ Kinh Thánh của Do Thái, một sản phẩm du nhập thần học của Hỏa Giáo Ba Tư, cho rằng Thiên thần Lucifer lãnh đạo một cuộc đảo chánh trên Thiên Đàng để cướp ngôi của Thiên Chúa. Lucifer trở thành hiện thân của lòng kiêu ngạo bị Chúa phạt thành quỉ có đuôi, có sừng và có tai giống tai dơi. Từ đó Lucifer mang tên là Satan. Người Hồi Giáo gọi Satan là Shaitan hoặc Iblis (do phiên âm từ tiếng Hy Lạp Diablos).

Hồi Giáo tin rằng Satan sẽ được Thiên Chúa tha tội trong ngày Phán Xét Cuối Cùng và được phục hồi tư cách thiên thần như xưa. Satan không phải là thủ lãnh của bầy quỉ cai quản hỏa ngục mà chỉ là kẻ cai quản các kẻ ác trên thế gian. Thiên Chúa trao chức vụ thủ lãnh hỏa ngục cho thiên thần Malik (Koran 43: 77).

Ngoài niềm tin về Thiên thần và quỉ, đạo Hồi còn có thêm một loại thần linh thứ ba là Jinn (số ít) hoặc Jinni (số nhiều). Ki Tô Giáo không tin có loại thần linh này. Theo đạo Hồi thì Jinn là một loại thần linh thường biến hình thành người hoặc loài vật, được Thiên Chúa cấu tạo nên từ lửa. Kinh Koran ghi rằng: "Con người được tạo nên bằng đất sét, Jinn được chế tạo từ ngọn lửa" (Man is created from clay, jinn from flames of fire - Koran 55: 14- 15).

Quan niệm về Jinn xuất phát từ Babylon vào khoảng 3000 năm TCN. Người Babylon gọi Jinn là "Cherubims". Đạo Do Thái du nhập "Cherubims" vào Sách Sáng Thế Ký (Genesis) là sách đầu tiên trong bộ thánh kinh của đạo Do Thái. Sách Sáng Thế Ký kể rằng: Sau khi Adam và Evà phạm tội ăn trái cấm liền bị Chúa đuổi ra khỏi vườn Địa Đàng. Chúa sai các Cherubims trú đóng ở phía đông vườn Địa Đàng để chặn lối dẫn đến "Cây của Sự Sống". (God drove out the man and He placed at the east of the Garden of Eden Cherubims to keep the way of the Tree of Life - Genesis 4: 23-24).

Cũng cùng một nguồn gốc từ Kinh Thánh Cựu Ước, Ki Tô Giáo bác bỏ Cherubims nên không bao giờ nhắc tới chúng. Trong khi đó, đạo Hồi chấp nhận niềm tin vào Cherubims và gọi chúng bằng tiếng Ả Rập là Jinn.

TÍN ĐIỀU 3: TIN CÁC SÁCH MẶC KHẢI (KINH THÁNH)

Kinh Koran nói rất nhiều đến các sách Mặc Khải (Books of Revelation). Nhưng kinh Koran là sách mặc khải cao quí nhất và quan trọng nhất đối với đạo Hồi. Do vậy, Koran được gọi là "Mẹ của tất cả các sách" (Mother of Books).

Kinh Koran coi sách Cựu Ước của Do Thái cũng là một phần của sách mặc khải: "Các người không thấy những người Do Thái đã được Chúa ban cho một phần của sách mặc khải hay sao? Họ đã được mời gọi đến với Sách mặc khải của Chúa" (Have you not considered Jews who are given a portion of Book? They are invited to the Book of Allah - Koran 3: 23)

Bộ Kinh Thánh của đạo Do Thái có nhiều sách, nhưng chỉ có sách Torah (sách Luật) của Maisen là được kinh Koran nhắc đến nhiều nhất. Sách Torah của đạo Do Thái, sách Phúc Âm của đạo Ki Tô và kinh Koran đều được coi là các sách do Thiên Chúa mặc khải để dạy dỗ và hướng dẫn loài người. Koran ghi lời của Thiên thần Gabriel nói với Muhammad: "Thiên Chúa đã mặc khải cho con Sách Thánh Kinh của chân lý để xác nhận những điều đã được mặc khải trước đó như Ngài đã mặc khải trong Kinh Torah và trong Phúc Âm để hướng dẫn loài người và bây giờ Ngài gửi cho con kinh Koran". (God hath revealed into thee the Scripture of Truth confirming that which was revealed before it as He revealed the Torah and the Gospel, a guidance for the people and He sent you the Qur'an - K3: 3).

Mặc dầu Muhammad ca ngợi các sách mặc khải của đạo Do Thái và đạo Ki Tô, nhưng Muhammad biết rõ thái độ cố chấp hẹp hòi của các tín đồ Do Thái và Ki Tô nên ông đã cảnh giác các tín đồ Hồi Giáo như sau:

"Người Do Thái và Ki Tô không bao giờ hài lòng với các tín đồ Hồi Giáo, ngoại trừ trường hợp các người theo đạo của họ". (The Jews will not be pleased with you, nor the Christians, until you follow their religions - Koran 2: 120).

Các tín đồ Do Thái và Ki Tô đều độc quyền chân lý. Đối với họ, chẳng ai có thể được vào thiên đàng, ngoại trừ phải là tín đồ đạo Do Thái hay đạo Ki Tô. (None shall enter the paradise, except he who is a Jew or a Christian - Koran 2: 111). Muhammad gọi chung những tín đồ Do Thái và Ki Tô là "Những người của các sách Thánh Kinh" (The people of the Book). Ông cảnh cáo họ đừng quá lộng hành trong tôn giáo của họ. (Oh people of the Book, commit no excesses in your religion - Koran: 4: 171)

Những người Do Thái và Ki Tô chửi bới nhau và giết hại nhau trong thời của Muhammad vào cuối thế kỷ 6, đầu thế kỷ 7. Do đó, Muhammad viết trong kinh Koran: "Người Do Thái chê người Ki Tô không theo điều tốt, người Ki Tô chê người Do Thái không theo điều tốt, mặc dầu họ đều đọc cùng một sách mặc khải. Cho nên Thiên Chúa Allah sẽ xét xử những điều khác biệt của họ trong Ngày Phán Xét Cuối Cùng" (The Jews say: the Christians do not follow anything good, the Christians say the Jews do not follow anything good while they recited the same Book. So, Allah judge between them on the Day of Resurection in what they differ - Koran 2: 113).

Muhammad thù ghét những người Ki Tô Giáo vì họ là những kẻ thờ ảnh tượng (idolers). Tại chương 9, câu 5 của kinh Koran, Muhammad ra lệnh cho tín đồ giết hoặc bắt bỏ tù những kẻ thờ ảnh tượng: "Khi các tháng thiêng liêng đã qua đi, các tín đồ hãy giết những kẻ thờ ảnh tượng ở bất cứ nơi nào gặp chúng hoặc bắt chúng làm tù binh". (When the sacred months passed away, then slay the idolers wherever you find them or take them captives - Koran 9: 5).

Về các sách mặc khải, kinh Koran nói rất nhiều đến sách Torah của Maisen, các Thánh Vịnh (Psalms) của David và Sách Phúc Âm (Gospel) của đạo Ki Tô. Vậy tôi xin trình bày sơ lược về những sách này và tìm hiểu ảnh hưởng của chúng trong đạo Hồi như thế nào:

1. *Torah (The Law).* Nhiều sách kinh của Hồi Giáo gọi sách này là Tawrah theo phiên âm Ả Rập. Đây là sách mặc khải quan trọng nhất của đạo Do Thái về người Do Thái đồng hóa Đạo Do Thái với Luật Do Thái hoặc người ta gọi Đạo Do Thái là Đạo của Luật. Bộ Luật này được Thiên Chúa mặc khải trên núi Sinai vào thế kỷ II TCN, tóm tắt lại thành "Kinh Mười Điều Răn" (The Ten Commandments). Đem phân tích luật Torah, mười điều răn trở thành bộ luật Pentateuch gồm có 613 điều luật. Bộ luật này đã chi phối toàn bộ đời sống tinh thần, đời sống kinh tế xã hội của mọi người dân Do Thái trong nhiều ngàn năm qua. Có nhiều điều luật rất chi tiết, chẳng hạn như những điều luật về nghi lễ thờ kính Thiên Chúa: Khi đi lễ phải mang theo súc vật, giết súc vật lấy máu để rưới lên bàn thờ và phải đọc sách mặc khải cho mọi người cùng nghe...

- Luật Torah của đạo Do Thái đã đi vào đạo Ki Tô với bài "Kinh Mười Điều Răn" trong các sách Kinh Nguyện.

- Đạo Hồi không có Kinh Mười Điều Răn như đạo Ki Tô nhưng Kinh Koran cũng liệt kê mười điều tương tự:

1. Chỉ tôn thờ một Thiên Chúa.
2. Vinh danh và kính trọng cha mẹ.
3. Tôn trọng quyền của người khác.
4. Hãy bố thí rộng rãi cho người nghèo.
5. Tránh giết người, ngoại trừ trường hợp cần thiết.
6. Cấm ngoại tình.
7. Hãy bảo vệ và chu cấp trẻ mồ côi.
8. Hãy cư xử công bằng với mọi người.
9. Hãy trong sạch trong tình cảm và tinh thần.
10. Hãy khiêm tốn

2. *Thánh Vịnh David* (Psalms of David). Theo đạo Hồi thì các Thánh Vịnh của David là do Thiên Chúa mặc khải. (God revealed to Dawood/David Zabur/ Psalms -Sura 4: 163). Sở dĩ David được đề cao trong đạo Do Thái vì lịch sử của dân tộc Do Thái coi David là một anh hùng và là một minh quân hàng đầu. David trở thành biểu tượng của một vị "Cứu Tinh Dân tộc". (Savior of the people). Cứ mỗi lần Do Thái gặp nguy khốn, dân Do Thái lại cầu xin Chúa ban cho họ một đấng Cứu Nguy (Savior) dần dần tạo nên tâm lý của toàn dân Do Thái mong chờ một Đấng Cứu Thế (Messiah) với ý nghĩa là "một David mới" (The New King David). Cũng do vậy nên đã nẩy sinh truyền thuyết cho rằng Đấng Cứu Thế phải là người thuộc dòng dõi vua David.

- Đạo Ki Tô khai thác triệt để truyền thuyết này nên đã tìm mọi cách chứng minh Jesus thuộc dòng dõi của vua David và là Chúa Cứu Thế mà Do Thái mong đợi từ lâu.

- Đạo Hồi không quan tâm đến những điều nói trên mà chỉ quan tâm đến những lời ca ngợi Thiên Chúa đầy nhiệt tình của David mà thôi.

(Trong bài viết "Chủ nghĩa khủng bố là đặc tính chung của các đạo Chúa", tôi đã trích dẫn nhiều câu trong Thánh Vịnh David nên tôi xin miễn nhắc lại ở đây)

3. *Phúc Âm (Gospels)* .Sách Phúc Âm là một bộ sách viết về cuộc đời của Jesus sau khi Jesus đã chết trên 40 năm. Jesus sinh trưởng tại Do Thái nhưng lại nói tiếng Aramaic là ngôn ngữ của xứ Syria. Các sách Phúc Âm lại được viết bằng tiếng Hy Lạp căn cứ trên những lời đồn đại về Jesus ở Jerusalem trên 40 năm trước! Chỉ bấy nhiêu sự kiện cũng đủ cho thấy các sách Phúc Âm không có gì là chính xác.

Đạo Do Thái hoàn toàn phủ nhận các sách Phúc Âm của đạo Ki Tô. Trái với đạo Do Thái, đạo Hồi công nhận các sách Phúc Âm là các sách Mặc Khải của Thiên Chúa và công nhận Jesus là một sứ giả của Thiên Chúa (messenger of God) đứng hàng thứ hai sau Muhammad. Tuy vậy, quan niệm của đạo Hồi về Phúc Âm và Jesus rất khác biệt với quan niệm của Ki Tô Giáo. Tôi đã trình bày vấn đề này trong bài "Jesus dưới cái nhìn của Do Thái và Hồi Giáo", vậy xin miễn nhắc lại ở đây.

TÍN ĐIỀU 4: TIN CÁC VỊ THIÊN SỨ

Theo giáo lý của đạo Hồi thì từ tạo thiên lập địa đến nay, Thiên Chúa đã gửi xuống thế gian 25 sứ giả của Ngài để dạy dỗ loài người. Vị sứ giả đầu tiên chính là Adam, tổ tiên của loài người và vị sứ giả cuối cùng chính là Muhammad. Sau Muhammad không còn bất cứ một sứ giả nào khác. Tất cả các người kế vị Muhammad được gọi là Caliph (khalif) đều chỉ là kế vị với tư cách lãnh đạo cộng đồng Hồi Giáo mà thôi (leader of Islamic community) chứ không ai có tư cách kế vị thiên sứ cả (no successor to Messsenger of God). Muhammad là thiên sứ bất khả kế nhiệm và là thiên sứ lớn hơn tất cả mọi thiên sứ khác. Đối với các tín đồ Hồi Giáo, thiên sứ Muhammad chỉ là một người thường như mọi người nhưng không có ai vượt qua Ngài về sự khôn ngoan và đạo đức.

Trong 25 vị thiên sứ thì đạo Do Thái chiếm tới 18 vị, 3 vị thuộc Ki Tô Giáo và 4 vị còn lại thuộc về Ả Rập. Trong phạm vi bài biết này, nếu kể hết tiểu sử của 25 vị Thiên sứ thì bài này sẽ thành một quyển sách. Chúng tôi xin tóm lược tiểu sử một số vị quan trọng trong cả ba tôn giáo độc thần mà thôi.

Một số tiên tri của đạo Do Thái cũng là Thiên sứ của đạo Hồi:

Adam: Đạo Hồi có một quan niệm về Adam khác với đạo Do Thái và đạo Ki Tô. Ngoài thiên chức là tổ tông của loài người, Adam còn là vị Thiên sứ đầu tiên của Chúa. Vì vậy, sau khi dựng nên Adam, Thiên Chúa đã ra lệnh cho các thiên thần phải cúi rạp xuống để kính chào Adam và phải tuân lệnh của Adam. Theo đạo Hồi, Adam cao quí hơn các thiên thần - Thiên thần Iblis (Lucifer) không chịu cúi chào Adam nên bị Chúa phạt thành quỉ Satan.

Kinh Koran nói về Adam: "Khi Thiên Chúa Allah tạo nên Adam xong, Ngài thổi thần linh của ngài vào Adam. Xong ngài ra lệnh cho các thiên thần phải cúi rạp xuống để chào Adam. Tất cả các thiên thần đều vâng lời Chúa. Chỉ một mình Iblis (Lucifer) không chịu vâng lời nên bị Chúa phạt thành quỉ từ đó cho đến ngày Phán Xét Cuối Cùng".

(When your Lord said to the Angels: Surely I am going to create a mortal from dust. So when I have made him complete and I breathed into him My Spirit, then all angels fall down making obeisance to him. And the angels did obeisance, all of them. But not Iblis because he was proud. Surely, my curse is on Iblis/ Shaitan to the Day of Last Judgement - Koran 38: 71-78).

Noah. Người Công Giáo Việt Nam thường gọi ông là NO-E. Noah là cháu đời thứ 10 của Adam-Evà. Noah là người công chính trong thế hệ của ông nên Chúa cho ông biết tin trước về trận đại hồng thủy. Ông đóng một chiếc tàu lớn để chứa gia đình ông và mỗi thứ súc vật một cặp. Sau trận đại hồng thủy thì cả loài người đều chết hết chỉ còn lại những người và những vật ở trên tàu mà thôi. Trận lụt kéo dài 7 ngày. Khi nước rút thì tàu của Noah bị kẹt trên đỉnh núi Arafat (cao 5168 m ở miền đông Thổ Nhĩ Kỳ). Noah và mọi người giết súc vật làm lễ hy sinh để thờ lạy Chúa. Chúa ngửi thấy mùi thịt nướng sinh vật nên Ngài từ trời nhìn xuống chúc phúc lành cho Noah và các con của ông sinh sản con cháu đầy mặt đất. Noah sống đến 600 tuổi mới chết. Con út của ông tên Shem là tổ phụ các dân tộc Do Thái và Ả Rập. (Sau này Do Thái Ả Rập được gọi chung là giống người Semites, có nghĩa là con cháu của tổ phụ Shem).

Maisen (Moses) và Aaron. Chuyện về hai nhân vật hàng đầu sáng lập đạo Do Thái hiện hành là Maisen và Aaron được kể trong 2 cuốn sách thuộc Cựu Ước là Xuất Hành (Exodus) và Dân Số Ký (Numbers).

Chương 34 sách Exodus kể rằng: Chúa truyền cho Maisen mang hai tảng đá lên núi Sinai (ở gần Biển Chết). Tại đây, Chúa hiện ra và dùng ngón tay của Ngài viết lên hai phiến đá. Mỗi phiến đá Ngài viết 5 điều răn, tổng cộng là Mười Điều Răn. Viết xong Ngài biến mất. Maisen ở lại trên núi nhiều ngày để tạ ơn Chúa.

Dân chúng Do Thái qui tụ dưới chân núi Sinai nhiều ngày để chờ đón Maisen mà không thấy Maisen xuống, họ nghĩ rằng Maisen đã chết. Do đó, dân chúng Do Thái đã tôn người anh của Maisen là Aaron lên ngôi vị lãnh đạo dân tộc Do Thái thay thế Maisen.

Theo truyền thống lâu đời của dân Do Thái kể từ thời Abraham đến nay là 850 năm, dân chúng vẫn quen thờ thần El dưới hình tượng Con Bò Vàng (The Golden Carf). Do vậy, Aaron ra lệnh thâu góp các nữ trang của dân chúng để đúc thành tượng một con bò to bằng thật để thờ.

Sau khi đúc xong tượng bò vàng, dân Do Thái đã lập bàn thờ ở chân núi và đặt tượng bò lên bàn thờ. Xong dân chúng làm lễ cúng tế thần bò El và cùng nhau nhảy múa ca hát tưng bừng. Vừa lúc đó thì Maisen ở trên núi đi xuống thấy vậy bèn nổi giận và ông dùng 2 phiến đá phá nát tượng bò thần El. Ông ra lệnh cho dân chúng không được tôn thờ ảnh tượng từ đó và đổi tên Thiên Chúa từ Elohim (số nhiều của El) thành Jehovah.

Do chuyện trên trong Cựu Ước Do Thái, Muhammad đã kết tội dân Do Thái là những kẻ thờ bò thay vì thờ Chúa. Ông tôn trọng Maisen trong việc cấm thờ ảnh tượng và ông tin là Chúa đã cho Maisen thẩm quyền cai trị. Kinh Koran ghi như sau: "Những tín đồ của Kinh Thánh đã thờ bò thay vì thờ Thiên Chúa mặc dầu Chúa đã tỏ cho họ thấy những dấu hiệu rõ ràng về Ngài. Nhưng Chúa đã tha thứ cho họ tội này và đã ban cho Maisen thẩm quyền cai trị." (The followers of the Book took the golden carlf for God after clear signs had come to them. But we pardoned this and gave to Moses clear authority - Koran 4: 153).

o Elijah (Elisha). Chương 4 sách Các Vua (Kings) kể chuyện Elijah làm nhiều phép lạ như biến một cái bình không thành một bình đầy dầu (oil) hoặc biến mấy cái thúng trống rỗng thành những cái thúng đầy những ổ bánh mì khiến cho nhiều trăm người ăn no. (Sau này các sách Phúc Âm cũng kể chuyện Jesus làm phép lạ tương tự như vậy). Kinh Koran ca ngợi Elijah là một trong những người tốt nhất thế gian và là tông đồ của Chúa (Koran 6: 86, 38: 48)

Jonah (Yunus) Thiên Chúa dự tính hủy diệt thành phố Nineveh vì thành phố này có nhiều kẻ không tin Chúa. Thiên Chúa sai Jonah tới thành phố này để khuyên họ trở lại với Chúa thì Chúa sẽ tha tội và không hủy diệt nữa. Chúa ra thời hạn 40 ngày để Jonah thi hành.

Thay vì đi Nineveh, Jonah đã bất tuân lệnh Thiên Chúa dùng thuyền tới thành phố Tarshish. Để trừng phạt Jonah Chúa đã tạo nên một cơn bão lớn. Các thủy thủ trên thuyền biết đây là một hình phạt Chúa dành riêng cho Jonah nên họ đã ném Jonah xuống biển. Một con cá lớn đớp Jonah vào bụng. Jonah biết Chúa đã phạt mình về tội không vâng lời nên ông đã ăn năn hối cải và cầu nguyện Chúa suốt 3 ngày ở trong bụng cá. Cuối cùng, Chúa tha tội cho Jonah và hóa phép cho con cá lớn nhả ông ra trên bãi biển. Câu chuyện này được cả ba đạo Do Thái, Ki Tô và Hồi Giáo công nhận là chân lý. Kinh Koran ca ngợi Jonah là tông đồ của Chúa (K.6: 86, 21: 87)

Solomon. Solomon là con thứ của vua David. Y giết anh là Adonaijah để đoạt ngôi vua. Bản chất của Solomon còn dâm dật hơn David nên khi lên làm vua y đã xây cất cung viện rất lớn để chứa trên 3000 cung nữ. Tuy vậy, lịch sử và đạo Do Thái vẫn coi Solomon như một minh quân. Solomon xây một ngôi đền thờ Chúa được dân Do Thái gọi là Đền Thánh (The Holy Temple) và được truyền tụng là một kỳ công kiến trúc. Thực sự ngôi đền rất nhỏ (rộng 12 mét x dài 37 mét). Nếu so sánh với đền Ankor Watt của xứ Kampuchea, được xây vào thế kỷ 8, thì đền Ankor lớn hơn đền của Solomon rất nhiều (75 mét x 176 mét). Solomon nổi tiếng là người khôn ngoan và là tác giả cuốn sách Châm Ngôn (Proverbs) trong bộ Kinh Thánh Cựu Ước. Kinh Koran ca ngợi Solomon "là tôi tớ xuất sắc của Thiên Chúa và luôn luôn quay về với Chúa" (Solomon was most excellent the servant and he was frequent in returning to Allah - K 28: 30)

o Isaiah. Isaiah xuất hiện trong thế kỷ 8 TCN, ông được coi là người đầu tiên trong đạo Do Thái đưa ra thuyết Tận Thế và tiên đoán sẽ có một vị Cứu Thế (Messiah) ra đời. Tuy nhiên, ông đã định nghĩa "Chúa Cứu Thế là người giải thoát tất cả mọi người bị áp bức" (To let the oppressed go free - Isaiah 6: 9 và 6: 1-2). Như vậy, Chúa Cứu Thế nào không giải thoát được những kẻ bị áp bức trên thế gian thì đó chính là Chúa Cứu Thế giả mạo. Đạo Hồi hoàn toàn phủ nhận tư cách "Chúa Cứu Thế" của Jesus, nhưng họ không qui trách Jesus mà qui trách các tín đồ Ki Tô là những kẻ lầm lạc đã tin những điều bậy bạ như vậy.

Ba vị của Ki Tô Giáo được Hồi Giáo coi là Thiên Sứ: Ba nhân vật trong Phúc Âm Ki Tô Giáo được Muhammad đề cao trong kinh Koran là: Jesus, Gioan Baotixita và thân phụ Gioan là Zakaria.

Jesus được Muhammad ca ngợi trong 114 câu thơ, rải rác trong 15 chương sách của Kinh Koran. Điều đó chứng tỏ Jesus có một chỗ đứng khá quan trọng trong đạo Hồi. Người Hồi Giáo tôn kính gọi Muhammad là Thiên Sứ (Nabi) và họ cũng gọi Jesus là Thiên sứ theo ngôn ngữ Ả Rập là Nabi Isa.

Mặc dầu tôn kính Jesus và coi trọng sách Phúc Âm, đạo Hồi đã có những quan niệm rất khác biệt về Jesus và Phúc Âm so với quan niệm của các tín đồ Ki Tô Giáo.

Kinh Koran rất tôn trọng Gioan Baotixita và song thân là ông Zakaria và bà Elizabeth (Công Giáo Việt Nam gọi là bà thánh I-sa-ve). Zakaria là cậu của bà Maria. Khi bà Isave có mang Gioan được 6 tháng thì bà Maria mới bắt đầu mang thai Jesus. Khi bà Maria đến nhà thăm vợ chồng Cậu Zakaria thì bà I-sa-ve đã chúc tụng bà Maria như sau: "Hỡi bà Maria, Chúa đã chọn bà và thanh tẩy bà, Chúa đã chọn bà cao hơn hết thảy các người nữ trên thế gian" (Oh Mary! Allah has chosen you and purified you and chosen you above all the women of the world - Koran 3: 42). Lời chúc tụng của bà Isave (mẹ của Gioan Baotixita) đối với bà Maria (mẹ của Jesus) như nói trên là ý chính của kinh Kính Mừng (Hail Mary) trong đạo Công Giáo: "Bà có phúc lạ hơn mọi người nữ". Đạo Hồi cấm thờ ảnh tượng nhưng họ vẽ tranh treo tường hoặc dệt thảm những bức họa diễn cảnh Abraham hy sinh con trai Ismael (chứ không phải là Isaac) để tế lễ Thiên Chúa và họ cũng thường vẽ tranh bà Maria bế hài nhi Jesus. Trong đền thờ Kaaba ở Mecca là thánh địa thiêng liêng nhất của thế giới Hồi Giáo hiện vẫn còn một bức tranh vẽ Bà Maria bế hài nhi Jesus.

Bức tranh này đã được người Ki Tô Giáo vẽ vào thế kỷ 6. Tháng giêng năm 630, Muhammad mang 10.000 quân đến chiếm Mecca, ông đã ra lệnh phá hủy tất cả các tượng thần và các tranh vẽ trên tường của đền thờ Kaaba. Tuy nhiên, Muhammad đã tỏ lòng tôn kính đặc biệt đối với bà Maria và Thiên sứ Jesus nên ông đã cởi áo choàng của mình phủ lên bức

tranh duy nhất của Ki Tô Giáo tại đền Kaaba và ra lệnh không ai được phá hủy bức tranh này. Nhờ đó, bức tranh vẫn tồn tại đến ngày nay.

Các Tiên Tri Ả Rập. Kinh Koran chỉ kể tên vài vị tiên tri Ả Rập như Hud, Salid... nhưng không kể tiểu sử của họ nên chúng ta không có tài liệu để bàn tới. Như vậy, chỉ còn một vị tiên tri duy nhất là Muhammad mà thôi. Nhưng nói về Muhammad thì có tới biết bao nhiêu sách nói cho hết. Sau khi đọc nhiều sách về tiểu sử của Muhammad, tôi đã cố gắng tóm lược trong hai bài:

1. "Muhammad tại Mecca (570-622)
2. "Muhammad tại Medina (622-632)".

*

* *

Trong số 25 vị thiên sứ (gồm có 18 vị thuộc đạo Do Thái, 3 vị thuộc đạo Ki Tô và 4 vị Ả Rập) chỉ có 6 vị được đạo Hồi coi là những vị Thiên sứ quan trọng nhất. Đó là:

Tên Anh Ngữ	Tên phiên âm theo tiếng Arabic
1. Thiên Sứ Mohammed	Nabi Muhammad
2. Thiên sứ Jesus Christ	Nabi Isa
3. Thiên sứ Moses (Maisen)	Nabi Musa
4. Tổ phụ Abraham	Nabi Ibrahim
5. Thiên sứ Noah (ông No-e)	Nabi Nuh
6. Thiên sứ Adam (ông A-dong)	Nabi Adam

Đối với đạo Hồi, chỉ có Moses và Jesus là người Do Thái, còn các vị khác như Adam, Noah và Abraham không thuộc chủng tộc nào cả. Điều đặc biệt cần nhấn mạnh: Đạo Hồi không coi Moses là người lập đạo Do Thái hay Jesus là người lập đạo Ki Tô. Đạo Hồi coi tất cả các vị Thiên sứ đều là những tín đồ đạo Hồi.

TÍN ĐIỀU 5: MỌI NGƯỜI CHẾT SẼ SỐNG LẠI TRONG NGÀY TẬN THẾ - TẤT CẢ KẺ SỐNG VÀ KẺ CHẾT ĐỀU ĐƯỢC CHÚA XÉT XỬ TRONG NGÀY PHÁN XÉT CUỐI CÙNG.

Tín điều 5 là một tín điều tổng hợp liên quan đến nhiều vấn đề phức tạp nhưng lại là những điều mà cả 3 đạo độc thần chấp nhận hoàn toàn. Đó là:

1. Tin rằng con người có hai phần, hồn và xác. Hồn là phần linh thiêng vĩnh cửu. Xác sau khi chết bị hủy hoại hoàn toàn, nhưng đến ngày tận thế xác của mọi người đều sống lại nhập với hồn và sẽ tồn tại vĩnh cửu.

2 . Tin có ngày tận thế.

3. Khi chết, mỗi người đều đã được Chúa xét xử tạm thời. Đến ngày tận thế, tất cả mọi người sống và chết (sống lại) đều được xét xử chung trong Ngày Phán Xét Cuối Cùng.

4. Tin có Thiên Đàng và Hỏa ngục. Riêng đạo Hồi tin Hỏa ngục không có tính vĩnh cửu mà chỉ là hình phạt tạm thời.

Chúa là đấng nhân lành nên mọi tội đều được Chúa tha thứ. Ki Tô Giáo trái lại tin rằng Hỏa ngục là hình phạt đời đời. Đạo Do Thái và đạo Ki Tô nói rất ít về thiên đàng. Trái lại, Đạo Hồi mô tả Thiên Đàng với nhiều chi tiết hấp dẫn: Thiên đàng có những con sông nước mát và trong vắt, có những con sông đầy sữa hoặc đầy rượu nho, có những con sông đầy mật, những khu vườn đầy trái cây và đặc biệt có những cô trinh nữ đẹp tuyệt trần chưa bao giờ có ai đụng tới (bashful virgins whom neither man nor a spirit have touched before - Koran 55: 41). Những trinh nữ mắt đen cư ngụ trong những căn lều, dựa lên những chiếc gối màu xanh và những chiếc thảm đẹp (Dark-eyed Virgins sheltered in their tents, they recline on green cushions and fine carpets. Which of your Lord's blessing would you deny? - Koran 55: 68). Đó là những thứ Chúa ban cho anh, há anh lại từ chối sao?

Ngày tận thế là ngày trái đất này bị hủy diệt hoàn toàn. Kinh Koran mô tả: Toàn mặt đất và núi non đều bị nâng lên và đập xuống vỡ vụn. Bầu trời nứt ra từng mảnh (The heaven will split asunder). Ngày tận thế cũng là ngày mọi kẻ chết sống lại (Day of Resurrection, K 50: 42) Ngày họp mặt của toàn thể nhân loại (Day of Assembly K42: 7, 64: 9) ngày mở đầu cuộc sống vĩnh cửu (Day of Eternal Life - Koran 50: 34) và cũng là ngày tính sổ của Thiên Chúa (Day of Reckoning K37: 19-74). Kẻ lành được lên Thiên Đàng, kẻ ác bị đầy xuống hỏa ngục. Đối với niềm tin Hồi Giáo thì những kẻ không tin vào tính duy nhất của Thiên Chúa (như thờ Thiên Chúa Ba Ngôi) hoặc thờ ảnh tượng đều phải sa hỏa ngục.

Cũng xin nói thêm ở đây là Hồi Giáo và Do Thái Giáo chỉ tin có hai nơi trong đời sau là Thiên Đàng và Hỏa ngục. Riêng Công Giáo La Mã tin có một nơi thứ ba là Luyện Ngục (Purgatoroy). Đó là một thứ ngục tối để giam giữ linh hồn có tính cách tạm thời mà thôi.

TÍN ĐIỀU 6: MỌI SỰ DO THIÊN CHÚA TIỀN ĐỊNH NHƯNG CON NGƯỜI CÓ Ý CHÍ TỰ DO.

Cả 3 tôn giáo độc thần (Do Thái, Ki Tô và Hồi Giáo) đều xác nhận mọi sự trên đời đều do Thiên Chúa tiền định, như người ta thường nói: "Sợi tóc ở trên đầu rụng xuống cũng do ý Chúa định từ trước vô cùng". Nếu đã tin vào thuyết tiền định (Predestination) thì người ta có thể nói rằng: mọi hành vi tốt hay xấu của mỗi người cũng do Chúa định, vậy không một ai phải chịu trách nhiệm về những hành vi của mình cả. Nói cách khác, con người không có quyền tự do chọn lựa vì số phận của con người tốt hay xấu, sướng hay khổ đều đã do Thiên Chúa ấn định từ trước vô cùng.

Sự tiền định của Thiên Chúa và Ý chí tự do của con người là hai ý niệm tương phản nhau. Nếu đã tin vào thuyết tiền định thì không thể tin rằng con người có ý chí tự do. Ngược lại, nếu đã tin con người có quyền tự do chọn lựa thì không có tiền định.

Tuy vậy, cả ba tôn giáo độc thần đều chấp nhận cả hai. Hồi Giáo lập luận: "Thiên Chúa dựng nên ta là Ngài đã ấn định số phận của ta" (Thy God hath created and hath fixed thy destinies - Koran 87: 2-3). Nhưng mỗi người có quyền tự do chọn lựa, hoặc tin hoặc không tin: "Chân lý từ Thiên Chúa, ai muốn thì hãy tin, ai không muốn thì đừng tin" (Say the truth is from

your Lord, whoever wisheth he may believe, whoever wisheth not he may disbelieve - Koran 18: 30).

*

Sau khi đã tìm hiểu sáu tín điều trụ cột của đạo Hồi, chúng ta nhận thấy chỉ có sự khác biệt về chi tiết so với các tín điều của đạo Do Thái và đạo Ki Tô. Xét theo đại thể, các tín điều của ba đạo độc thần đều thống nhất.

Muhammad đã xác nhận đạo Hồi không mang lại một điều gì mới mà chỉ xác nhận lại những điều Thiên Chúa đã mặc khải trong Kinh Thánh Cựu Ước của đạo Do Thái và trong sách Phúc Âm của đạo Ki Tô. Kinh Koran chỉ là một SỰ NHẮC LẠI (Nay, It is an Reminder - Koran 80: 11). Muhammad cũng tự coi mình là một kẻ nhắc lại: "Kẻ nhắc lại đó đến với anh từ Thiên Chúa để cảnh báo anh" (A Reminder has come to you from the Lord that he might warn you - Koran 7: 69).

Charlie Nguyễn

CÁC MÔ HÌNH SINH HOẠT TRONG THẾ GIỚI HỒI GIÁO

(The Patterns of Islamic Life)

Các mô hình sinh hoạt của các tín đồ Hồi Giáo đã được hình thành do hai yếu tố chính: Trước hết, do các tín lý giáo điều đã được vạch ra trong kinh Koran và sau đó là do các phong tục tập quán trong nếp sống du mục lâu đời của người Ả Rập. Người ta có thể liệt kê khoảng 15 mô hình sinh hoạt như sau:

1. Vai trò ưu thắng của nam giới trong xã hội.

Trong xã hội Hồi Giáo, đàn ông luôn luôn được coi là chủ gia đình và là người chính yếu kiếm tiền nuôi vợ con và mọi thân nhân lệ thuộc (the main wage-earner). Tuy nhiên, mức độ ưu thắng của đàn ông cũng còn tùy thuộc vào phong tục tập quán của mỗi quốc gia vì ngày nay Hồi Giáo đã trải rộng khắp nơi trên thế giới. Tại Afganistan, quyền ưu thắng của đàn ông gần như tuyệt đối vì luật pháp cho phép đàn ông đánh đập đàn bà công khai trên đường phố trong khi tại Thổ Nhĩ Kỳ quyền bình đẳng nam nữ đã được luật pháp tôn trọng.

2. Ngôn ngữ Arabic và các chuyển ngữ chính thức trong đạo Hồi.-

Các kinh sách quan trọng nhất của đạo Hồi là Kinh Thánh Koran, các sách giáo lý Sunna, Hadiths và sách luật Sharia đều được viết bằng tiếng Arabic. Do đó, ngôn ngữ Arabic được coi là ngôn ngữ chính của đạo Hồi. Các học giả nghiên cứu đạo Hồi và các sinh viên thần học Hồi Giáo (thuộc mọi chủng tộc) đều phải học tiếng Arabic để nghiên cứu các kinh sách nguyên bản. Còn lại tuyệt đại đa số các tín đồ Hồi Giáo đều không biết tiếng Arabic nên phải dùng các chuyển ngữ. Trong thế giới Hồi Giáo có 4 nhóm chuyển ngữ:

1) Tiếng URDU là chuyển ngữ chung cho các tín đồ Hồi Giáo thuộc các nước Ấn Độ, Bangladesh và Pakistan.

2) Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ là chuyển ngữ cho các nước Trung Á như Kazakstan, Uzebeikistan, Afganistan...

3) Tiếng Farsi là chuyển ngữ chung cho các nước Cận Đông như Iran, Iraq, Syria...

4) Các nước khác dùng ngôn ngữ riêng của mình.

3. Ngày lễ chính trong tuần.-

Ki Tô Giáo chọn ngày Chủ Nhật làm ngày lễ chính trong tuần, Do Thái Giáo chọn ngày thứ Bảy (Sabath) trong khi Hồi Giáo chọn ngày lễ chính trong tuần là ngày thứ Sáu. Cứ đến ngày thứ Sáu, các đền thờ Hồi Giáo đông nghẹt người. Tại thủ đô Ai Cập có nhiều đền thờ không đủ sức chứa số lượng tín đồ quá đông đến nỗi cảnh sát phải chặn xe cộ trên đường phố, trải chiếu trên lề đường và trên cả đường phố để các tín đồ có chỗ đứng xếp hàng cầu nguyện. Sau khi cuộc cầu nguyện chấm dứt, cảnh sát ra hiệu cho những dòng xe cộ bắt đầu chuyển bánh đi tiếp!

4. Đền thờ Hồi Giáo.-

Đền thờ Hồi Giáo không phải là nơi để các tu sĩ hành lễ như nhà thờ Công Giáo hoặc các chùa Phật Giáo. Đền thờ Hồi Giáo chỉ là nơi họp mặt của các tín đồ để cầu nguyện tập thể mà thôi. Hồi Giáo không có tu sĩ vì họ quan niệm ai cũng có thể nói chuyện trực tiếp với Thiên Chúa nên không cần qua trung gian của bất cứ người nào khác. Hơn nữa, khác với Công Giáo, Hồi Giáo không có một "phép bí tích" nào nên không cần một thứ chức thánh nào (linh mục, giám mục, hồng y...). Hồi Giáo có nhiều thánh địa nhưng không có giáo đô nên không cần có giáo hoàng.

Hồi Giáo tối kỵ việc thờ ảnh tượng của Chúa và các Thánh nên bên trong và bên ngoài đền thờ luôn luôn trống trơn, không có một hình tượng nào cả. Đền thờ Hồi Giáo cũng tương tự như đền thờ Do Thái Giáo (Sinagogue), cả hai đều được định nghĩa là nơi họp mặt với nhiều dụng đích. (Mosque: Meeting place for general use of the community). Ngoài việc được dùng làm nơi hội họp, đền thờ còn có thể được dùng làm trường học, bệnh viện hoặc nơi tạm trú cho những người tỵ nạn hoặc nạn nhân trong các vụ thiên tai v.v... Đền thờ Hồi Giáo Al-Azhar ở Cairo, thủ đô Ai Cập, từng nổi tiếng là một đền thờ đồ sộ và tráng lệ đã trở thành trường Đại Học đầu tiên của nhân loại vào cuối thế kỷ 10. Tới nay đã trên một ngàn năm, trường đại học này vẫn còn đang tiếp tục hoạt động.

Tất cả các đền thờ Hồi Giáo trên khắp thế giới dù lớn hay nhỏ và dù ở bất cứ nơi nào cũng phải hội đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a. Phải có chỗ rửa mặt và tay chân sạch sẽ trước khi cầu nguyện.

b. Bên trong nhà thờ phải trống trải để các tín đồ có chỗ xếp hàng cầu nguyện.

c. Mọi đền thờ phải có một cái hốc khoét sâu vào tường (a niche) để định hướng cho mọi người quay mặt về thánh địa Mecca khi cầu nguyện, vì tại đó có nhà của Chúa, tức đền thờ Ka'ba (House of God).

d. Mỗi nhà thờ phải có một bục cao để IMAM giảng kinh vào ngày thứ Sáu hàng tuần.

e. Không được trang trí tường bằng tranh ảnh. Chỉ có thể trang trí bằng các hình kỷ hà học hoặc bằng nghệ thuật viết chữ Ả Rập (Calligraphy) hoặc bằng các hình vẽ nghệ thuật của hình học (geometrical decorations).

5. Huy Hiệu Hồi Giáo.-

Thường thường, mỗi tôn giáo đều có một huy hiệu riêng để làm biểu tượng cho tôn giáo của mình. Chẳng hạn như hình ngôi sao 6 cánh (ngôi sao Đavít) là biểu tượng của đạo Ki Tô, hình con mắt là biểu tượng của đạo Cao Đài v.v...

Huy hiệu của đạo Hồi là một vành trăng lưỡi liềm, bên trong có hình ngôi sao năm cánh. Tiếng Ả Rập gọi huy hiệu này là HILAL. ? ?

Vành trăng lưỡi liềm tượng trưng cho Âm Lịch Hồi Giáo. Ngôi sao là biểu tượng cho sự tuân theo ý Chúa vì kinh Koran đã dạy rằng: "Thiên Chúa đã dựng nên các vì sao để hướng dẫn con người tới cùng đích" (Allah created the stars to guide people to destination).

6. Muezzin.-

Mỗi một đền thờ Hồi Giáo có một người được chỉ định làm nhiệm vụ leo lên tháp cao mỗi ngày 5 lần để kêu gọi các tín đồ cầu nguyện. Tiếng Ả Rập gọi người đó là Muezzin. Ngày nay, người ta mắc loa phóng thanh trên tháp cao để kêu gọi tín đồ chứ không dùng Muezzin như xưa. Tuy nhiên, lời kêu gọi từ xưa đến nay không thay đổi: "Thiên Chúa là đấng vĩ đại vô cùng. Tôi tin không có Thiên Chúa nào khác ngoài Allah. Tôi tin Muhammad là thiên sứ của Ngài. Hãy đến cầu nguyện, hãy đến để nhận ơn cứu chuộc. Thiên Chúa Allah vĩ đại vô cùng. Không có Thiên Chúa nào ngoài Allah" (God is most great. I bear the witness that there is no God but Allah. Hasten to prayer. Hasten to salvation. Allah is most great, there is no God but Allah).

7. Lời cầu nguyện thần chú (The Invocation)

Tiếng Ả Rập BASIMALA có nghĩa là lời cầu nguyện đặc biệt có tích cách tiên quyết và bắt buộc đối với mọi tín đồ Hồi Giáo trong suốt cuộc đời. Có thể coi đây là một câu "thần chú" mà các tín đồ Hồi Giáo thường tự động buột miệng cầu nguyện mỗi khi bắt đầu làm một công

việc gì, chẳng hạn như lúc mở đầu cuộc họp, khi leo lên xe bus, lúc bắt đầu lớp học, trước mỗi bữa ăn hay trước khi đi ngủ... Trong tất cả các sách của các tác giả Hồi Giáo, câu thần chú này phải được in ở trang đầu của cuốn sách. Câu thần chú như sau: "Nhân danh Thiên Chúa đầy lòng thương xót và nhân từ vô cùng. Chúng con ngợi khen Chúa là chúa tể vũ trụ và sự bình an. Chúng con dâng lời cầu nguyện Chúa cùng với đấng tiên tri và thiên sứ cuối cùng của Chúa". (In the name of God, the Compassionate, the Merciful. Praise be to Allah, Lord of the Universe and Peace. Prayers be upon his final prophet and messenger).

8. Lịch Hồi Giáo.-

Do Thái và các dân tộc Ả Rập từ ngàn xưa vẫn quen dùng Âm Lịch. Tuy nhiên, người Ả Rập Hồi Giáo chính thức mở đầu một kỷ nguyên mới của Âm Lịch Hồi Giáo từ năm 622 (sau Công Nguyên) là năm Muhammad và cộng đồng Hồi Giáo từ Mecca di cư về ốc đảo Medina. Mỗi một vòng của mặt trăng xoay quanh trái đất là một tháng, 12 vòng là một năm, tổng cộng 354 ngày. So với năm dương lịch, mỗi năm của Âm Lịch Hồi Giáo thiếu hụt 11 ngày (365-354 = 11 ngày). Điều khác biệt của Âm lịch Hồi Giáo là không có tháng nhuận (4 năm một lần) như Âm Lịch của người Trung Hoa. Do đó, sự thiếu hụt giữa Lịch Hồi Giáo và Dương lịch cứ bị tích lũy mỗi ngày một lớn. Đến nay, sự sai biệt giữa Âm Lịch Hồi Giáo và Dương Lịch là 42 năm.

Lấy thí dụ điển hình: Năm 2000 Dương Lịch là năm 1420 của Âm Lịch Hồi Giáo. Năm bắt đầu kỷ nguyên Âm Lịch Hồi Giáo là năm 622 AD. Nếu tính theo Dương Lịch thì năm 2000 phải là năm 1378 của Hồi Giáo, nhưng vì năm Âm Lịch Hồi Giáo chỉ có 354 ngày nên số năm của Âm Lịch Hồi Giáo đã bị dư ra 42 năm (1420-1378=42).

9. Hôn lễ Hồi Giáo.-

Tại các vùng thôn quê Hồi Giáo, việc hôn nhân của con cái hầu như đều do cha mẹ quyết định. Tại thành thị và trong giới học thức, các thanh niên nam nữ thường hẹn hò nhau một cách kín đáo tại nhà riêng. Nói chung, tại các nước Hồi Giáo hầu như không có cảnh trai gái tình tự công khai trên đường phố hay tại công viên. Tuyệt đại các tín đồ Hồi Giáo quan niệm hôn nhân là sự liên kết giữa hai gia đình hơn là sự kết hợp của hai cá nhân. Do đó, lễ cưới được coi là một sinh hoạt đặc biệt của cộng đồng (làng, bộ lạc...) nên mọi người trong cộng đồng đều được mời đến nhà chú rễ ăn một bữa tiệc vui. Trong tiệc cưới, nam nữ phải ngồi riêng.

Trong đạo Công Giáo, hôn lễ được coi là một phép bí tích nên hôn lễ phải được cử hành tại nhà thờ và do một linh mục chủ lễ. Trái lại, đạo Hồi không có phép bí tích nên không có một nghi lễ tôn giáo nào dành cho hôn nhân. Các lễ cưới đều diễn ra tại nhà riêng một cách đơn giản trong im lặng.

10. Tang lễ Hồi Giáo.-

Trong đạo Hồi, không có một nghi lễ tôn giáo nào cho việc mai táng người chết. Các xác chết không được đưa đến nhà thờ, chỉ cần người nhà tắm rửa xác chết sạch sẽ, bọc xác bằng vải trắng, cho vào hòm đem chôn. Luật Hồi Giáo cấm thiêu xác chết vì họ tin rằng xác loài người sẽ sống lại trong Ngày Phán Xét Cuối Cùng (The Last Judgement Day). Thân nhân người chết phải tự chế cảm xúc, không được gào thét quá đáng vì làm như vậy là không tin vào

lòng nhân từ vô cùng của Thiên Chúa và không tin xác loài người sẽ sống lại. Sự chết chỉ là tạm thời, sự sống mới là vĩnh cửu!

Khi đặt người chết xuống huyệt, phải quay đầu người chết về hướng Thánh địa Mecca.

11. Chuỗi hạt Subha.-

Allah là Thiên Chúa Duy Nhất (Allah is The Unity God) nhưng Muhammad đã ca ngợi Allah bằng 99 tên khác nhau trong kinh Koran: Đấng Hằng Sống (The Everliving) Đấng Tự Hữu (The Self-Subisting), Đấng Tối Cao (The Most High) Đấng Thông Biết Mọi Sự (The All-Knowing), Đấng Toàn Năng (The Almighty), Đấng Tạo Hóa (The Creator), Đấng Lòng Lành Vô Cùng (The Merciful, The Compassionate) Đấng Nhìn Thấy Mọi Sự (All-Seeing Deity) Đấng Biết Mọi Sự Hữu Hình và Vô Hình (The Knower of The Seen and Unseen) v.v...

Các tín đồ Hồi Giáo phải học thuộc 99 tên của Thiên Chúa. Để giúp tín đồ đếm đủ 99 tên này, giáo phái Sufis đã sáng chế ra chuỗi hạt SUBHA vào thế kỷ 14. Chuỗi hạt này tương tự như chuỗi hạt Mân Côi (Rosary Beads) của Công Giáo. Chuỗi hạt của Công Giáo có 50 hạt, chuỗi hạt của Subha chỉ có 33 hạt mà thôi. Tuy nhiên, mỗi khi lần hạt Bubha, các tín đồ phải lần hạt liên tiếp 3 lần cho đủ 99 tên của Thiên Chúa (33x3=99).

12. Chế độ ăn uống.-

Chế độ ăn uống của các tín đồ Hồi Giáo đã được qui định một cách chặt chẽ trong kinh Koran:

- Tuyệt đối cấm uống rượu, dù là rượu nhẹ. Ngay cả trong trường hợp bị bệnh cũng không được uống thuốc có pha rượu. Do luật cấm nghiêm ngặt này nên hầu hết các tiệm bán rượu của người ngoại quốc trong các nước Hồi Giáo thường bị các tín đồ cực đoan đốt phá bình địa.
- Tuyệt đối cấm ăn thịt heo.
- Cấm ăn huyết của mọi sinh vật.
- Cấm ăn thịt các súc vật đã chết một cách tự nhiên.
- Các tín đồ chỉ được ăn thịt được sản xuất theo đúng luật Hồi Giáo gọi là HALAL MEAT:

Người giết súc vật phải giết nó khi còn đang sống và khi giết nó phải cầu nguyện nhân danh Chúa. Sau khi xẻ thịt súc vật phải rửa thịt cho sạch máu.

Tại Mỹ và Canada, các tiệm bán thịt theo luật Hồi Giáo đều có treo bảng với hàng chữ HALAL Meat.

13. Đặt tên cho con.-

Các tín đồ Hồi Giáo trên khắp thế giới thường đặt tên con bằng tên của giáo chủ Muhammad, các vị vua (Caliphs) kế vị Muhammad như Abu, Umar, Uthman và Ali, các cháu ngoại của Muhammad là Hasan và Husayn hoặc bằng các tên ghép với tên Allah của Thiên Chúa như: Abdallah (tôi tớ của Thiên Chúa/Servant of God) Abdul-Rahman (Tôi tớ của Đấng Nhân Lành vô cùng/Servant of the All-Merciful). Các cô con gái thường được cha mẹ đặt theo tên các bà vợ nổi tiếng của Muhammad như Khadija, Aisha hoặc tên con gái của Muhammad là Fatima.

14. Thiên đàng nhục dục của kinh Kroan và tinh thần tử đạo của thanh niên Hồi Giáo.- (The koranic paradise and the martyrdom)

Không có một tôn giáo nào mô tả Thiên Đàng là một khu vườn với những lạc thú vật chất và nhất là những lạc thú nhục dục tuyệt đỉnh với những cô gái trinh đẹp tuyệt vời và trẻ mãi không già... như trong kinh Koran. Người ta gọi Thiên Đàng của Hồi Giáo là Thiên Đàng của lạc thú (The Paradise of Delights) hoặc Thiên Đàng của Kinh Koran (The Koranic Paradise).

Kinh Koran (47:15) cho biết trên thiên đàng có những con sông với những dòng nước nguyên chất (rivers of purest water) những con sông sữa tươi không bao giờ hư (rivers of milk for ever fresh) và những con sông mật ong trong sạch nhất (rivers of clearest honey). Chương 56:16-39 mô tả thiên đàng là những khu vườn lạc thú (garden of delights) và mọi người lên thiên đàng đều trở thành những thanh niên trẻ mãi không già (Immortal Youth). Điều đặc biệt nhất là trên thiên đàng Hồi Giáo có các cô gái trinh đẹp tuyệt vời với những cặp mắt đen huyền vô cùng quyến rũ (the dark-eye houris).

Thiên Chúa Allah đã phán rằng: "Ta đã tạo ra các cô trinh nữ tuyệt vời đó, giữ cho họ mãi mãi trinh trắng với tình yêu nồng nàn để làm phần thưởng cho những ai làm việc phải" (We created the hourist and made them virgins, loving compassion, a reward for those on the right hand - Koran: surah 56).

Hầu hết các thanh niên Hồi Giáo cuồng tín đều ước mơ sớm được lên thiên đàng lạc thú. Con đường ngắn nhất và bảo đảm nhất để họ đạt được mục đích này là sẵn sàng tử đạo trong các cuộc thánh chiến (Jihad). Kinh Koran hứa rằng: "Những ai bị giết vì Chúa đều được vào thiên đàng lạc thú" (As for those who are slain in the cause of God, He will admit them to the Paradise of Delight). "Đừng bao giờ nghĩ rằng những người bị giết vì Chúa sẽ chết. Họ sẽ sống mãi, không có gì phải sợ hãi hoặc hối hận, hãy vui hưởng các hồng ân của Chúa. Chúa không bao giờ từ chối phần thưởng dành cho các tín đồ của Ngài" (Never think that those who were slain in the cause of God are dead. They are alive and well provided for by the Lord. Have nothing to fear or to regret, rejoicing in God's grace. God will not deny the faithful their reward - Koran 3:169).

Tên khủng bố Atta là phi công chủ chốt lái máy bay lao vào tòa cao ốc ở New York ngày 11-9-2001 đã tắm rửa sạch sẽ và nai nịt hạ bộ của y cẩn thận trước khi thi hành công tác khủng bố này. Y đã chuẩn bị sẵn sàng để đi vào thiên đàng lạc thú với những người đẹp muôn đời của y.

15. Những ngày lễ hội quan trọng nhất trong năm.-

a. *Lễ hội chấm dứt mùa chay Ramadan* (The end of Ramadan).- Mùa chay kham khổ của các tín đồ Hồi Giáo trên toàn cầu kéo dài ròng rã suốt tháng 9 Âm lịch. Ngày 1 tháng 10 Âm lịch Hồi Giáo là ngày vui nhất trong năm của người Hồi Giáo, cũng tương tự như tết Nguyên Đán của người Trung Hoa và Việt Nam.

b. *Lễ Mừng Sinh Nhật của giáo chủ Muhammad* (Mawlid). Giáo phái Sunni (chiếm 80% tổng số tín đồ) mừng sinh nhật của Muhammad vào ngày 12 tháng 3 Âm lịch, giáo phái Shiite (chiếm 12%) mừng sinh nhật vào ngày 17-3 Âm lịch Hồi Giáo, tức sau 5 ngày. Các quốc gia

công nhận đạo Hồi là quốc giáo coi ngày lễ này như ngày quốc khánh, khắp nơi trong cả nước tưng bừng treo cờ, kết hoa và chăng đèn tương tự như Lễ Noel tại các nước Ki Tô Giáo Tây Phương.

c. *Lễ Mừng Muhammad lên trời* (Miraj). Giáo phái Sufis tin rằng Muhammad đã lên trời cả hồn và xác như Jesus. Lễ Miraj cũng tương tự như Lễ Thăng Thiên (Ascension) của Ki Tô Giáo. Cả hai vị giáo chủ nầy đều được tin rằng đã lên trời tại Jerussalem. Jesus đã tự mình bay lên trời, còn Muhammad được thiên thần Gabriel trao cho một con ngựa thần có cánh (Buraq) chở ông bay về trời. Giáo phái Sufis Thổ Nhĩ Kỳ thường tổ chức các cuộc hòa nhạc kích động và các cuộc khiêu vũ tưng bừng để mừng lễ này.

d. *Lễ hội Ashura kích động hận thù của giáo phái Shiite*.- Vào ngày 10 tháng Giêng năm 680, cháu ngoại của Muhammad là Husayn (con trai của Ali và Fatima) bị triều đại Ummayad (theo giáo phái Sunni) sát hại. Giáo phái Shiite chọn ngày này làm lễ kỷ niệm gọi là Ashura, tương tự như Ngày Thứ Sáu Tuần Thánh (Good Friday) của Ki Tô Giáo.

Đây là ngày kỷ niệm mang đầy kịch tính nhằm gây xúc động tột độ nơi các tín đồ. Ở khắp nơi diễn ra những cảnh tượng quân Ummayads hành hạ Husayn và cuối cùng Husayn bị chém đầu . Các tín đồ khóc sướt mướt, đồng thời la hét nguyền rủa quân Ummayads. Buổi lễ được kết thúc bằng một đám rước khổng lồ với chiếc đầu giả của Husayn. Lễ Hội Ashura gây xúc động nhiều nhất là ở Iran và Ấn Độ (New Delhi). Iraq có 60% tín đồ theo giáo phái Shiite nhưng bị Saddam Hussein theo giáo phái Sunni đàn áp. Từ 1979, chế độ Saddam đã sát hại nhiều trăm ngàn tín đồ Shiite cực đoan theo báo cáo của Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc (Houston Chronicle, Sunday May 18-2003, page 23A).

Charlie Nguyễn

SỰ BÀNH TRƯỚNG ĐẠO HỒI

Trong lịch sử thế giới, chưa từng có một tôn giáo nào bành trướng một cách mạnh mẽ và nhanh chóng cho bằng đạo Hồi. Từ một nhóm người du mục sống trong một ốc đảo heo hút giữa sa mạc Syro-Arabia đã mau chóng biến thành những con người đầy quyền lực tung hoành từ Cận Đông đến Âu Châu và từ Bắc Phi đến tận các nước Châu Á:

- Chỉ trong vòng 10 năm kể từ ngày giáo chủ Muhammad qua đời (632-642) quân Hồi Giáo Ả Rập đã chiếm trọn bán đảo Arabia (rộng gấp 8 lần Việt Nam), chiếm Iraq, Syria, Palestine, Ai Cập và phía Tây nước Iran.

- Trong 2 năm (648-649), quân Hồi chiếm Carthage, Tunisia.

Một điều làm cho cả thế giới kinh ngạc là lần đầu tiên người Ả Rập chiếm một nước Âu Châu, đó là Hy Lạp.

- Thừa thắng xông lên, người Hồi Giáo Ả Rập mở cuộc chiến tranh đánh Tây Ban Nha. Sau 5 năm, người Hồi chiến thắng đã chiếm trọn nước Âu Châu rộng lớn và nổi tiếng sùng đạo Công Giáo nhất thời bấy giờ.

- Năm 712, quân Hồi Giáo chiếm trọn Iran (Ba Tư) và dùng nước này làm bàn đạp tiến quân đánh chiếm các nước Trung Á ở phía nam nước Nga, chiếm vùng Bắc Ấn rộng lớn (nay là Pakistan và Afganistan) và xâm nhập phía Tây Trung Quốc - Quân Hồi bị quân nhà Đường chận lại tại sông Talas nên phải rút về Trung Á.

Sự xuất hiện và bành trướng của đạo Hồi trong thế kỷ 7 hung bạo dữ dội như cơn gió xoáy (tornado) khiến cho cả thế giới phải kinh hoàng.

Chúng ta thử tìm hiểu những nguyên nhân nào đã khiến cho đạo Hồi có thể bành trướng với tốc độ vũ bão như vậy. Các sử gia đã phân tích 3 nguyên nhân sau đây:

Nguyên nhân 1: Qua nhiều ngàn năm sống trên các cánh đồng cỏ ở sa mạc Syro-Arabia, kiếp sống lang thang của những người Ả Rập càng ngày càng trở nên khó khăn vì đất đai ngày càng trở nên khô cằn. Từ thế kỷ 6, bộ lạc Quraysh (tổ tiên của Muhammad) có sáng kiến bỏ nghề du mục để chuyển hẳn sang nghề thương mại. Họ tổ chức các cuộc đi buôn đường xa với những đoàn lữ hành (caravans) gồm hàng trăm người và rất nhiều ngựa, lạc đà để chở hàng hóa lương thực, lều vải, vũ khí... Dần dần, thị trường ngày càng được mở rộng, nhu cầu thương mại gia tăng, những đoàn lữ hành có thể gia tăng lên tới nhiều ngàn người.

Do nhu cầu tự vệ, mọi người trong đoàn lữ hành đều phải học cưỡi ngựa, cưỡi lạc đà, luyện tập sử dụng các thứ vũ khí như gươm giáo cung tên, kể cả võ thuật và chiến thuật quân sự. Ngoài ra, họ học nói nhiều ngoại ngữ, học cả địa lý và phong tục tập quán của các nước lân cận để gia tăng khả năng giao dịch thương mại. Trải qua nhiều thập niên, những thương gia (traders) Ả Rập trở thành những người đa tài, đa năng và đa hiệu. Họ chẳng những là những thương gia rành nghề mà còn là những quân nhân thiện chiến, kỹ luật và còn là những người lãnh đạo quần chúng.

Vào đầu thế kỷ 7, Mecca là thủ phủ của những người Quraysh đã trở nên một trung tâm thương mại lớn nhất tại Trung Đông. Những người Quraysh không còn có dáng dấp quê mùa nghèo khổ của thế kỷ trước nữa trái lại họ đã trở thành những người văn minh giàu có. Điều đó làm cho nhiều bộ lạc Ả Rập khác phải thèm muốn và cố gắng noi theo. Một trong những bộ lạc nổi tiếng hung dữ là bộ lạc Bedouins bắt chước bộ lạc Quraysh đã bỏ nghề du mục và tham gia vào các đoàn caravans của Mecca.

Vào giữa thế kỷ 7, gặp cơ hội đạo Hồi phát triển, các bộ lạc Ả Rập, nhất là Quraysh và Bedouin, đã nô nức nhập cuộc dùng tôn giáo làm phương tiện bành trướng lãnh thổ để thay đổi môi trường sống tại bán đảo Ả Rập quá cằn cỗi.

Nguyên nhân 2: Từ thế kỷ 4 đến thế kỷ 7, toàn vùng Trung Đông và Bắc Phi bị hai đế quốc Byzantine và Sassanian thay phiên nhau thống trị. Đế quốc Byzantine là hậu thân của đế quốc La Mã, được Đại Đế Constantine thành lập năm 330, đặt thủ phủ tại hải cảng Byzantine của Hy Lạp. Từ đời Constantine (thế kỷ 4) đến đời hoàng đế cuối cùng của đế quốc Byzantine vào giữa thế kỷ 15, tất cả đều là những hoàng đế theo Ki Tô Giáo Đông Phương (Eastern Christian Church) sau này trở thành Chính Thống Giáo. Đế Quốc Sassanian là đế quốc Ba Tư, tồn tại 427 năm (từ năm 224 đến 651). Các hoàng đế của đế quốc Sassanian đều theo đạo Hỏa Giáo (Zoroastrianism). Cả hai đế quốc nói trên đánh nhau liên miên suốt 4 thế kỷ, đến đầu thế kỷ 7 thì cả hai đế quốc này đều bị kiệt quệ tạo nên một khoảng trống quyền lực (a power vacuum) tại Trung Đông và Bắc Phi. Do đó, những đoàn kỵ binh của Hồi Giáo Ả Rập đã tiến vào lãnh thổ của cả hai đế quốc này như tiến vào chỗ không người.

Nguyên nhân 3: Giáo lý đạo Hồi là sản phẩm của người Ả Rập nên được người Ả Rập đón nhận một cách dễ dàng và tự nhiên. Từ thời xa xưa, người Ả Rập đã chấp nhận niềm tin của Abraham, nghĩa là tin có Thiên Chúa (tiếng Ả Rập gọi là Allah) tin có Thiên đàng, Hỏa ngục, tin có các thiên thần v.v... Cho nên người Ả Rập không coi Hồi Giáo như một đạo ngoại lai mà là đạo cổ truyền của dân tộc. Văn thơ trong kinh Koran đối với người Ả Rập là những áng thơ văn tuyệt tác. Mỗi khi họ đọc kinh Koran là một dịp họ ngâm thơ, họ cảm thấy những vần thơ đó rất hấp dẫn vì rất hợp với khiếu thẩm mỹ văn chương của họ. Ý niệm thánh chiến (Jihad) và ý niệm tử đạo (martyrdom) hoàn toàn phù hợp với tâm lý vốn hung bạo của người Ả Rập vì họ rất quen thuộc với cuộc sống đầy bất trắc tại sa mạc. Kinh Koran mô tả thiên đàng rất hấp dẫn đối với các chiến binh trẻ tuổi: Sau khi chết trận, được coi như tử đạo, sẽ được Chúa cho lên thiên đàng để hưởng đủ lạc thú cho đến muôn đời. Lạc thú độc đáo nhất mà chỉ đạo Hồi mới có, đó là những người chết trận hoặc tử đạo đều được những cô gái trinh tuyệt đẹp đón tiếp và phục vụ lạc thú tình dục cho đến muôn đời vì mọi người ở thiên đàng đều trẻ mãi không già! Niềm tin đặc biệt này đã là một yếu tố tâm lý quan trọng khiến cho những người lính Hồi Giáo trở thành những chiến sĩ rất dũng cảm trong các cuộc thánh chiến. Chỉ vì cuồng tín, những đoàn quân Hồi Giáo đã lập nên những chiến công oanh liệt như những kỳ tích vượt xa sự dự tưởng của mọi người.

Những cuộc chiến tranh mở rộng nước Chúa của Hồi Giáo (Kingdom of Allah) từ ngày lập đạo tới nay có thể được chia ra làm hai thời kỳ:

- *Thời kỳ I* - từ thế kỷ 7 đến thế kỷ 13: Đạo Hồi bành trướng và phát triển tạo thành một số quốc gia theo đạo Hồi, đứng đầu cộng đồng Hồi Giáo là một vị vua được gọi là Caliph, có nghĩa là "người kế vị giáo chủ Muhammad về phương diện thế quyền ". Xin ghi thêm ở đây là đạo Hồi tin giáo chủ Muhammad là thiên sứ cuối cùng của Allah cho nên không một ai có quyền tự xưng là kẻ thừa kế của Ngài về phương diện thần quyền.

- *Thời kỳ II* - từ thế kỷ 13 đến thế kỷ 20: Do những biến cố đặc biệt của thế giới đã đưa đến sự hình thành ba đế quốc Hồi Giáo. Trước hết là sự xâm lăng của quân Mông Cổ chiếm các nước Trung Đông và sau đó chiếm các nước Bắc Ấn và nhiều nước Á Châu khác tạo thành một đế quốc Mông Cổ rộng lớn. Từ cuối thế kỷ 13, nhiều hoàng đế Mông Cổ theo đạo Hồi đã tạo nên đế quốc Hồi Giáo Mughul (do chữ Mongol mà ra). Trong thế kỷ 15, tại Âu Châu, người

Thổ Nhĩ Kỳ Hồi Giáo chế ra thuốc súng và lập ra binh chủng pháo binh đầu tiên trên thế giới. Dựa vào sức mạnh quân sự, người Thổ Hồi Giáo xua quân đánh chiếm nhiều nước trên cả 3 lục địa Âu, Á, Phi và lập nên đế quốc Ottoman. Cuối cùng, dân tộc Azerbaizan ở tây nam biển Caspian bỗng nhiên trở nên hùng mạnh vào đầu thế kỷ 16, cất quân đánh chiếm nhiều nước Âu Châu và Trung Đông tạo thành đế quốc Safavids theo giáo phái Shiite.

I. THỜI KỲ CAI TRỊ CỦA CÁC CALIPHS
(The Caliphate Rulers)

*Bốn người kế vị đầu tiên của Muhammad (632-661):

Danh từ Hồi Giáo Ả Rập gọi chung cả bốn vị thừa kế đầu tiên của giáo chủ Muhammad là RASHIDUN - Họ được coi là 4 trụ cột của Hồi Giáo trong thời kỳ sơ khai. Họ đã lần lượt thay thế nhau trong 29 năm kể từ khi Muhammad qua đời, nhưng những việc làm của họ đã có những ảnh hưởng hết sức lớn lao cho sự tồn vong của đạo Hồi. Bốn vị đó là : Abu Bakr, Umar Khattab, Uthman Affan và Ali Talib.

1. Abu Bakr (632-634). Sau khi Muhammad qua đời, cộng đồng Hồi Giáo non trẻ lâm vào tình trạng hỗn loạn vì không có lãnh đạo. Không một ai được đa số tín đồ Hồi Giáo tín nhiệm bầu lên làm người kế vị Muhammad. Trước tình thế bế tắc đó, Abu Bakr tự động đứng lên dành quyền lãnh đạo. Ông là một thương gia giàu có và có uy tín bậc nhất ở Mecca. Ông đã nghiêm khắc ra 2 lệnh cấm khẩn cấp để bảo vệ đạo Hồi và cộng đồng Hồi Giáo:

- Tuyệt đối cấm không một tín đồ nào được rời bỏ cộng đồng Hồi Giáo (Islamic confederacy)

- Không một ai được tự xưng là tiên tri vì Muhammad là vị tiên tri cuối cùng của Thiên Chúa trên thế gian này.

Abu Bakr đã mau chóng phá tan các âm mưu chia rẽ cộng đồng Hồi Giáo và chỉ sau 2 năm, toàn bán đảo Ả Rập đã theo đạo Hồi. Bán đảo Ả Rập rất rộng lớn, (gấp 8 lần diện tích Việt Nam) hiện được chia thành nhiều quốc gia độc lập: Saudi Arabia, Yemen, Quatar, Omar và Emerite.

2. Umar Khattab (634-644). Sau khi Abu Bakr qua đời, Umar được bầu làm người kế vị (Caliph) cai quản cả một cộng đồng Hồi Giáo rộng lớn trên toàn bán đảo Ả Rập.

Umar là một thiên tài quân sự kiệt xuất trong lịch sử Hồi Giáo. Ông đã ban hành trên toàn lãnh thổ Ả Rập những biện pháp sau đây:

- Để bảo toàn lực lượng Hồi Giáo, các bộ lạc trong Cộng đồng đạo Hồi tuyệt đối không được đánh nhau.

- Mọi người nam giới trong các bộ lạc trên lãnh thổ bán đảo Ả Rập đều là các binh sĩ, tất cả đều được huấn luyện quân sự và được sắp xếp thành các đơn vị quân đội. Umar tự xưng là "Tư lệnh của các tín đồ" (The commander of the faithful). Sau hai năm huấn luyện các binh sĩ và trang bị vũ khí đầy đủ, Umar bắt đầu mở mang nước Chúa bằng sức mạnh quân sự:

* Năm 636, Umar đích thân chỉ huy quân Hồi Giáo chiếm Iraq và Syria.

* Năm 637, Umar chiếm toàn lãnh thổ của đế quốc Sassanian (Ba Tư) và chiếm thành phố lớn nhất của đế quốc Byzantine là Anatolia.

* Năm 638, Umar xua quân chiếm Palestine và thánh địa Jerusalem.

* Năm 641, Umar chiếm toàn bộ các nước Bắc Phi gồm Ai Cập, Algeria, Tunisa và Maroc.

Một điều đáng chú ý là những đoàn quân Hồi Giáo đã tiến chiếm những vùng đất xa xôi thuộc nhiều hướng khác nhau nhưng vị chỉ huy tối cao là Umar vẫn đặt bản doanh ở Medina, một ốc đảo trong sa mạc Syro - Arabia. Ông chỉ huy các đoàn quân Hồi Giáo trên những sa bàn và những bản đồ tại văn phòng của ông. Dưới sự lãnh đạo kiệt xuất của Umar trong 10 năm, Hồi Giáo từ một giáo phái nhỏ ở sa mạc đã biến thành một đế quốc rộng lớn. Các tín đồ Hồi Giáo cho đó là một phép lạ của Allah, trong khi Âu Châu bắt đầu cảm thấy e ngại trước sự lớn mạnh của một tôn giáo mới.

Họ gọi đạo Hồi là "đức tin của bạo lực" (A violent faith) hoặc là một "tôn giáo quân phiệt" (a militaristic religion). Vào một ngày định mệnh trong tháng 11 năm 644, trong khi Umar đang cầu nguyện trong đền thờ tại Medina thì bị một tù binh người Ba Tư đâm chết.

3. Uthman (644-656). Uthman là cánh tay mặt và phục vụ dưới trướng của Umar 10 năm. Uthman đã học hỏi được nhiều kinh nghiệm về tài thao lược quân sự của người tiền nhiệm. Vào lúc nầy, Hồi Giáo là một quyền lực quân sự lớn ở trong vùng vì họ đã tịch thu được rất nhiều chiến lợi phẩm quân sự và tích lũy được rất nhiều tài nguyên kinh tế dự trữ tại các vùng chiếm đóng. Dưới sự lãnh đạo tài ba của Uthman trong 12 năm, quân Hồi đã lập nên nhiều kỳ tích chưa từng thấy:

- Trước hết, quân Hồi chiếm Hy Lạp và nhiều nước phía đông Địa Trung Hải.

- Mấy năm sau, một cánh quân tiến về phía Tây chiếm Libya.

- Một cánh quân khác tiến về phía đông chiếm nước Âu Châu Armenia, tiến vào miền Caucase của Nga. Trong khi đó một cánh quân khác tràn xuống phía nam đánh chiếm Bắc Ấn Độ (tức Afganistan và Pakistan ngày nay).

Tới lúc này, Hồi Giáo đã thành một đế quốc mênh mông kéo dài từ Âu sang Á tới Bắc Phi. Những quân lính Ả Rập Hồi Giáo hầu hết đều đã xa nhà trên 10 năm, phần đông đều cảm thấy chán nản. Nhiều tướng lãnh Hồi Giáo xa chủ tướng đã quá lâu nên cũng mất đi tình thân ban đầu.

Năm 656, một nhóm tướng và binh sĩ bất mãn đã bất thần trở về Medina vây bắt và giết chết Uthman tại chỗ. Nhóm này đưa Ali Talib lên làm vị Caliph thứ tư của Hồi Giáo.

4. Ali Talib (656-662). Vụ sát hại Uthman để đưa Ali lên thay là một biến cố vô cùng tai hại cho Hồi Giáo trong suốt nhiều thế kỷ qua và có thể còn kéo dài mãi mãi về sau. Ali là em họ và đồng thời là con rễ của Muhammad. Khi vừa được bầu lên làm Caliph, Ali đã gặp phải sự chống đối của Muawiyah là người nhà của Uthman. Muawiyah lúc đó là quan toàn quyền Hồi Giáo cai trị Syria lên tiếng chỉ trích Ali đã không trừng phạt kẻ sát hại Uthman. Ali mang quân đến đánh Muawiyah nhưng hai bên đánh nhau khá lâu không phân thắng bại nên phải ngưng chiến. Năm 662, Ali bị ám sát chết. Muawiyah tự cho mình là người đang nắm quyền lực quân sự mạnh nhất nên tự xưng là Caliph lãnh đạo cộng đồng Hồi Giáo. Y tự ý dời thủ đô Hồi Giáo

từ Medina về Damacus lúc đó là thủ đô của Syria. Muawiyah mở đầu cho một triều đại Hồi Giáo kéo dài tới 6 thế kỷ. Đó là triều đại Umayyad (Umayyad Dynasty) gồm những vị vua cai trị các nước Hồi Giáo, tất cả đều tự xưng là Caliph (661-1250). Do đó, tất cả các vua Hồi Giáo thuộc triều đại Umayyad đều được gọi chung là "Caliphate Rulers", có nghĩa là các nhà lãnh đạo cộng đồng với tư cách là người kế vị Muhammad.

Riêng cá nhân Muawiyah cai trị toàn bộ cộng đồng Hồi Giáo rộng lớn trong 19 năm. Ông biến những người theo ông thành một giai cấp quí tộc mới, nói đúng hơn là một giai cấp thống trị (a ruling class). Chủ thuyết của Muawiyah là cai trị dân bằng sức mạnh quân sự (military aristocracy). Muawiyah chết vì bệnh năm 680.

Trong thời gian đó, những người Hồi Giáo thân Ali đã lập ra một giáo phái mới là giáo phái Shiite. Số tín đồ Hồi Giáo còn lại được gọi chung là Sunni, có nghĩa là Đa số. Năm 680, vua Yazid (con của Muawiyah) đến Medina chặn bắt con trai của Ali là Husayn và giết nhiều người thuộc giáo phái Shiite. Năm sau (681), Yazid mang quân trở lại Medina (nơi ở cuối cùng của Muhammad) tàn phá và dìm thành phố thánh địa này trong biển máu. Để trả thù, giáo phái Shiite mang quân chiếm thánh địa Mecca và tàn phá nặng nề thành phố này. Từ đó đến nay, trải qua trên 13 thế kỷ, hai giáo phái Sunni và Shiite thường xuyên xung đột nhau nhiều trận đẫm máu. Số người tử trận cả hai bên có thể lên tới nhiều chục triệu người. Đây là một thảm họa lớn nhất trong lịch sử thế giới Hồi Giáo.

II. THỜI KỲ CỦA NHỮNG ĐẾ QUỐC HỒI GIÁO - TỪ THẾ KỶ 13 ĐẾN THẾ KỶ 20.

1. Đế Quốc Mughul - Mughul là tiếng phiên âm Ả Rập để gọi người Mông Cổ (Mongol). Người sáng lập đế quốc Mông Cổ là Thành Cát Tư Hãn (Genghis Khan 1162-1227). Thoạt đầu ông thống nhất các bộ lạc du mục Mông Cổ vốn có tài cưỡi ngựa và bắn cung. Sau đó ông huấn luyện và tổ chức họ thành quân ngũ và biến họ thành những đoàn kỵ binh bách chiến bách thắng. Với đoàn quân hùng mạnh này, Thành Cát Tư Hãn đã lần lượt đánh chiếm nhiều nước từ Á sang Âu tới tận Trung Đông và Phi Châu. Luật tác chiến rất nổi tiếng của Thành Cát Tư Hãn là : Hễ tới nơi nào ngoan ngoãn đầu hàng thì tha, bất cứ một thành phố hay làng mạc nào chống cự đều bị phá bình địa và tất cả mọi người dân không kể già trẻ lớn bé đều phải chết!

- Năm 1219, quân Mông Cổ của Thành Cát Tư Hãn đánh chiếm Thổ Nhĩ Kỳ. Vua Thổ cùng đoàn tùy tùng bỏ chạy bị quân Mông Cổ truy kích qua Iran tới tận Azerbaizan thì bị bắt. Quân Mông Cổ tới đâu đều để lại phía sau sự đổ nát hoang tàn.

- Năm 1231, hàng loạt các thành phố nổi tiếng của Hồi Giáo như Baghdad, Bukhara, Damacus... đều bị đốt phá bình địa với những xác chết la liệt trên đường phố. Dân chúng sợ hãi lũ lượt kéo nhau chạy qua các nước lân cận.

- Năm 1255, Mông Cổ hoàn thành một đế quốc rộng lớn bao la bao gồm Trung Quốc, Cao Ly, Ngoại Mông, hàng chục nước Trung Á và Bắc Ấn Độ, Syria, Palestine, Thổ Nhĩ Kỳ.

Nhưng một biến cố quan trọng đã xảy ra cho cả Hồi Giáo lẫn Mông Cổ, đó là vào năm 1295, hoàng đế Mông Cổ Ghazan Khan theo đạo Hồi thuộc giáo phái Sunni. Từ đó về sau, các hoàng đế Mông Cổ đều theo đạo Hồi. Càng về sau, các quan và cả triều đình Mông Cổ trong

đế quốc đều thành những tín đồ Hồi Giáo thành tín. Các học sĩ Hồi Giáo Ả Rập (Ulama) được trọng dụng, nhất là trong việc soạn thảo các bộ luật hình sự và dân sự phỏng theo luật Hồi Giáo Sharia.

Hoàng đế Mông Cổ Timur Lenk đóng đô tại Thổ Nhĩ Kỳ xua quân đánh chiếm Iran năm 1387, chiếm hải cảng Golden Horde của Nga năm 1395, chiếm Ấn Độ năm 1398, tàn phá thủ đô New Delhi và giết hàng chục ngàn tù binh Hindu tại đây. Năm 1400,Timur chiếm hai nước Iran và Iraq. Tại đây, Timur ra lệnh tàn sát hàng triệu người thuộc giáo phái Shiite. Vì quá say máu chiến thắng, năm 1404, Timur kéo quân ngược về phía Trung Á rồi vượt biên giới tiến đánh vào phía Tây Trung Quốc. Cuộc chiến kéo dài qua năm sau, Trung Quốc phản công giết quân Mông Cổ rất nhiều và bản thân Timur cũng bị tử trận trong năm 1405.

Những hoàng đế Mông Cổ kế tiếp chú trọng việc mở rộng đế quốc ở Châu Á:

- Năm 1478, đế quốc Mughul chiếm Indonesia và biến nước này thành nước Hồi Giáo. Ngày nay, Indonesia là một nước đông dân nhất của thế giới đạo Hồi với trên 200 triệu dân.

- Từ 1520 đến 1837, đế quốc Mughul cai trị toàn Ấn Độ. (Ấn Độ mang tên Mughul Empire of India). Hoàng đế Mông Cổ đóng đô tại New Delhi. Năm 1643, hoàng đế Mông Cổ cho xây ngôi mộ của hoàng hậu ở ngoại ô New Delhi rất nổi tiếng, đó là ngôi mộ Taj Mahal..

- Năm 1747, đế quốc Mughul chiếm Afganistan và cai trị nước này 100 năm.

Năm 1831, người Anh chiếm Ấn Độ và chấm dứt đế quốc Mughul trên lục địa Châu Á.

2. Đế quốc Ottoman (1289-1924)

Danh từ Ottoman xuất phát từ tên của một bộ lạc du mục là OSMAN ở phía tây Thổ Nhĩ Kỳ. Bộ lạc này bắt đầu khởi binh từ năm 1280. Chỉ trong 9 năm, họ chiếm một vùng lãnh thổ rộng lớn gồm có Tây Nam Á Châu, Đông Nam Âu Châu và Đông Bắc Phi Châu. Họ gọi đế quốc của họ là OTTOMAN. Những người lãnh đạo đế quốc này đều theo đạo Hồi thuộc giáo phái Sunni. Họ chẳng những nổi tiếng về tài năng thao lược quân sự mà còn nổi tiếng về khả năng chính trị rất khéo léo của họ. Nhờ vậy, đế quốc Ottoman đã tồn tại qua 7 thế kỷ.

- Năm 1389, quân Ottoman chiếm Albania và Kosovo, biến vùng này thành những nước theo Hồi Giáo.

- Năm 1444, quân Ottoman đánh tan Thập Tự Quân của giáo hoàng La Mã tại Bulgaria.

- Tháng 4.1453, quân Hồi Giáo Ottoman xóa sổ đế quốc Byzantine, tức đế quốc Ki Tô Giáo Đông Phương và chiếm thủ đô của đế quốc này là thành phố Constantinople. Điểm son của Ottoman là sau khi chiếm Constantinople và nhiều lãnh thổ của Byzantine, Ottoman công bố chính sách khoan dung tôn giáo đối với Do Thái Giáo và Ki Tô Giáo. Nhờ vậy, trong nhiều thế kỷ sau, Ottoman đã mở rộng thương mại với các nước Âu Châu Ki Tô Giáo và trong lãnh thổ đế quốc không có một cuộc nổi loạn nào. Tuy nhiên, đối với giáo phái Shiite, Ottoman có một chính sách quyết liệt không khoan nhượng.

- Năm 1467, Ottoman công bố thánh chiến với giáo phái Shiite, các tín đồ Shiite trong đế quốc bị lùng giết.

- Từ 1467 đến 1520, quân Ottoman tiến chiếm Syria, Ai Cập, Bắc Phi và toàn bán đảo Arabia.

- Từ 1520 đến 1534, quân Ottoman chiếm Nam Tư và một phần Âu Châu tới thủ đô Vienne của Áo.

- Năm 1606, Ottoman chiếm Romania, Hungaria, Ba Lan và Tiệp Khắc. Tới lúc này, đế quốc Ottoman trở thành siêu cường quốc tế (World Power).

Từ đầu thế kỷ 19, các cường quốc Âu Châu (Anh, Pháp, Đức) bắt đầu xâm chiếm các phần đất của Ottoman và dồn đế quốc này vào chỗ suy tàn.

3. Đế quốc Safavids của giáo phái Shiite (1501-1779)

Thoạt đầu Safavids là một nhánh của giáo phái Shiite xuất phát tại nước Azerbaizan ở tây nam biển Caspian.

Năm 1501, lãnh tụ của giáo phái Safavids là Esmail khởi binh chiếm luôn cả nước Azerbaizan. Esmail tự xưng là "Vua Hồi Giáo" (Sha/Sultan) và ra lệnh cho toàn dân phải theo đạo Hồi (giáo phái Shiite). Ít lâu sau, Esmail xua quân đánh chiếm các nước lân cận theo Chính Thống Giáo là Armenia, Georgia và vùng núi Caucase của Nga. Trong thời gian chiếm đóng, quân Hồi Safavids đã giết hại rất nhiều người Chính Thống Giáo. Riêng tại Armenia, số tín đồ Chính Thống Giáo bị giết lên tới một triệu người. Sau đó quân Safavids chuyển qua phía đông tấn công thành phố Anatolia để dằn mặt đế quốc Ottoman theo giáo phái Sunni. Trong khi đó, một nhóm khác thuộc giáo phái Shiite ở Ba Tư nỗi lên cướp chính quyền của giáo phái Sunni. Nhóm nổi loạn ra lệnh cho cả nước Ba Tư phải theo Shiite, ai bất tuân lệnh đều bị giết. Tất cả các học sĩ (Ulamas) lãnh đạo giáo phái Sunni đều bị chém đầu, không sót một ai. Kể từ đó, nước Ba Tư (Iran) trở thành một quốc gia toàn tòng theo giáo phái Shiite. Các vua Hồi Giáo Ba Tư được gọi là SHA, vừa là vua vừa là giáo chủ, phần đông đều cực đoan và hung dữ.

Phần đông các học sĩ Hồi Giáo Ba Tư đều theo môn phái triết học thần bí (mystical philosophy) tóm tắt như sau: "Chính trị và tôn giáo là một, không thể tách rời. Mọi cải cách xã hội không thể vượt quá tư tưởng tôn giáo".

Với bản chất cuồng tín cực đoan cố hữu của giáo phái Shiite, nay lại có thêm chủ thuyết thần bí của các Mullahs (học sĩ) giáo phái Shiite càng ngày càng trở nên cực đoan nguy hiểm. Họ luôn luôn có thái độ bất khoan dung với các tôn giáo khác, nhất là đối với giáo phái Hồi Giáo Sunni, chiếm 80% dân số đạo Hồi.

*

* *

Như đã trình bày trên đây, từ thế kỷ 13 đến thế kỷ 20, trong thế giới Hồi Giáo đã xuất hiện ba đế quốc riêng biệt và luôn tranh chấp với nhau. Cả ba đế quốc Hồi Giáo đã được thành lập và suy tàn vào những thời điểm khác nhau:

- Đế quốc Mughul thành lập đầu thế kỷ 13, suy tàn cuối thế kỷ 19.
- Đế quốc Ottoman thành lập cuối thế kỷ 13, suy tàn đầu thế kỷ 20.
- Đế quốc Safavids thành lập đầu thế kỷ 16, suy tàn trong thế kỷ 18.

Như vậy, hai đế quốc Hồi Giáo lớn mạnh nhất là Ottoman và Mughul đã cùng tồn tại song hành và chia nhau thống trị thế giới Hồi Giáo bao la trong 7 thế kỷ. Ít nhất là trong 200 năm, từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18, cả ba đế quốc Mughul, Ottoman và Safavids cùng tồn tại trong thế giới đạo Hồi (The Islamic World).

Từ thế kỷ 18 trở đi, các nước Âu Châu trở nên hùng cường mọi mặt đã đẩy lùi các đế quốc Hồi Giáo đến chỗ suy tàn. Khởi đầu là nước Nga đánh tan quân Ottoman ở vùng Biển

Đen năm 1774, chiếm lại Armenia và vùng núi Caucase. Năm 1792, Nga chiếm Georgia và Romania từ tay Ottoman.

Đầu thế kỷ 19, Nga chiếm toàn bộ miền Trung Á gồm nhiều nước theo đạo Hồi thuộc đế quốc Mughul.

(Sau Cuộc Cách Mạng Tháng Mười Nga năm 1917, các nước Hồi Giáo Trung Á đều biến thành các tiểu bang thuộc Liên Bang Xô Viết).

- Cũng trong đầu thế kỷ 19, Hòa Lan chiếm Indonesia và Mã Lai. Anh chiếm Ấn Độ bao gồm cả một tiểu lục địa (sau 1947, Ấn Độ bị chia thành nhiều nước: Pakistan, Bangladesh, Tích Lan và Ấn Độ).

- Cuối thế kỷ 19, Anh chiếm Ai Cập và Sudan. Pháp chiếm Algeria, Tunisia và Maroc.

- Đầu thế kỷ 20, Ý chiếm Lybia. Anh và Pháp chiếm Palestine, Jordan, Iraq, Syria và Liban.

Tóm lại, từ đầu thế kỷ 20, chỉ ngoại trừ một nước duy nhất là Thổ Nhĩ Kỳ, còn lại toàn bộ thế giới Hồi Giáo đều trở thành những thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Âu Châu.

Lịch sử bành trướng và phát triển của đạo Hồi luôn luôn gắn liền với chiến tranh và bạo lực. Vì thế đạo Hồi nổi tiếng là "tôn giáo của lưỡi gươm" (Religion of Sword) hoặc "tôn giáo quân phiệt" (Militaristic Religion). Kinh Thánh Koran của Hồi Giáo được gọi là "Cuốn sách của tử thần" (The Book of Death) và đức tin Hồi Giáo là: "đức tin hung bạo" (a violent faith). Trong hơn một thế kỷ qua, thế giới Hồi Giáo đã bị Tây Phương dồn vào thế suy kiệt mọi mặt. Họ không còn con đường nào khác hơn là thực hiện chủ nghĩa khủng bố. Về hình thức thì ngày nay chiến tranh có khác với ngày xưa, nhưng về thực chất thì chủ nghĩa khủng bố cũng là một hình thái của chiến tranh và bạo lực. Chỉ khác một điều: chủ nghĩa khủng bố là hình thái chiến tranh của những kẻ đã bị dồn vào thế yếu nhưng buộc phải chiến đấu với kẻ thù lớn mạnh hơn mình để tồn tại.

Nhìn về tương lai, chúng ta khó đoán được cuộc chiến tranh khủng bố sẽ đưa nhân loại đi về đâu, nhưng nhìn về quá khứ chúng ta phải công nhận sức mạnh của Hồi Giáo đã tạo nên nhiều thành tích quan trọng:

- Trong thế kỷ 7, Hồi Giáo Ả Rập tiêu diệt đế quốc Sassanian đã từng làm mưa làm gió ở Trung Đông trong 10 thế kỷ trước đó.

- Trong thế kỷ 15, Hồi Giáo Thổ Nhĩ Kỳ tiêu diệt đế quốc Ki Tô Giáo Byzantine (hậu thân của đế quốc La Mã) chặn đứng sự bành trướng của Ki Tô Giáo xuống bán đảo Ả Rập và Trung Đông.

- Nói chung, sự xuất hiện và phát triển lớn mạnh của đạo Hồi đã tạo nên một đối trọng ngang ngửa với Ki Tô Giáo và tựu trung Hồi Giáo đã phá tan tham vọng bá chủ toàn cầu của đế quốc Vatican.

Charlie Nguyễn

CÁI NÔI CỦA ĐẠO HỒI: BÁN ĐẢO Ả RẬP
TRONG THẾ KỶ 6 VÀ 7

Vị giáo chủ sáng lập đạo Hồi là Muhammad, sinh năm 570 tại thành phố Mecca, thủ đô của xứ Saudi Arabia ngày nay. Sau 23 năm viết sách Thánh Kinh Koran và thuyết giảng về đạo Islam, ông qua đời tại thành phố Medina, cách Mecca khoảng 40 miles về phía Bắc, hưởng thọ 62 tuổi.

Cuộc đời của Muhammad đã bắt đầu từ 30 năm cuối thế kỷ 6 và bắt cầu 32 năm sau qua thế kỷ 7. Tất cả những gì ảnh hưởng đến cuộc đời của Muhammad đều in dấu ấn trong thế giới đạo Hồi ngày nay. Vì vậy chúng ta cần phải tìm hiểu bối cảnh lịch sử của xã hội Ả Rập trong cả hai thế kỷ 6 và 7.

Khác với Kinh Thánh Cựu Ước Do Thái là một tập truyện, Kinh Thánh Koran gần như một cuốn nhật ký. Đọc Kinh Koran, người ta sẽ thấy rất nhiều nét đặc thù của đời sống du mục Ả Rập, các sinh hoạt thương mại của dân Mecca, các phong tục tập quán và tín ngưỡng cổ truyền của người Ả Rập, các cuộc chiến tranh của đế quốc Ki Tô Giáo Byzantine, đế quốc Hỏa Giáo Ba Tư v.v...

Tất cả đều được Muhammad phản ảnh trong kinh Koran. Do đó, khi đọc kinh Koran, chúng ta rất dễ dàng kiểm chứng các sự kiện bằng cách đối chiếu với lịch sử. Ngược lại, sự nghiên cứu lịch sử về bối cảnh bán đảo Ả Rập trong thế kỷ 6 và 7 sẽ giúp chúng ta hiểu biết rõ ràng hơn về Muhammad cũng như về đạo Islam.

1. Về địa dư:

Bán đảo Ả Rập là một hình chữ nhật chiều dài 1200 miles, rộng 900 miles. Diện tích trên một triệu dặm vuông, lớn bằng 1/3 Hoa Kỳ hoặc bằng 8 lần diện tích Việt Nam. Sở dĩ vùng này được gọi là bán đảo vì nó được bao bọc ba phía bởi biển hoặc đại dương: Đông giáp Vịnh Ba Tư, Nam giáp Ấn Độ Dương và phía Tây giáp Hồng Hải (Biển Đỏ). Phía Bắc của bán đảo này là vùng sa mạc hoang vu chạy dài tới biên giới Syria và Palestine. Người ta gọi nó là sa mạc Syro-Arabia vì nó ở giữa hai nước Ả Rập và Syria. Đi băng qua sa mạc này bằng đường bộ là một điều nguy hiểm nếu không dự trữ đủ nước uống. Khách lữ hành phải đi những quãng đường rất xa mới gặp được một ốc đảo (oasis). Các ốc đảo trong sa mạc được tạo thành do những hồ nước ngầm ở dưới mặt đất (underground pools). Khí hậu sa mạc rất khô, thường chỉ có mưa vào mùa xuân. Vùng có mưa nhiều nhất là miền cực nam bán đảo Ả Rập, tức nước Yemen ngày nay.

2. Dân cư:

Bán đảo Ả Rập ngày nay được chia thành nhiều quốc gia: Nước lớn nhất là Saudi Arabia 757 ngàn dặm vuông, 23 triệu dân. Yemen 203 ngàn dặm vuông, 10 triệu dân. Oman 2.5 triệu dân, Cộng Hòa Ả Rập Emirates 2.3 triệu dân và Quatar 1 triệu dân. Đa số dân Ả Rập là con cháu xa xưa của giống người ở Địa Trung Hải và miền núi Alpes ở Âu Châu. Về phương diện chủng tộc, người Ả Rập được xếp vào chủng tộc da trắng (Whites) như người Âu. Hầu hết người Ả Rập thời xưa sinh sống bằng nghề du mục. Do đó, chính họ đã tự đặt tên cho chủng tộc của mình là Arab có nghĩa là du mục (Arab means Nomad).

Người Ả Rập và Do Thái thù ghét nhau là do sự kỳ thị tôn giáo, sự thật Ả Rập và Do Thái đều cùng một chủng tộc. Theo Thánh Kinh Cựu Ước Do Thái thì sau cơn đại hồng thủy, cả nhân loại chết hết, chỉ còn lại một gia đình của ông Noah sống sót mà thôi. Con trai lớn của ông Noah là Shem trở thành tổ tiên của các giống dân Do Thái và Ả Rập. Do đó, phát sinh danh từ "Semites" để gọi chung Do Thái và Ả Rập. Semites có nghĩa là "con cháu của Shem" (Semites: Descendants of Shem).

Mới đây, một số nhà khoa học về nhân chủng đã làm một cuộc thử nghiệm DNA trên nhiều người Do Thái và nhiều người Ả Rập tại Iraq, Arabia, Yemen và Syria. Họ công bố kết quả thử nghiệm đã xác nhận người Do Thái và các giống dân Ả Rập đều cùng chung một mẫu DNA, tức cùng chung một nguồn gốc tổ tiên. Chẳng những vậy, họ đều có chung một nguồn gốc văn hóa từ Babylon. Ngôn ngữ cổ của Babylon là Sumerian, ngôn ngữ cổ Do Thái là Hebrew và ngôn ngữ Arabic đều có nhiều nét tương đồng. Ngôn ngữ của Muhammad và của Kinh Koran là ngôn ngữ Ả Rập (Arabic) hiện là ngôn ngữ chính của 250 triệu người thuộc nhiều quốc gia ở Trung Đông.

3. Chính Trị và Tôn Giáo:

Trong thế kỷ 6 và nửa đầu thế kỷ 7, toàn vùng Trung Đông bị chia thành hai miền đặt dưới sự khống chế của hai đế quốc: Đế quốc Ba Tư làm chủ miền đông gồm có Iran, Iraq, Syria và Arabia. Trong thời gian này, đế quốc Ba Tư chọn Hỏa Giáo (Zoroastrianism) làm quốc giáo và chọn Ctesiphon làm thủ đô. Đế quốc Byzantine làm chủ miền tây gồm có Hy Lạp, Do Thái, Palestine, Ai Cập và vùng Địa Trung Hải. Đế quốc Byzantine chọn Ki Tô Giáo làm quốc giáo và chọn Constantinople (nay là Istambul) làm thủ đô.

Hai đế quốc Ba Tư và Byzantine đánh nhau liên miên từ thế kỷ 2 đến thế kỷ 7, ròng rã 500 năm. Từ đầu thế kỷ 4, đế quốc Byzantine đổi tên Ki Tô Giáo thành "Công Giáo", tiếng Hy Lạp Katholikos có nghĩa là tôn giáo hoàn vũ (Universal Religion). Rất nhiều người Ả Rập trong vùng kiểm soát của đế quốc Byzantine theo đạo Công Giáo. Tất cả những người này thuộc quyền cai quản của Giáo Hội Syria (Syriac Church). Đến giữa thế kỷ 6, đế quốc Công Giáo Byzantine chinh phục được vua xứ Abyssinia (tức là Ethiopia ngày nay) theo đạo và cho nhiều đoàn truyền giáo xâm nhập Yemen ở cực nam bán đảo Ả Rập.

Đế quốc Ba Tư thấy rõ âm mưu của Byzantine nên tìm cách nâng đỡ mọi người Do Thái và những người Ả Rập theo đạo Do Thái nắm chính quyền tại bán đảo Ả Rập. Năm 510 (tức 60 năm trước khi Muhammad sinh ra) với sự yểm trợ của đế quốc Ba Tư, một người Ả

Rập theo đạo Do Thái là Yusuf Asai đã thống lãnh các bộ lạc Ả Rập và lên ngôi vua cai trị toàn bán đảo Ả Rập.

Đến năm 525, đế quốc Byzantine yểm trợ cho vua Công Giáo xứ Abyssinia đem quân xâm chiếm bán đảo Ả Rập. Vua Yusuf Asai chống cự không nổi phải bỏ chạy, cuối cùng nhà vua nhảy xuống biển tự tử. Từ đó, bán đảo Ả Rập thành thuộc địa của Abyssinia và Ki Tô Giáo thành quốc giáo tại xứ này.

Năm 570, người Ả Rập cầu cứu hoàng đế Ba Tư đem quân đánh đuổi quân Ki Tô Giáo Abyssinia. Đế quốc Ba Tư chiến thắng và biến bán đảo Ả Rập thành một tỉnh của đế quốc. Cũng từ đó, Hỏa Giáo của Ba Tư được truyền bá rộng rãi trong dân chúng Ả Rập.

4. Phong Tục Tập Quán:

Dù sống cuộc đời du mục ở sa mạc hay chuyên nghề thương mại sinh sống tại thành thị, mọi người Ả Rập đều thích tự xưng là "những người con của sa mạc" (sons of desert). Từ nhiều ngàn năm qua cho đến nay, người Ả Rập vẫn luôn luôn gắn bó với những con lạc đà. Chúng là những cỗ xe lý tưởng đưa họ qua sa mạc và đồng thời cũng là nguồn cung cấp sữa và thịt. Người Ả Rập ít trồng trọt nên họ thường bị thiếu ngũ cốc và bị suy dinh dưỡng. Cuộc sống sa mạc đã tạo ra hoàn cảnh khiến cho các bộ lạc du mục phải luôn luôn gây chiến với nhau để tranh chiếm các giếng nước hiếm hoi hoặc tranh chiếm các thảo nguyên để thả nuôi gia súc. Qua nhiều thế kỷ, cuộc sống du mục đã hình thành nơi các sắc dân Ả Rập những phong tục tập quán đặc biệt:

a. *Tục trả thù*:

Để có thể sống còn trong những điều kiện khắt nghiệt của sa mạc, mọi người Ả Rập phải tụ họp lại thành từng nhóm (groups) gắn bó với nhau bằng quan hệ huyết thống. Nhiều nhóm liên kết với nhau thành đoàn (clans) hoặc lớn hơn nữa thành bộ lạc (tribes). Mọi cá nhân đều phải gắn bó với quyền lợi chung của bộ lạc. Người Ả Rập gọi tinh thần gắn bó ấy là "muruwah" bao hàm rất nhiều ý nghĩa: phải can đảm trong chiến đấu, phải kiên nhẫn chịu đựng mọi sự đau khổ khi bộ lạc gặp khó khăn, phải cương quyết bảo vệ mọi kẻ yếu trong bộ lạc và phải quyết tâm trả thù những kẻ đã dám xâm phạm đến sinh mạng và tài sản của bộ lạc.

Các tù trưởng có trách nhiệm bảo vệ mọi thành viên trong bộ lạc của mình. Nếu không trừng phạt những kẻ đã xâm phạm đến sinh mạng và tài sản của thành viên trong bộ lạc mình thì tù trưởng đó sẽ không còn được tín nhiệm nữa. Vì tính liên đới trách nhiệm trong bộ lạc nên trong nhiều trường hợp một người trong bộ lạc này bị giết thì một người trong bộ lạc thù địch phải bị giết để đền mạng. Luật sa mạc là nợ máu phải trả bằng máu. Bán đảo Ả Rập là một sân khấu vĩ đại của những chu kỳ bạo động không bao giờ dứt.

Trong những thời kỳ đói kém hay hạn hán, các bộ lạc gặp khó khăn thường chọn một trong những bộ lạc thù địch để tấn công nhằm cướp gia súc, thực phẩm và hàng hóa cần thiết

để sống còn. Các đàn ông của bộ lạc địch đều bị giết. Các đàn bà trẻ đẹp bị bắt đưa về làm vợ bé hay đầy tớ. Số còn lại bị đưa đi bán ở chợ nô lệ.

Những người Ả Rập du mục không hề coi những vụ cướp của giết người như vậy là điều tội lỗi. Họ quan niệm đó chỉ là những việc làm tự nhiên để trừng phạt kẻ thù một cách hợp lý mà thôi.

b. *Tục giết các bé gái sơ sinh* (Female Infanticide)

Luật sa mạc cũng tàn nhẫn như luật rừng: Chỉ có kẻ mạnh sống sót, mọi kẻ yếu phải bị loại trừ! Việc giết các bé gái sơ sinh là một phương cách điều chỉnh dân số của các bộ lạc du mục. Lý do là một khi bộ lạc có quá nhiều con gái và quá ít con trai thì bộ lạc bị lâm vào tình trạng suy yếu. Chỉ có đàn ông con trai mới có thể đáp ứng nhu cầu sống còn của bộ lạc, đó là nhu cầu chiến đấu và nhu cầu lao động sản xuất.

Phụ nữ bị coi rẻ nên xã hội du mục không dành cho họ một quyền lợi luật định nào (no legal right). Họ bị coi như một thứ tài sản, hay nói đúng hơn là một động sản (movabal property). Những gia đình nào đã sinh một vài đứa con gái rồi thì những bé gái sinh sau thường bị giết chết không thương tiếc.

c. *Tục cắt da qui đầu và cắt âm vật*

Theo tương truyền thì Abraham là người đầu tiên tự cắt da qui đầu của mình và cắt da qui đầu các con trai của ông để tỏ lòng tuân phục Thiên Chúa. Do đó, tục lệ cắt da qui đầu trở thành nghi lễ bắt buộc đối với mọi người theo đạo Do Thái. Tục lệ này thường được gọi là Phép Cắt Bì (Cirumcision).

Trước khi có đạo Hồi, đa số người Ả Rập thường tự xưng là tín đồ đạo Abraham, tức Đạo Do Thái Nguyên Thủy. Họ thường cắt da qui đầu cho các bé trai giống như người Do Thái.

Ngoài ra, người Ả Rập có tục lệ cắt bỏ một phần hoặc tất cả âm vật, còn được gọi là mồng đóc (Clitoris) của các bé gái từ 4 đến 8 tuổi. Đây là một tục lệ chung của người Ả Rập, không phân biệt tôn giáo. Hiện nay, nhiều người Ả Rập ở Ai Cập, Yemen, Sudan theo Ki Tô Giáo vẫn giữ tục lệ này. Họ tin rằng việc cắt clitoris tuy có gây đau đớn nhưng tránh cho phụ nữ những đòi hỏi sinh lý và giúp họ dễ trở nên thanh sạch cao đẹp hơn.

d. *Tục chứng minh trinh tiết cô dâu*

Một tục lệ của người Ả rập gây căng thẳng tinh thần cho các cô gái đến tuổi lấy chồng, đó là tục lệ chứng minh trinh tiết cô dâu (Proof of the bride's Virginity). Sau đám cưới, mọi người trong gia đình cô dâu và những người khách tham dự tụ họp bên ngoài phòng ngủ cô dâu chú rễ. Sau khi động phòng, chú rễ bước ra khỏi phòng ngủ báo cáo kết quả cho mọi

người biết. Nếu chú rễ tuyên bố cô dâu đã mất trinh trước đám cưới thì đây là một điều nhục nhã cho gia đình nhà gái và cuộc hôn nhân có thể bị hủy bỏ!

e. *Tục giết gái chửa hoang*

Các cô gái Ả Rập không chồng mà chửa bị coi là đã phạm trọng tội đối với danh dự của gia đình. Các cô gái này thường bị cha hoặc anh em ruột giết chết để bảo vệ danh dự gia đình. Vì thế, người Ả Rập gọi tục lệ này là "Giết người vì danh dự" (Honor Killing). Các cô gái chửa hoang thường khó có thể thoát chết vì dù có chạy đến cầu cứu các cơ quan luật pháp cũng không được bảo vệ. Các thủ phạm giết người trong trường hợp này được xã hội coi là hành động chính đáng và nếu có bị tù thì cũng chỉ trong một thời gian rất ngắn có tính cách tượng trưng mà thôi.

Tất cả các tục lệ kể trên hiện vẫn còn tồn tại trong các xứ Ả Rập Hồi Giáo. Tuy nhiên, những tục lệ đó không xuất phát từ đạo Hồi vì trong kinh Koran cũng như những văn bản luật pháp của đạo Hồi đều không có điều khoản nào qui định về các tục lệ đó. Ngày nay, nhiều nước Hồi Giáo đã ban hành các biện pháp hủy bỏ hoặc hạn chế các tục lệ xét ra có hại và lỗi thời.

Charlie Nguyễn

Nguồn: http://home.earthlink.net